Tuần: 01 Ngày soạn: 10/6/2021

Số tiết: 02 Ngày dạy:………….

**CHƯƠNG I: NHÀ Ở**

**BÀI 1: NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở đối với đời sống con người.

- Nhận biết và kể được một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

- Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà.

- Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.

**2. Năng lực**

- Nhận biết vai trò của nhà ở đối với con người, nhận dạng được các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam, nhận biết được những loại vật liệu dùng trong xây dựng nhà ở…

- Biết được một số thuật ngữ về kiểu nhà ở, các vật liệu xây dựng nhà..

**-** Biết vận dụng linh hoạt, biết trình bày ý tưởng, thảo luận vấn đề của bài học.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức vận dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào đời sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm, quan tâm đến các công việc trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tài liệu: Sách giáo khoa

- Đồ dùng, phương tiện dạy học: máy tính, thiết bị trình chiếu, tranh ảnh các kiểu nhà, tranh ảnh hoặc video clip mô tả các hiện tượng của thiên nhiên, tranh ảnh về vật liệu xây dựng nhà, video clip tóm tắt quy trình xây dựng nhà (nếu có)....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về vai trò, đặc điểm của nhà ở và các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

**b. Nội dung:** Những lợi ích mà nhà ở mang đến cho con người

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về nhà ở của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình chiếu một số bức ảnh về nhà ở và yêu cầu HS vận dụng kiến thức hiểu biết của mình để xác định tên của các kiểu nhà trong từng bức ảnh.*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.*

*- GV đặt vấn đề:* Như các em đã biết, dù con người có thể đến từ nhiều nơi khác nhau, văn hóa khác nhau, ngôn ngữ khác nhau nhưng đều có những nhu cầu cơ bản chung và một trong số đó là nhu cầu về một nơi trú ngụ đó là nhà. Để tìm hiểu kĩ hơn về nhà ở, chúng ta cùng đến với **bài 1: Nhà ở đối với con người.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò của nhà ở**

**a. Mục tiêu:** Giới thiệu vai trò của nhà đối với con người

**b. Nội dung:** Những lợi ích của nhà ở mang lại cho con người

**c. Sản phẩm học tập:** Vai trò của nhà ở đối với con người.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV cho HS xem Hình 1.1 hoặc video clip về các hiện tượng thiên nhiên, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để trả lời các câu hỏi:

*+ Nhà ở giúp ích gì cho con người khi xảy ra các hiện tượng thiên nhiên như trên?*

- GV bổ sung thêm vai trò của nhà ở: bảo vệ con người tránh thú dữ, khói bụi từ môi trường,…

- GV tổ chức cho các nhóm quan sát Hình 1.2 trong SGK và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*+ Kể các hoạt động thiết yếu thường ngày trong gia đình?Hãy kể thêm một số hoạt động khác không có trong hình?*

*+ Các hoạt động hằng ngày của các thành viên trong gia đình được thực hiện ở nơi nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ GV kết luận: *Nhà ở có vai trò đảm bảo con người tránh khỏi những tác hại của thiên nhiên và môi trường. Nhà ở là nơi đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thường ngày của các thành viên trong gia đình.*

**Hoạt động 2: Đặc điểm chung của nhà ở**

**a. Mục tiêu:** giúp HS tìm hiểu đặc điểm chung của nhà ở

**b. Nội dung:** cấu tạo bên ngoài và bên trong của nhà ở

**c. Sản phẩm học tập:** Đặc điểm chung của nhà ở

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1.3 và trả lời các câu hỏi trong SGK.

*+ Phần nào của ngôi nhà nằm dưới đất?*

*+ Phần nào che chắn cho ngôi nhà?*

*+ Thân nhà có những bộ phận chính nào?*

- GV yêu cầu HS nêu cấu trúc chung bên trong của nhà ở bằng cách trả lời câu hỏi:

*+ Các hoạt động thường ngày của gia đình được thể hiện ở những khu vực nào trong ngôi nhà như minh họa ở Hình 1.4?*

- GV yêu cầu các nhóm HS kể thêm những khu vực khác trong nhà ở và so sánh nhà ở với trường học, công sở để nhận biết những khu vực chỉ có trong nhà ở.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức:

+ GV kết luận: *Nhà ở có cấu tạo gồm 3 phần: phần móng nhà, mái nhà và thân nhà. Nhà ở có các khu vực chính trong nhà:nơi tiếp khách, nơi ngủ, ăn uống, nhà bếp và nhà vệ sinh*

**Hoạt động 3: Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** Nêu được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam

**b. Nội dung:** Tìm hiểu một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam

**c. Sản phẩm học tập:** Mô tả kiến trúc nhà ở đặc trưng

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1.5 và hoàn thành bài tập trong SGK: chọn nội dung mô tả kiến trúc nhà ở mỗi hình 1, 2, 3, 4, 5, 6 (H.1.5) phù hợp với nội dung mô tả bên dưới hình

- GV yêu cầu HS mô tả kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam bằng cách trả lời câu hỏi:

*+ Kiến trúc nhà nào em thường thấy ở khu vực nông thôn,thành thị và ven sông?*

*+ Theo em, vì sao kiến trúc nhà nêu trên lại phổ biến ở mỗi khu vực?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ HS hoàn thành bài tập trên vào bảng nhóm

+ GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức:

+ GV kết luận: *Ở nước ta có nhiều kiểu kiến trúc khác nhau, tùy theo điều kiện tự nhiên và tập quán của từng địa phương. Ví dụ: Nhà ở nông thôn hay thành thị hay miền núi hoặc ven sông sẽ được xây dựng theo các kiểu kiến trúc riêng biệt*

**Hoạt động 4: Vật liệu xây dựng nhà**

**a. Mục tiêu:** Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu các loại vật liệu dùng để xây dựng ngôi nhà và cách liên kết các vật liệu xây dựng

**c. Sản phẩm học tập:** Trình bày một số vật liệu xây dựng ngôi nhà

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1.6 và trả lời các câu hỏi sau:

*+ Những vật liệu nào dùng để xây nền nhà, tường nhà?*

*+ Vật liệu nào có thể dùng để lợp mái nhà?*

*+ Gỗ có thể dùng để xây phần nào của ngôi nhà?*

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1.7 và hình 1.8 trong SGK và yêu cầu HS trả lời câu hỏi về cách liên kết các vật liệu xây dựng:

*+ Để liên kết các viên gạch với nhau thành một khối tường, người ta dùng vật liệu gì? Và chúng được tạo ra nhằm mục đích gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ HS thảo luận hoàn thành

+ GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức:

+ GV kết luận: *Các loại vật liệu xây dựng như: cát, đá, xi-măng, thép, gạch, ngói (tôn), vôi, nước sơn, gỗ, nhôm, kính,….*

**Hoạt động 5: Quy trình xây dựng nhà ở**

**a. Mục tiêu:** Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu các các bước xây dựng một ngôi nhà

**c. Sản phẩm học tập:** Trình tự xây dựng ngôi nhà

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS sắp xếp về trình tự xây dựng ngôi nhà: *Thi công xây dựng ngôi nhà – Hoàn thiện ngôi nhà – Chuẩn bị xây dựng nhà.*

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1.9 và trả lời câu hỏi sau:

*+ Theo em, các công việc trong hình 1.9 thuộc bước nào trong quy trình xây dựng nhà ở?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ

+ GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả: Trình tự xây dựng ngôi nhà:

*- Bước 1: Chuẩn bị xây dựng nhà*

*- Bước 2: Thi công xây dựng ngôi nhà*

*- Bước 3: Hoàn thiện ngôi nhà*

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức:

+ GV kết luận: *Quy trình xây dựng ngôi nhà:* *Chuẩn bị xây dựng nhà - Thi công xây dựng ngôi nhà - Hoàn thiện ngôi nhà*

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu rõ hơn vai trò và đặc điểm chung của nhà ở

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi 1 và 2 trang 13 SGK:

***Câu 1:*** *Ngoài các khu vực chính, trong nhà còn có những khu vực nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi: Ngoài các khu vực chính, trong nhà ở còn có những khu vực như phòng tập thể dục, phòng tranh, phòng xem phim riêng giải trí, phòng cho khách, phòng đọc sách, phòng thay đồ...

***Câu 2:*** *Trong nhà ở, một vài khu vực có thể được bố trí chung một vị trí. Em hãy chỉ ra các khu vực có thể bố trí với nhau trong khu vực sau: nơi thờ cũng, nơi học tập, nơi tiếp khách, nơi ngủ nghỉ, nơi nấu ăn, nơi tắm giặt, nơi chăn nuôi, nơi ăn uống, nơi phơi quần áo.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi: nơi nhà bếp + ăn uống, ngủ nghỉ + học tập, nơi thờ cúng + tiếp khách, tắm giặt + vệ sinh

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV yêu cầu Hs quan sát hình ảnh của câu hỏi 3 trong SGK và trả lời câu hỏi sau:

***Câu 3:*** *Em hãy cho biết tên kiến trúc nhà ở trong từng hình?*

- HS hoàn thành câu hỏi

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

***Câu 4:*** *Trong các kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam thì kiểu kiến trúc nào nên xây dựng bằng bê tông cốt thép?*

- HS hoàn thành câu hỏi

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV yêu cầu Hs quan sát các hình ảnh của câu 5 và 6 trong SGK và trả lời câu hỏi 5 và 6

***Câu 5:*** *Em hãy quan sát các ngôi nhà trong hình và cho biết ngôi nhà nào có kết cấu vững chắc nhất?*

***Câu 6:*** *Em hãy cho biết những ngôi nhà trong hình đang thực hiện ở bước nào của quy trình xây dựng ngôi nhà?*

- HS hoàn thành câu hỏi

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nhà ở vào thực tiễn

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập 1, 2 trong phần Vận dụng của SGK:

***Câu 1:*** *Hãy mô tả các khu vực chính trong ngôi nhà của gia đình em?*

***Câu 2:*** *Nhận xét về các kiến trúc nhà phổ biến tại nơi em đang ở?*

- GV hướng dẫn HS nhận định cách phân chia các phòng, các khu vực bên trong ngôi nhà của mình và mô tả về 1 kiểu kiến trúc nhà ở tại địa phương.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:**  **Tổ:** | Họ và tên giáo viên: |

**BÀI 2: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH**

Môn học: Công nghệ; Lớp 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS đạt được các kiến thức:

- Kể được các nguồn năng lượng thông dụng trong gia đình.

- Nêu được các biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả.

**2. Về năng lực:** Sau khi học xong bài này HS đạt được các kĩ năng:

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, kiến thức thực tế để tìm hiểu các nguồn năng lượng trong gia đình.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận để tìm ra các biện pháp sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.

**b. Năng lực công nghệ:**

- Năng lực nhận thức công nghệ: nhận biết được các nguồn năng lượng thông dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình, nhận biết những tác hại của việc sản xuất và sử dụng các nguồn năng lượng thông dụng.

- Năng lực sử dụng công nghệ: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: có ý thức trong việc sử dụng và tiết kiệm các nguồn năng lượng trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Tài liệu giảng dạy: SGK và SBT là tài liệu tham khảo chính.

- Đồ dùng, phương tiện dạy học: máy tính, tivi, tranh ảnh các kiểu nhà, tranh ảnh hoặc video clip mô tả các hiện tượng của thiên nhiên, tranh ảnh về các nguồn năng lượng thông dụng, video clip tóm tắt quy trình sản xuất các nguồn năng lượng thông dụng (than, gas,…), giấy A0, bút lông, ....

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SGK.

- Tìm hiểu nguồn năng lượng thông dụng tại địa phương.

- Quan sát cách sử dụng các nguồn năng lượng tại gia đình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Ổn định tổ chức lớp.**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho HS và tiếp nhận nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Trò chơi: Ghép tranh.

Thể lệ:

- Khi có hiệu lệnh bắt đầu trò chơi, các nhóm sẽ sắp xếp và gắn các mảnh ghép lên khung để được một bức tranh hoàn chỉnh.

- Nhóm nào hoàn thiện phần ghép tranh của nhóm mình thì gắn tranh lên bảng theo hướng dẫn của giáo viên, nhóm nào hoàn thành chính xác và trong thời gian nhanh nhất sẽ là nhóm chiến thắng, thời gian tối đa cho trò chơi ghép tranh là 3 phút.

**c. Sản phẩm:**

- Tranh ghép của các nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| Năng lượng mặt trời là tài nguyên năng lượng gì? | Sự khám phá diệu kỳ của than củi - Than củi Việt Nam |
| Hình 1 | Hình 2 |
| Cối Xay Gió Hình ảnh | Định dạng hình ảnh JPG 500540392| vn.lovepik.com | Điện năng là gì ? - Chia sẻ kinh nghiệm về ô tô, xe máy, các tin tức tổng  hợp |
| Hình 3 | Hình 4 |

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Nhiệm vụ 1.**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

*-* GV chia lớp thành 4 nhóm.

- GV phổ biến luật chơi.

- Khi có hiệu lệnh bắt đầu trò chơi, các nhóm sẽ sắp xếp và gắn các mảnh ghép lên khung để được một bức tranh hoàn chỉnh.

- Nhóm nào hoàn thiện phần ghép tranh của nhóm mình thì gắn tranh lên bảng theo hướng dẫn của giáo viên, nhóm nào hoàn thành chính xác và trong thời gian nhanh nhất sẽ là nhóm chiến thắng, thời gian tối đa cho trò chơi ghép tranh là 3 phút.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

*-* HS nghe phổ biến luật chơi.

- HS thực hiện hoạt động trò chơi: gắn các mảnh ghép lên khung, sau khi hoàn thiện bức tranh lên gắn trên bảng.

- Sau 3 phút, kết thúc trò chơi.

- GV quan sát phần chơi của các nhóm.

***Bước 3. Báo cáo kết quả sản phẩm:***

- Bảng nhóm gắc các bức tranh lên bảng.

***Bước 4. Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét hoạt động.

- Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm.

- Giám khảo công bố kết quả.

**Nhiệm vụ 2.**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Yêu cầu HS quan sát 4 bức tranh.

- Yêu cầu HS nêu nội dung của 4 bức tranh.

- Yêu cầu HS quan sát và giải thích nội dung bức tranh đầu bài học trả lời câu hỏi: Vì sao tiết kiệm điện là góp phần bảo vệ tài nguyên thiện nhiên?

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS xem đoạn video.

- HS quan sát tranh trong SHS.

***Bước 3. Báo cáo kết quả sản phẩm:***

- HS trình bày nội dung 4 bức tranh theo nhìn nhận của cá nhân.

- HS trả lơời câu hỏi: Vì sao tiết kiệm điện là góp phần bảo vệ tài nguyên thiện nhiên?

Theo ý kiến cá nhân.

***Bước 4. Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét 🡪 dẫn dắt vào bài, nêu mục tiêu bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2. 1. Tìm hiểu các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà.**

**a. Mục tiêu:**

- Hướng dẫn HS nhận biết các nguồn năng lượng được sử dụng phổ biến trong ngôi nhà.

- Năng lực nhận thức công nghệ: nhận biết được các nguồn năng lượng thông dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình.

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, kiến thức thực tế để tìm hiểu sử dụng hợp lý điện năng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận để tìm ra các biện pháp sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện năng.

- Trách nhiệm: có ý thức trong việc sử dụng và tiết liệm điện năng trong gia đình và lớp học.

**b. Nội dung:**

- Các hoạt động thường ngày của con người có sử dụng năng lượng.

**c. Sản phẩm:**

- Nhận biết các nguồn năng lượng được sử dụng cho các hoạt động thường ngày của con người trong ngôi nhà.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau:  + Hãy quan sát hình 2.1 SHS và cho biết những hoạt động đó là gì?  + Để thực hiện những hoạt động đó cần có những phương tiện và dụng cụ nào?  + Để vận hành những phương tiện, dụng cụ đó cần có những nguồn năng lượng nào?  + Nguồn năng lượng nào thường được dùng phổ biến cho các hoạt động của con người?  + Hãy kể thêm các nguồn năng lượng khác được sử dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình.  ***Bước 2. Thực hiện nhiện vụ:***  - HS nghe nội dung câu hỏi.  - HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.  ***Bước 3. Báo cáo kết quả sản phẩm:***  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Dự kiến sản phẩm:  + Các hoạt động: Là quần áo, nấu ăn, học tập, làm việc, phơi quần áo.  + Các nguồn năng lượng được sử dụng: năng lượng điện, chất đốt, mặt trời.  + Các nguồn năng lượng khác: Gió.  ***Bước 4. Kết quả, nhận định:***  - Các HS khác theo dõi, bổ sung.  - GV chính xác hoá kiến thức. | **1. Các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà.**  - Năng lượng điện (được tạo thành từ năng lượng tái tạo và không tái tạo): thường được dùng phổ biến trong các hoạt động của con người.  - Năng lượng chất đốt (năng lượng không tái tạo) thường dùng trong nấu ăn, sưởi ấm…  - Năng lương mặt trời và năng lượng gió (năng lượng tái tạo). |

**2. 2. Tìm hiểu về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS hiểu lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.

- Giúp HS biết đuược các biện pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong gia đình.

- Năng lực nhận thức công nghệ: nhận biết những tác hại của việc sản xuất và sử dụng các nguồn năng lượng thông dụng.

- Năng lực sử dụng công nghệ: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng.

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, kiến thức thực tế để tìm hiểu sử dụng hợp lý điện năng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận để tìm ra các biện pháp sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện năng.

**b. Nội dung:**

- Các trường hợp khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất năng lượng gây tác hại đến môi trường, con người và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.

- Các hành động gây lãng phí điện năng và các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện năng.

- Sử dụng chất đốt hiệu quả và tiết kiệm.

**c. Sản phẩm:**

- HS trình bày được lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.

- HS trình bày được cần có ý thức như thế nào để sử dụng tiết kiệm tài nguyên.

- Biện pháp sử dụng điện năng hiệu quả và tiết kiệm.

- Biện pháp sử dụng chất đốt hiệu quả và tiết kiệm.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện thảo luận và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 theo nội dung như sau:  - Nhóm 1 và nhóm 2: Tìm hiểu lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng. Quan sát hình 2.2 SHS và trả lời các câu hỏi:  + Năng lượng điện được sản xuất chủ yếu từ các nguồn năng lượng nào?  + Việc sử dụng điện vượt quá mức cần thiết có thể tác động như thế nào đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất điện?  + Sử dụng chất đốt để đun nấu và sản xuất gây ảnh hưởng như thế nào đến môi trường sống?  + Sử dụng tiết kiệm năng lượng để làm gì?  - Nhóm 3 và nhóm 4: Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình. Quan sát hình 2.3 và trả lời các câu hỏi:  + Vì sao những việc làm trong hình 2.3 lại gây lãng phí điện năng?  + Kể thêm một số hành động gây lãng phí điện năng trong gia đình.  + Hãy nêu một số biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình?  - Nhóm 5 và nhóm 6: Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình. Quan sát hình 2.4 và trả lời các câu hỏi:  + Trong những trường hợp hình 2.4, giả sử cùng chế biến một món ăn, theo em, trường hợp nào giúp tiết kiệm điện năng, vì sao?  + Hãy kể thêm các trường hợp tiết kiệm chất đốt khác mà em biết.  ***Bước 2. Thực hiện nhiện vụ:***  - HS đọc và theo dõi nội dung câu hỏi của các nhóm.  - HS thảo luận nhóm tìm đáp án.  - Trình bày các đáp án phud hợp trên giấy A0.  - GV quan sát, hướng dẫn các nhóm khi có thắc mắc.  ***Bước 3. Báo cáo kết quả sản phẩm:***  - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại theo dõi, thắc mắc, nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến sản phẩm:  - Nhóm 1 và nhóm 2: Tìm hiểu lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.  + Năng lượng điện được sản xuất chủ yếu từ các nguồn năng lượng tái tạo (nước, gió, ánh sáng mặt trời) và năng lượng không tái tạo (than, dầu mỏ)?  + Việc sử dụng điện vượt quá mức cần thiết có thể làm tăng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất điện, dẫn đến nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt.  + Sử dụng chất đốt để đun nấu và sản xuất gây ảnh hưởng đến môi trường sống như: sinh ra nhiều khí độc và chất độc gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.  + Sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm chi bí, bảo vêệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vêệ sức khoẻ cho con người và cộng đồng.  - Nhóm 3 và nhóm 4: Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình  + Những việc làm trong hình 2.3 lại gây lãng phí điện năng vì: đèn bất khi trơời còn sáng và không có người ở trong phòng; tủ lạnh để mở trong khi nói chuyện điện thoại sẽ làm thất thoát hơi lạnh ra ngoài, lúc này tủ lành cần nhiều điện để cung cấp lạị nhiệt độ phù hợp; bật ti vi khi đang đọc báo, lúc này không có nhu cầu sử dụng tivi, tivi để không có ngơời xem gây lãng phí điện.  + Một số hành động gây lãng phí điện năng trong gia đình: không tắt điện nhà vêệ sinh sau khi sử dụng; học xong không tắt đèn học; không tắt đèn, tắt quạt trong phòng ngủ khi ra ngoài ăn cơm…  + Một số biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình: tắt các đồ dùng điện khi không có nhu cầu sử dụng; điều chỉnh chế độ của các đồ dùng điện ở mức vừa đủ dùng; thay các đồ dùng thông thường bằng các đồ dùng tiết kiệm điện; tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên như: gió, ánh sáng mặt trời… để giảm bớt việc sử dụng điện.  - Nhóm 5 và nhóm 6: Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình.  + Trong những trường hợp hình 2.4, giả sử cùng chế biến một món ăn, trường hợp giúp tiết kiệm điện: sử dụng lửa vừa đủ để chế biến món ăn vì sử dụng lửa quá to sẽ thất thoát nguồn nhiệt ra môi trường gây lãng phí năng lượng và ô nhiễm môi trường; Sử dụng bếp cải tiến giúp tiết kiệm năng lương chất đốt khi đun nấu đồng thời giảm bớt khói bụi làm ô nhiễm môi trường.  + Các trường hợp tiết kiệm chất đốt khác: điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với đáy nồi và phù hợp với món ăn; tắt thiết bị ngay sau khi sử dụng xong; sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm điện.  ***Bước 4. Kết quả, nhận định:***  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS đánh giá theo bảng đán giá.  - GV chính xác hoá kiến thức, HS ghi bài. | **2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.**  **2.1. Lí do cần phải tiết kiệm năng lượng.**  Sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm chi bí, bảo vêệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vêệ sức khoẻ cho con người và cộng đồng.  **2.2. Biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình.**  Các biện pháp tiết kiệm điện:  - Tắt các đồ dùng điện khi không có nhu cầu sử dụng.  - Điều chỉnh chế độ của các đồ dùng điện ở mức vừa đủ dùng.  - Thay các đồ dùng thông thường bằng các đồ dùng tiết kiệm điện.  - Tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên như: gió, ánh sáng mặt trời… để giảm bớt việc sử dụng điện.  **2.3. Biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình.**  Các biện pháp tiết kiệm chất đốt.  - Điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với đáy nồi và phù hợp với món ăn.  - Tắt thiết bị ngay sau khi sử dụng xong.  - Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm điện. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: làm sáng tỏ và củng cố và các kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: bài tập phần luyện tập SGK.

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS.

- Bảng nhóm hoàn thành bài tập của HS.

**d. Tiến trình hoạt động.**

**Nhiệm vụ 1.**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trong SGK, suy nghĩ trả lơời câu hỏi.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc câu hỏi.

- HS tập trung nghe và trả lời câu hỏi.

- HS trả lời cá nhân.

***Bước 3. Báo cáo kết quả sản phẩm****:*

- Câu trả lời của HS.

- Dự kiến sản phẩm:

1. + Nguồn năng lượng để duy trì cho máy tính cầm tay, quạt bàn, tủ lạnh, đèn pin là năng lượng điện.

+ Nguồn năng lượng để duy trì cho bật lửa, bếp cồn là năng lượng chất đốt.

2. + Những đồ dùng sử dụng năng lượng điện: tivi, máy lạnh, máy giặt,…

+ Những đồ dùng sử dụng năng lượng chất đốt: bếp ga, bếp than,…

3. Những biện pháp tiết kiệm điện khi sử dụng tivi, tủ lạnh: chỉ sử dụng khi có nhu cầu; tắt hẳn nguồn điện khi không sử dụng; không mở tủ lạnh quá lâu; không để đôồ ăn còn nóng vào tủ lạnh; không chất đồ ăn quá nhiều; vệ sinh sạch sẽ, …

4. – Dùng nồi nhỏ phù hợp với lượng thực phẩm giúp sử dụng nguồn chất đốt hiệu quả và nấu nhanh hơn.

- Dùng kiếng chắn gió cho bếp gas giúp tránh thất thoát nhiệt giúp nấu nhanh hơn và tiết kiệm nguồn chất đốt.

- Ngâm đậu trước khi nấu mềm giúp giảm thời gian nấu, tiết kiệm chắt đốt.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- HS nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét.

**Nhiệm vụ 2.**

***Bước 1*. *Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS quan sát và hoàn thành sơ đồ tư duy nội dung bài học trong 3 phút.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

*-* Học sinh quan sát sơ đồ, suy nghĩ và hoàn thành sơ đồ tư duy.

***Bước 3. Báo cáo kết quả sản phẩm***

- HS trả lời lên trình bày.

- Các nhóm khác theo dõi bổ sung.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

*-* Nhận xét hoạt động

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- HS đánh giá theo bảng rubric đánh giá cá nhân.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng nội dung bài học giải quyết vấn đề.

**b. Nội dung:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện:

+ Nhà em đang sử dụng những nguồn năng lượng nào? Nguồn năng lượng đó được sử dụng để làm gì?

+ Quan sát các hoạt động của gia đình, cho biết một số hành động gây lãng phí và tiết kiệm năng lượng điện và chất đốt? Để tránh tình trạng lãng phí đó, em cần làm gì?

**c. Sản phẩm:** báo cáo của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động:** Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm và nộp lại báo cáo vào tiết sau.

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS về nhà quan sát, tìm hiểu và báo cáo vào vở bài tập theo nội dung:

+ Nhà em đang sử dụng những nguồn năng lượng nào? Nguồn năng lượng đó được sử dụng để làm gì?

+ Quan sát các hoạt động của gia đình, cho biết một số hành động gây lãng phí và tiết kiệm năng lượng điện và chất đốt? Để tránh tình trạng lãng phí đó, em cần làm gì?

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS lắng nghe chuyển giao nhiệm vụ.

- HS về nhà quan sát các việc làm sử dụng các nguồn năng lượng trong gia đình; liệt kê và hoàn thành nội dung báo cáo học tập.

***Bước 3. Báo cáo kết quả sản phẩm:***

- HS trình bày kết quả vào tiết sau.

***Bước 4. Kết quả, nhận định:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**Hướng dẫn về nhà:**

- Về nhà học bài và trả lời câu hỏi SBT.

- Tham khảo, tìm hiểu một số loại nhà ở.

- Tìm hiểu bài 3: Ngôi nhà thông minh.

**Bảng Rubric đánh giá năng lực sử dụng công nghệ.**

**Hướng dẫn:** HS đánh dấu tích vào ô trống (mỗi hàng chỉ được tích vào 1 ô) tương ứng với mức độ đạt được của nhóm báo cáo.

**Hướng dẫn đến từng học sinh:** Đại diện nhóm báo cáo kết quả hoạt động nhóm sẽ được cộng 1 điểm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đánh giá** | | | |
| **Mức 4** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| **Nội dung, cấu trúc báo cáo.**  **(4 điểm)** | Có đầy đủ nội dung, có phẩn giới thiệu và kết thúc. **(2đ)** | Có đầy đủ nội dung, nhưng thiếu phẩn giới thiệu hoặc kết thúc. **(1,5đ)** | Chưa đầy đủ nội dung, có phẩn giới thiệu và kết thúc.  **(1đ)** | Chưa đầy đủ nội dung, không có phẩn giới thiệu và kết thúc. **(0,5đ)** |
|  |  |  |  |
| Nội dung trình bày báo cáo khoa học, chính xác, chi tiết.**(2đ)** | Nội dung trình bày trên 70% chính xác, khoa học.  **(1,5đ)** | Nội dung trình bày từ 50 - 70% chính xác, khoa học.  **(1đ)** | Nội dung trình bày hơn 50% chính xác, khoa học. **(0,5đ)** |
|  |  |  |  |
| **Hình thức báo cáo.**  **(1 điểm)** | Trình bày rõ ràng, mạch lạc, phong thái tự tin, không lệ thuộc vào tài liệu. | Trình bày rõ ràng, mạch lạc, phong thái tự tin, lệ thuộc vào tài liệu. **(0,75đ)** | Trình bày rõ ràng, nhưng rời rạc. **(0,5đ)** | Trình bày chưa rõ ràng hoặc ngắt quãng. **(0,25đ)** |
|  |  |  |  |
| **Công cụ báo cáo.**  **(2 điểm)** | Sử dụng công cụ hiệu quả, phù hợp, sáng tạo. **(2đ)** | Sử dụng công cụ hiệu quả, phù hợp. **(1,5đ)** | Sử dụng công cụ phù hợp. **(1đ)** | Có sủ dụng công cụ đánh giá. **(0,5đ)** |
|  |  |  |  |
| **Kết nối, phản hồi, hợp tác.**  **(3 điểm)** | Phân công công việc hợp lý, có sự hợp tác tốt. Đảm bảo thời gian thuyết trình. **(2đ)** | Phân công công việc hợp lý, có sự hợp tác. Đảm bảo thời gian thuyết trình. **(1,5đ)** | Phân công công việc rõ ràng, 1-2 thành viên không hợp tác. Quá thời gian thuyết trình. **(1đ)** | Phân công công việc chưa rõ ràng, nhóm không hợp tác.  Quá thời gian thuyết trình. **(0,5đ)** |
|  |  |  |  |
| Trả lời đúng các câu hỏi của GV và nhóm khác. **(1đ)** | Trả lời đúng trên 70% các câu hỏi của GV và nhóm khác. **(0,75đ)** | Trả lời đúng trên 50% các câu hỏi của GV và nhóm khác. **(0,5đ)** | Trả lời dưới 50% các câu hỏi của GV và nhóm khác. **(0,25đ)** |
|  |  |  |  |

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

[**https://www.facebook.com/groups/thuvienstem**](https://www.facebook.com/groups/thuvienstem)

**Bảng rubric đánh giá hoạt động cá nhân.**

**Hướng dẫn:**

**-** HS đánh dấu tích vào ô trống tương ứng (mỗi hàng chỉ được tích vào 1 ô) với mức độ đạt được của nhóm báo cáo.

- Cá nhân đạt:

+ 4/4 tiêu chí xếp tốt thì đạt loại tốt.

+ 3/4 tiêu chí xếp tốt thì đạt loại khá.

+ 2/4 tiêu chí xếp tốt thì đạt loại trung bình.

+ Chỉ có 1 tiêu chí hoặc không có tiêu chí tốt thì cần điều chỉnh.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Cần điều chỉnh.** |
| **Ý thức học tập** | Tham gia đầy đủ các buổi học tập trên lớp và làm viêc nhóm. | Tham gia hầu hết các buổi học tập trên lớp và làm viêc nhóm. | Tham gia các buổi học tập trên lớp và làm viêc nhóm nhưng để lãng phí. | Tham gia nhưng thực hiện các công việc không liên quan. |
|  |  |  |  |
| **Tranh luận, trao đổi.** | Chú ý trao dổi, lắng nghe ý kiến của người khác và đưa ra ý kiến cá nhân. | Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến người khác đôi khi đưa ra các ý kiến cá nhân. | Đôi khi không chú ý lắng nghe, có ý kiến riêng. | Không chú ý lắng nghe, đôi khi có ý kiến riêng. |
|  |  |  |  |
| **Hợp tác** | Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng ít hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung. |
|  |  |  |  |
| **Sắp xếp thời gian** | Hoàn thành đúng thời gian. | Thường hoàn thành công viêc được giao không làm chậm trễ công viêc chung của nhóm . | Không hoàn thành đúng thời gian, làm đình trệ công viêc chung của nhóm. | Không đúng thời gian. Thường xuyên buộc nhóm phải thay đổi điều chỉnh kế hoạch |
|  |  |  |  |

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

**CHƯƠNG I: NHÀ Ở**

**BÀI 3: NGÔI NHÀ THÔNG MINH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

• Biết thế nào là ngôi nhà thông minh.

• Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

• Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả .

**2. Năng lực**

a)- Năng lực chung: tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.

b)- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức công nghệ: nhận biết các dấu hiệu của ngôi nhà hông minh, các đặc điểm của ngôi nhà thông minh;

+ Sử dụng được thuật ngữ về các hệ thống kĩ thuật; các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh;

+ Sử dụng công nghệ cụ thể: bước đầu khám phá một số chức năng của đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh;

+ Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá về những tiện ít của đồ dùng công nghệ trong nhà;

+ Thiết kế công nghệ: bước đầu hình thành ý tưởng về tiện ích của đồ dùng công nghệ để phục vụ cho ngôi nhà thông minh.

**3. Phẩm chất**

Tự tin, chăm chỉ, tự học, trung thực và trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

•Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

•Đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh các kiểu nhà, video clip về ngôi nhà thông minh.

**2. Đối với học sinh:**

•Đọc trước bài học trong SHS

•Tìm hiểu tính năng của các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà mình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về ngôi nhà thông minh.

**b. Nội dung:** Những tiện ích mà các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà mang lại cho con người

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về ngôi nhà thông minh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV khuyến khích HS nêu những mong muốn đối với ngôi nhà đang ở để cuộc sống được thuận tiện, thoải mái, an toàn.*

*- GV đặt câu hỏi khơi gợi nhu cầu tìm hiểu tron thực tế có những đồ dùng công nghệ mang lại tiện ích giúp ngôi thông minh như HS mong muốn*

*- HS tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.*

*- GV giới thiệu mục tiêu bài*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ngôi nhà thông minh**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết những dấu hiệu của ngôi nhà thông minh

**b. Nội dung:** Những tính năng có được của các thiết bị, đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh

**c. Sản phẩm học tập:** Dấu hiệu cảu ngôi nhà thông minh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS xem Hình 3.1  - GV yêu cầu các nhóm trả lời:  *+ Nhận biết được tính năng từng loại thiết bị, nhận biết các thiết bị trong ngôi nhà có sự kết nối với hệ thống điều khiển*  *+ So sánh ngôi nhà thông minh với ngôi nhà thông thường về những thiết bị hoạt động theo ý muốn của người dùng?*  *+ Nhận xét về dấu hiệu của ngôi nhà thông minh*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận: *Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động cho các thiết bị trong nhà tự độn hoạt động theo ý muốn của người sử dụng.* | **I. Ngôi nhà thông minh**  Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động cho các thiết bị trong nhà tự độn hoạt động theo ý muốn của người sử dụng. |

**Hoạt động 2: Đặc điểm của ngôi nhà thông minh**

**a. Mục tiêu:** Biết những đặc điểm của ngôi nhà thông minh

**b. Nội dung:** Những tiện ích của các thiết bị, đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh.

**c. Sản phẩm học tập:** Đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 3.1, 3.2  - GV yêu cầu các nhóm trả lời:  + Cho biết biện pháp an ninh và tiết kiệm năng lượng trong ngôi nhà thông minh được thực hiện như thế nào?  *+ Đặc điểm của ngôi nhà thông minh so với nhà bình thường (tiện ích; an ninh, an toàn; năng lượng)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận:   * Tiện ích: Khi sử dụng đồ dùng trong ngôi nhà trông thường, ta phải tác động trực tiếp (mở, tắt, khóa). Trong khi trong ngôi nhà thông minh, các đồ dùng được cài đặt chương trình để tắt/mở/ khóa tự động. * An ninh, an toàn: trong nhà thông minh có hệ thống giám sát hoạt động các đồ dùng (bằng điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng) * Tiết kiệm năng lượng: Những đồ vật trong nhà thông minh được cài đặt chương trình chỉ tự động mở khi cần sử dụng và tự động tắt khi không còn dùng đến, nhằm tiết kiệm năng lượng.... | **II. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh**  - Đặc điểm của ngôi nhà thông minh:  + Tiện ích  + An ninh, an toàn  + Tiết kiệm năng lượng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** củng cố kiến thức về đặc điểm của ngôi nhà thông minh, giúp HS đánh giá những tình huống thể trong thực tiễn

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS tìm hiểu thông tin về: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu tủa tron gia đình SGK và trả lời câu hỏi”

***Câu 1:*** *Để tiết kiệm năng lượng em cần lưu ý những điều gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

***Câu 1:***Để tiết kiệm năng lượng em cần lưu ý

+ Thiết kề nhà phải đảm bảo tính thông thoáng, tăng cường sử dụng ánh sáng tự nhiên

+ Sử dụng các vật liệu có khả năng cách nhiệt tốt.

+ Lựa chọn các thiết bị, đồ dùng tiết kiệm năng lượng

+ Sự dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường như năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

+ Sử dụng các thiết bị, đồ dùng đúng cách tiết kiệm năng lượng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng những kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiễn

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập 1 trong phần Vận dụng của SGK:

- GV hướng dẫn HS tự nhận xét, đánh giá thực tiễn ngôi nhà của mình và nhận xét những ngôi nhà đã từng nhìn thấy để mô tả những đồ dùng hoặc ngôi nhà thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Hình thức đánh giá** | **Hình thức đánh giá** | **Hình thức đánh giá** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**BÀI 4: THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (TIẾT 1)**

**I. Mục tiêu**

1 **Kiến thức**

- Nêu đuợc vai trò của các chất dinh dưỡng: Sinh tố, khoáng, chất xơ, nước và giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn trong bữa ăn hàng ngày.

- Nắm được nhu cầu của mỗi chất dinh dưỡng đối với cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng với cơ thể trong một ngày.

2 **Kĩ năng**

- Nhận biết, lựa chọn được một số nguồn lương thực, thực phẩm có chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể con người như: chất khoáng, vitamin, chất xơ, nước và các nhóm thức ăn.

- Lựa chọn và sử dụng được một số nguồn lương thực, thực phẩm có chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể con người một cách hợp lí

**3 Thái độ:** Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

**4 Định hướng năng lực:** Rèn năng lực giao tiếp,quan sát, hợp tác, tư duy

**II. Chuẩn bị**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm một số tranh ảnh về các nguồn dinh dưỡng, thông tin về các chất dinh dưỡng: vitamin, chất khoáng, nước, chất xơ.

- Sưu tầm một số tranh ảnh về tác dụng của các chất dinh dưỡng với cơ thể, thông tin về các chất dinh dưỡng và nhu cầu của cơ thể.

- Bảng phụ.

- GV: Tìm hiểu trước bài

**2. Học sinh**

- Học và đọc trước bài.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. TIẾN** **TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**.

***1. Các hoạt động đầu giờ***

***Kiểm tra:*** ? Gọi 3 học sinh lên bảng, lần lượt lấy ví dụ về các chất đạm, chất đường bột, chất béo và nêu chức năng của các chất đó.

**2. Tiến trình bài dạy**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

1 *Mục tiêu* : phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo tìm tòi kiến thức tạo hứng thú cho hs.

*2 Phương thức*: Hđ cá nhân

*3 Sản phẩm* : Phiếu học tập

*4 Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá

- Gv đánh giá

5 Tiến trình

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐN tl câu hỏi: Để cơ thể luôn khỏe mạnh, qiúp con người sống và học tập tốt cần đáp ứng đủ các chất dinh dưỡng. Đó là chất dinh dưỡng nào?

***\*Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh tiếp nhận trả lời*

***Các chất dinh dưỡng :*** Đạm, béo, đường bột, vitamin, khoáng,…

*- Học sinh nhận xét, bổ sung.*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học*

**Đặt vấn đề : C**húng ta đã tìm hiểu về các chất dinh dưỡng cần thiết nhất đối với cơ thể con người. Ngoài những chất dinh dưỡng trên, cơ thể còn cần những chất dinh dưỡng nào khác nữa, và giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn ra sao ?

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

*- Mục tiêu* : HS nắm nguồn cung cấp, vai trò của các chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày: Chất sinh tố, chất khoáng,nước, xơ. Biết được giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn.

-  *Nhiệm vụ* : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

- *Phương thức hoạt động* : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

*- Sản phẩm* : Nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

*Gợi ý tiến trình hoạt động*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| ***Hoạt động 1: Tìm hiểu giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn: 15’***  - Yêu cầu hs nghiên cứu tài liệu, quan sát hình 4.1  ? Kể tên các loại thức ăn và giá trị dinh dưỡng của từng nhóm?  ? Việc phân chia các nhóm thức ăn như vậy có ý nghĩa gì với việc tổ chức bữa ăn hàng ngày của chúng ta?  ? Quan sát thực tế hàng ngày, em thấy bữa ăn của gia đinh đã đủ 4 nhóm thức ăn chưa?  ? Vì sao phải thay thế thức ăn? Nên thay bằng cách nào?  ? Ở nhà mẹ em thường thay đổi món ăn như thế nào? (GV có thể gợi ý cho hs về thay thế thức ăn trong 3 bữa sáng, trưa, tối )  **Hoạt động 2** .**Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể: 15’**  GV cho Hs hoạt động theo nhóm, sau đó đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác theo đợi và nhận xét.  *1.Mục tiêu* : nắm được nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể  *2.Phương thức*:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;  hoạt động cả lớp  *3.Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân  phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi  *4.Kiểm tra, đánh giá:*  - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau  - Gv đánh giá  *5.Tiến trình*  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV chiếu 1 số hình ảnh con người suy dinh dưỡng, béo phì, bình thường, ... và phát phiếu học tập, yêu cầu hs quan sát  - GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, làm báo cáo kết quả, lắng nghe ý kiến nhóm khác đánh giá kết quả.  - GV nhận xét, chốt.  ? Em có nhận xét gì về thể trạng của cậu bé. Em bé mắc bệnh gì và do nguyên nhân nào gây nên?  - Thiếu chất đạm trầm trọng ảnh hưởng như thế nào đối với trẻ em?  - Nếu ăn thừa chất đạm sẽ có tác hại như thế nào ?  - GV hướng dẫn HS xem hình 4.2 trang 26 và trả lời các câu hỏi SGK  - Em sẽ khuyên cậu bé đó như thế nào để gầy bớt đi?  - Ăn thiếu chất đường bột như thế nào?  - Em hãy cho biết thức ăn nào có thể làm răng dễ bị sâu ? đường  - Ăn quá nhiều chất béo thì cơ thể như thế nào ? sẽ bị hiện tượng gì ?  - Ăn thiếu chất béo cơ thể như thế nào?  \* GV hướng dẫn, nhận xét. | - HS kể tên 4 nhóm thức ăn và các chất dinh dưỡng mà mỗi nhóm cung cấp cho con người.  - Giúp ta dễ dàng lựa chọn và thay đổi thực phẩm cho bữa ăn.  -HS tự đưa ra và nhận xét, các hs khác bổ sung,  - Trả lời theo sgk.  - HS: nhận xét, trả lời theo Ví dụ.  HS quan sát sau đó hoạt động nhóm hoàn thành nội dung yêu cầu trong phiếu học tập vào bảng A0  Hs : nghe và làm các thao tác sau  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  *Hs : hđn* Gv : theo dõi  ***\*Báo cáo kết quả***  - Đại diện nhóm trả lời,  ***\*Đánh giá kết quả***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát nhận xét.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát nhận xét.  - HS quan sát nhận xét.  - HS quan sát nhận xét.  - HS quan sát nhận xét.  - HS quan sát nhận xét. | **1. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn.**  Căn cứ vào giá trị dinh dưỡng, có 4 nhóm thức ăn:  - Nhóm giàu chất đạm  - Nhóm giàu chất đường, bột  - Nhóm giàu chất béo  - Nhóm giàu vitamin, chất khoáng  Mỗi ngày, trong khẩu phần ăn nên chọn đủ thực phẩm của 4 nhóm chính để cơ thể phát triển và khỏe mạnh.  **III- Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể**  Cơ thể luôn đòi hỏi phải có đủ chất dinh dưỡng để nuôi sống và phát triển. Mọi sự thừa hoặc thiếu đều có hại cho sức khoẻ.  **-** Nếu ăn uống thiếu chất thì bị suy dinh dưỡng làm cho cơ thể phát triển chậm lại hoặc ngừng phát triển. Ngoài ra trẻ em còn dễ bị mắc bệnh nhiễm khuẩn và trí tuệ kém phát triển.  - Nếu ăn uống thừa so với nhu cầu cơ thể, kèm theo lười vận động gây nên bệnh béo phì, bệnh huyết áp, bệnh tim mạch,. . . |

**C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 5’**

*1.Mục tiêu* : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để làm bài tập.

*2.Phương thức:* Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp

*3.Sản phẩm* : Nội dung trả lời cá nhân của HS vào vở, phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm.

*4.Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

*5.Tiến trình*

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu Hs trả lời một số câu hỏi và hoàn thiện một số bài tập

**C1- Những chất nào sau đây không phải chất dinh dưỡng nhưng rất quan trọng**

A. Chất đạm và chất béo B. Chất bột và đường

C. Nước và chất xơ D. Vitamin và chất khoáng

**C2: Nhu cầu dinh dưỡng phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây?**

A. Lứa tuổi

B. Giới tính và tình trạng sinh lí

C. Mức độ lao động và hoạt động thể lực

D. Tất cả các yếu tố trên.

**C3:Những dấu hiệu nào sau đây cho biết cơ thể em đang thiếu chất dinh dưỡng.**

A. dễ bị đói, mệt, cơ thể ốm yếu.

B. thiếu năng lượng và vitamin, cơ thể ốm yếu, dễ bị mệt, đói.

C. Trẻ em sẽ bị bệnh suy dinh dưỡng, mắc bệnh nhiễm khuẩn và trí tuệ kém phát triển.

***\*Thực hiện nhiệm vụ***

-Hs : **HS** Hđ cá nhân.

- GV: gọi một em trả lời, em khác nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm: C1: C; C2: D, C3: C

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kt

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG*,* TÌM TÒI, MỞ RỘNG: 5’**

*Mục tiêu* : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để trả lời câu hỏi.

*Nhiệm vụ* : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

*Phương thức hoạt động* : HĐ cặp đôi

*Sản phẩm* :. Câu trả lời của học sinh.

*Gợi ý tiến trình hoạt động*

- Hãy tìm những món ăn có trong thực đơn khác có sử dụng những thực phẩm tương đương có thể thay thế cho những thực phẩm trong thực đơn sau( lấy ít nhất 3 ví dụ)

1. Thịt lợn rang

2. Đậu rán

3. Canh cua rau đay mồng tơi

4. Cà muối

- Ăn uống hợp lí phải kèm theo chế độ vận động hợp lí. Em hãy quan sát tháp dinh dưỡng- vận động phía sau, liên hệ với bản thân và điền vào bảng sau những việc em cần thực hiện để có chế độ vận động phù hợp, tốt cho sức khỏe.

**\***- Về nhà học thuộc bài.

- Về nhà học bài, làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trang 29, 30 SGK.

- Chuẩn bị tiếp phần phân chia số bữa ăn hợp lí.

- Sưu tầm tranh hình.

***\* Rút kinh nghiệm***

*Ngày soạn:*

*Ngạy dạy:*

**Bài 4: THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (tiết 2, 3)**

I. MỤC TIÊU

**1. Về kiến thức, kĩ năng**

- Kể tên được một số nhóm thực phẩm chính, nêu được giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm chính đối với sức khỏe con người, yêu cầu của chế độ dinh dưỡng hợp lí.

- Xây dựng được bữa ăn dinh dưỡng hợp lí, ước tính được chi phí tài chính dành cho một bữa ăn gia đình.

- Hình thành thói quen ăn uống khoa học để giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết đượcchức năng của từng nhóm thực phẩm chủ yếu đối với cơ thể con người, chế độ dinh dưỡng hợp lí và các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Giao tiếp công nghệ: Sử dụng được thuật ngữ về các nhóm thực phẩm, thuật ngữ mô tả món ăn để trình bày về bữa ăn thường ngày của gia đình và chế độ dinh dưỡng hợp lí.

- Sử dụng công nghệ: Sử dụng các món ăn từ thực phẩm giàu dinh dưỡng để phối hợp thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Đánh giá công nghệ: Nhận xét, đánh giá nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người khác nhau, nhận xét đánh giá bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Thiết kế công nghệ: Đề xuất bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình.

**b. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học, chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề về dinh dưỡng hợp lí, đề xuất được giải pháp cho bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**3. Về phẩm chất**

- Nhân ái, yêu quý, quan tâm đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trường trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, ý thức rèn luyện, chăm sóc sức khỏe bản thân.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu bài.

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK, SGV, SBTvà tài liệu về các loại thực phẩm giàu chất dinh dưỡng, khuyến cáo của Viện Dinh dưỡng Quốc gia về chế độ dinh dưỡng hợp lí….

- Hình ảnh thực phẩm trong từng nhóm, các món ăn thường ngày trong gia đình, trẻ em với nhiều thể trạng khác nhau.

- Các phiếu học tập, giấy A1 (đánh dấu vị trí ghi bài của cá nhân, nhóm), bút dạ

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài

- Tìm hiểu các món ăn thường ngày của gia đình và những loại thực phẩm thường dùng và đơn giá của chúng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**\* Mục tiêu:** Tạo tâm thế, hứng thú tìm hiểu về các nhóm thực phẩm và chức năng của chúng đối với cơ thể

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập**:

- GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi trả lời câu hỏi:

? Nếu ngày nào cũng chỉ ăn một món mình ưa thích ( VD trứng tráng) thì có được không?

? Vì sao hàng ngày chúng ta phải sử dụng nhiều loại thực phẩm khác nhau?

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Hs trao đổi cặp đôi, thống nhất câu trả lời

**+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

GV gọi một số đại diện báo cáo và phân tích

**\* Sản phẩm học tập:**

Câu trả lời của các cặp đôi

**\* Phương án đánh giá**

HS nghe và nhận xét chéo cặp

GV bổ sung và giới thiệu bài, yêu cầu HS đọc mục tiêu bài trong SGK.

**Hoạt động** **2. Hình thành kiến thức mới**

**3. Chế độ ăn uống khoa học.**

**a. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.**

**\* Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết yêu cầu của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu:

- Hs hoạt động cá nhân:

Quan sát bữa ăn dinh dưỡng hợp lí Hình 7.3 SGK/47.

? Nêu nhận xét về loại món ăn và thành phần các nhóm thực phẩm chính được sử dụng trong bữa ăn.

Ghi câu trả lời vào vị trí của mình được đánh dấu trên giấy A1.

- HS hoạt động nhóm:

Sau khi các bạn trong nhóm hoạt động cá nhân xong nhóm trưởng điều hành thảo luận nhóm thống nhát câu trẩ lời, cử thư kí ghi lại vào khu vực đã được đánh dấu cho nhóm.

GV phát giấy A1 và bút dạ cho các nhóm

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Nhóm trưởng điều hành các bạn hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV

**+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

GV nghe báo cáo tại nhóm, nhận xét bổ sung hoàn thiện kiến thức cho các HS trong nhóm sau đó cử các đại diện của nhóm đến nhóm khác nghe trình bày kết quả, giải đáp thắc mắc nếu có.

**\* Sản phẩm học tập:**

Bảng báo cáo kết quả làm việc của nhóm

**\* Phương án đánh giá**

Cá nhân đại diện được GV cử đến nghe báo cáo đánh giá, nhận xét nhóm được phân công

\* GV đưa ra nhận xét về những nhóm thực phẩm được sử dụng trong bữa ăn:

Nhóm thực phẩm giàu vitamin và khoáng chất được sử dụng với lượng nhiều nhất.

Nhóm thực phẩm giàu chất đạm và chất đường bột được sử dụng với lượng vừa phải.

Nhóm thực phẩm giàu chất béo được sử dụng với lượng ít nhất.

GV giúp HS đưa ra kết luận:

**KÊT LUẬN**

**Chế độ ăn uống khoa học trước hết cần có bữa ăn dinh dưỡng hợp lí. Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí phải có đủ các nhóm thực phẩm chính với tỉ lệ thích hợp và nên có đủ các loại món ăn chính ( canh, xào hoặc luộc, món mặn)**

\* GV cũng lưu ý HS: Có nhiều cách sử dụng thực phẩm trong 4 nhóm chính để chế biến thành những món ăn cung cấp các chất dinh dưỡng khác nhau. Tùy thuộc vào điều kiện của mỗi gia đình để lựa chọn thực phẩm theo mùa, phối hợp thực phẩm trong 4 nhóm để chế biến thành những bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**b. Phân chia số bữa ăn hợp lí.**

**\* Mục tiêu:** Giới thiệu cách phân chia số bữa ăn trong ngày hợp lí

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Đọc thông tin phần 3.2 SGK/47,48 kết hợp quan sát nghiên cứu tranh vẽ Hình 7.4 trả lời câu hỏi:

? Thời gian phân chia các bữa ăn của gia đình trong hình vẽ như thế nào? Có hợp lí không? Tại sao.

? Hai bữa ăn chính ăn quá gần hoặc quá xa nhau điều gì sẽ xảy ra.

? Theo em các bữa ăn chính cách nhau tối thiểu bao nhiêu giờ là hợp lí? Lưu ý gì khi ăn.

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

HS hoạt động cá nhân thực hiện yêu cầu của giáo viên

**+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân báo cáo trước lớp

**\* Sản phẩm học tập:**

Câu trả lời của HS

**\* Phương án đánh giá**

HS tự nhận xét kết quả trả lời của mình.

\* GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung vừa tìm được để hoàn thiện kiến thức

**KÊT LUẬN**

**Để có chế độ dinh dưỡng hợp lí phải ăn đúng bữa, đúng cách để giúp cơ thể tiêu hóa thức ăn dễ dàng.**

\* GV cung cấp thông tin bổ sung:

+ Bữa sáng:sau khi ngủ dậy bụng đói, nên ăn đủ năng lượng cho lao động và học tập.

+ Bữa trưa:sau buổi lao động và học tập, cần ăn bổ sung đủ chất để có năng lượng cho các hoạt động buổi chiều.

+ Bữa tối: sau một ngày làm việc vất vả, cơ thể cần bổ sung chất dinh dưỡng để bù đắp năng lượng đã mất đi.

Ngoài ra còn có các bữa phụ, bữa xế để phù hợp với thời gian học tập, làm việc…

**4. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**

**a. Các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.**

**\* Mục tiêu:** Ôn lại kiến thức về các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV đưa ra nhiệm vụ như sau:

Cá nhân chia sẻ với các bạn trong nhóm về các món mình đã ăn trong bữa sáng hoặc bữa trưa hoặc tối.

Nhóm nhận xét xem bữa ăn của bạn mình đã hợp lí chưa? Nếu chưa hợp lí hãy góp ý để bạn điều chỉnh lại cho hợp lí.

Chọn ra một bữa ăn được cho là hợp lí nhất? Giải thích tại sao lại chọn như vậy.

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân và nhóm thực hiện theo yêu cầu của GV

**+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Đại diện nhóm báo cáo bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm

**\* Sản phẩm học tập:**

Bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm

**\* Phương án đánh giá**

Tự đánh giá bài làm của cá nhân và của nhóm

\* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để hoàn thiện kiến thức

? Một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cần đảm bảo yếu tố nào

**KÊT LUẬN**

***Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí có yếu tố sau: Đầy đủ thực phẩm thuộc 4 nhóm chính với tỉ lệ thích hợp. Nên có đủ 3 loại món ăn chính.***

**b. Chi phí của bữa ăn**

**\* Mục tiêu:** Hướng dẫn cách tính chi phí cho một bữa ăn

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin phần 4.2, trao đổi cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập số 2:

GV phát phiếu cho các cặp đôi.

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

HS thực hiện theo yêu cầu của GV

**+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Trao đổi phiếu học tập cho cặp đôi bên cạnh

**\* Sản phẩm học tập:**

Phiếu học tập của cặp đôi

**\* Phương án đánh giá**

Đánh giá chéo bài làm của cặp đôi theo đáp án của GV

\* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để hoàn thiện kiến thức

? Cách tính chi phí cho một bữa ăn.

**KÊT LUẬN**

***Chi phí của một bữa ăn = Tổng chi phí của các món ăn.***

***Chi phí của một món ăn = Tổng số tiền mua các loại thực phẩm để chế biến món ăn***

**c. Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**

**\* Mục tiêu:** Hướng dẫn quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và tính chi phí của bữa ăn

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập và thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- GV cho HS nghiên cứu thông tin phần 4.3 SGK/48,49 trả lời câu hỏi

? Quy trình xây dựng bữa ăn hợp lí và cách tính chi phí cho một bữa ăn

? Nêu yêu cầu của một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

HS trả lời

GV thống nhất trước lớp quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và cách tính chi phí cho một bữa ăn.

- Yêu cầu các nhóm trao đổi để xây dựng một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và cách tính chi phí cho bữa ăn đó ra phiếu học tập số 3 ( Giấy A0)

Lưu ý: Có thể thay thế các thực phẩm trong cùng nhóm để bữa ăn dạt yêu cầu về mức độ dinh dưỡng, tránh trùng lặp về màu sắc và mùi vị…

* HS trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu
* GV theo dõi hỗ trợ nếu cần

**+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Các nhóm treo phiếu học tập số 3 của nhóm về khu vực làm việc của nhóm

**\* Sản phẩm học tập:**

Phiếu học tập số 3

**\* Phương án đánh giá**

- GV phân công đánh giá như sau: Nhóm 1 🡪 Nhóm 2 🡪Nhóm 3 🡪 Nhóm 4 🡪 Nhóm 1.

- GV thông báo tiêu chí đánh giá kết quả thực hành ( Bảng đánh giá thực hành) được đặt tại mỗi nhóm.

+ Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành

+ Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành

- Các nhóm di chuyển xem sản phẩm của nhóm bạn, nhận xét, chấm điểm vào bảng đánh giá đặt tại nhóm đó, đề xuất cách khắc phục. Sau đó về chỗ tự đánh giá nhóm mình.

- Sau khi HS ổn định về vị trí GV yêu cầu các nhóm giải thích thắc mắc của nhóm bạn, sửa lại nều chưa hợp lí.

- Yêu cầu HS nhắc lại quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và cách tính chi phí cho một bữa ăn. HS ghi vở

**KÊT LUẬN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí*** | |
| 1 | Lập danh sách các món ăn theo từng loại |
| 2 | Chọn món ăn chính |
| 3 | Chon thêm món ăn kèm |
| 4 | Hoàn thiện bữa ăn |
| ***Tính toán chi phí cho bữa ăn*** | |
| 5 | Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng |
| 6 | Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng |
| 7 | Tính chi phí cho mỗi món ăn |
| 8 | Tính chi phí cho bữa ăn |

***Hoạt động 3: Luyện tập***

**\* Mục tiêu:** Giúp HS củng cố khắc sâu kiến thức về các nhóm thực phẩm. Từ đó, đánh giá giá trị dinh dưỡng của những món ăn thường dùng trong gia đình.

**\* Tổ chức hoạt động:**

**Bài tâp 1, 2:**

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập 1,2 phần luyện tập sau đó trao đổi với các bạn trong nhóm về kết quả làm được. Nhóm nhận xét, bổ sung, thống nhất cử đại diện báo cáo trước lớp.

GV nhận xét chung, đánh giá

**Bài tập 3**

GV yêu cầu trao đổi cặp đôi để hoàn thành

Báo cáo trước lớp

Các nhóm nhận xét, đưa ra ý kiến kết luận

GV phân tích nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người để HS thấy được sự khác nhau ở mỗi nhóm, vai trò của bữa ăn hàng ngày đảm bảo cung cấp đủ dinh dưỡng cho mọi thành viên trong gia đình.

***Bài tập 4***

GV yêu câu HS trả lời câu hỏi đặt ra phần khởi động

HS khác nhận xét, bổ sung

GV chốt: ***Ăn uống phải đầy đủ các chất dinh dưỡng (đủ các nhóm thực phẩm chính)***

***Bài tập 5, 6***

GV yêu cầu HS hoàn thành nội dung trong phiếu học tập số 4.

Cử đại diện trình bày trước lớp

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

GV kết luận

***Hoạt động 4. Vận dụng***

**\* Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năngđã học vào thực tiễn trong việc ăn uống của bản thân và gia đình

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS đọc câu hỏi phần vận dụng suy nghĩ để hoàn thành ra vở.

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS hoạt động cá nhân làm bài

**+ Báo cáo kết quả thục hiện nhiệm vụ học tập:** Báo cáo trực tiếp với GV

**\* Sản phẩm học tập:**

Bài làm trong vở của HS

**\* Phương án đánh giá:**

GV đánh giá, HS tự đánh giá

\* GV giao về nhà cho HS hoàn thành nốt bài trên lớp ( nếu chưa hoàn thành) và bài tập trong SBT.

***Hoạt động 5. Mở rộng***

GV hướng dẫn HS nghiên cứu phần thế giới trong em từ đó điều chỉnh để có chế độ ăn uống khoa học và vận động hợp lí.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

1. Kể tên các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể người?

2. Dựa vào Hình 7.1 (SGK/45), hoàn thiện thông tin trong bảng sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên nhóm thực phẩm | Tên một số thực phẩm | Vai trò đối với cơ thể con người |
|  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Món ăn | Thực phẩm | SL | Đơn giá | Thành tiền (đồng) | |
| Canh cua | Cua | 0,2 kg | 15 000 đ/kg |  |  |
| Rau muống | 1 mớ | 3000đ/bó (mớ) |  |
| Đỗ xào thịt | Đỗ | 0,4kg | 15 000 đ/kg |  |  |
| Thịt nạc | 0,2kg | 150 000 đ/kg |  |
| Đậu xốt cà chua | Đậu | 4 bìa | 20 000đ/kg |  |  |
| Cà chua | 0,2kg | 15 000 đ/kg |  |
| TỔNG CHI PHÍ CHO BỮA ĂN | | | | |  |

**ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Món ăn | Thực phẩm | SL | Đơn giá | Thành tiền (đồng) | | |
| Canh cua | Cua | 0,2 kg | 15 000 đ/kg | 30000 (1đ) | 33 000  (1đ) |
| Rau muống | 1 mớ | 3000đ/mớ | 3 000 (1đ) |
| Đỗ xào thịt | Đỗ | 0,4kg | 15 000 đ/kg | 6 000 (1đ) | 36 000  (1đ) |
| Thịt nạc | 0,2kg | 150 000 đ/kg | 30000 (1đ) |
| Đậu xốt cà chua | Đậu | 4 bìa | 1500 đ/bìa | 6 000 (1đ) | 10 000  (1đ) |
| Cà chua | 0,2kg | 20 000đ/kg | 4 000 (1đ) |
| TỔNG CHI PHÍ CHO BỮA ĂN | | | | | 79 000  (1đ) |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Các bước trong quy trình | Chi tiết minh họa |
| Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí | | |
| 1 | Lập danh sách các món ăn theo từng loại |  |
| 2 | Chọn món ăn chính |  |
| 3 | Chon thêm món ăn kèm |  |
| 4 | Hoàn thiện bữa ăn |  |
| Tính toán chi phí cho bữa ăn | | |
| 5 | Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |
| 6 | Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |
| 7 | Tính chi phí cho mỗi món ăn |  |
| 8 | Tính chi phí cho bữa ăn |  |

**BẢNG ĐÁNH GIÁ THỰC HÀNH**

**Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các bước trong quy trình | Có | Không |
| 1 | Lập danh sách các món ăn theo từng loại |  |  |
| 2 | Chọn món ăn chính |  |  |
| 3 | Chon thêm món ăn kèm |  |  |
| 4 | Hoàn thiện bữa ăn |  |  |
| 5 | Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |  |
| 6 | Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |  |
| 7 | Tính chi phí cho mỗi món ăn |  |  |
| 8 | Tính chi phí cho bữa ăn |  |  |

**Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí đánh giá | Mức1 | Mức 2 | Mức 3 |
| 1 | Mức độ hoàn thành bài thực hành |  |  |  |
| 2 | Dinh dưỡng của bữa ăn  + Có đủ các món chính  + Có đủ 4 nhóm thức phẩm  + Tỷ lệ các chất dinh dưỡng hợp lí |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

***1. Chọn bữa ăn có thành phần các nhóm thực phẩm hợp lí. Vì sao?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bữa ăn số 1** | **Bữa ăn số 2** | **Bữa ăn số 3** |
| 1  2  3  4 | Cơm trắng  Thịt kho trứng  Cá rán  Canh mướp đắng | Cơm trắng  Su su cà rốt xào  Gía hẹ xào  Canh cà chua nấu thịt băm | Cơm trắng  Cá rô kho tộ  Canh chua nấu cá  Đậu cove xào thịt |
| **KL** |  |  |  |

***2. Bạn nào có thời gian phân chia bữa ăn hợp lí nhất. Điều chỉnh bữa ăn chưa hợp lí?***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Bữa sáng** | **Bữa phụ** | **Bữa trưa** | **Bữa xế** | **Bữa tối** |
| Bạn A | 6h | 9h | 10h |  | 18h |
| Bạn B | 6h |  | 11h |  | 18h |
| Bạn C | 6h |  | 10h30 | 14h30 | 18h |
| KL |  |  |  |  |  |

**BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH**

**TIẾT 2**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến

**2. Năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

-Nhận thức công nghệ: nhận biết được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.

-Sừ dụng công nghệ: lựa chọn và chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt

-Đánh giá công nghệ: đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống

2.2. Năng lực chung

-Năng lực tự chủ, tự học.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: B iết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**3. Phẩm chất**

-Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Giấy A4, phiếu học tập, bài tập, ảnh, powerpoint

**2.Chuẩn bị của học sinh:**

Đọc trước bài học trong SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về việc chế biến thực phẩm để tạo nên những món ăn thường ngày ở gia đình.

**b) Nội dung:** Thực phẩm đã được chế biến thành những món ăn như thế nào?

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trong cùng bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết thực phẩm trong hình đã được chế biến thành món ăn ngon như thế nào?

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS quan saát, trao đổi nhóm cặp bàn và nêu tên đúng loại thực phẩm.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3: Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt vào bài mới: thực phẩm phải được chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. Vậy có những phương pháp chế biến thực phẩm nào thì chúng ta vào bài học hôm nay.

Giáo viên nêu mục tiêu bài học…

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**

**a) Mục đích:** Giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.

**b) Nội dung:** các thực phẩm chưa chế biến và đã chế biến

**c) Sản phẩm:** vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV minh hoạ hình ảnh tác dụng của việc chế biến thực phẩm ở hình 5.3 SGK , yêu cầu HS so sánh đặc điểm của những thực phẩm chưa chế biến và được chế biến.  -GV giúp HS phân tích từng trường hợp để nhận biết được sự thay đổi vè tính chất, hương vị của thực phẩm sau khi chế biến trong mỗi trường hợp.  GV yêu cầu HS nêu thêm sự thay đổi sau khi chế biến của các thực phẩm khác.  GV giải thích về tác dụng của việc chế biến với thực phẩm  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức | 1.V**ai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**  Việc chế biến giúp thực phẩm trở nên dễ tiêu hoá, an toàn và thơm ngon hơn. Các phương pháp chế biến thực phẩm làm phong phú bữa ăn cho con người. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu** **phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.**

**a) Mục tiêu** : giới thiệu khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp và ngâm chua thực phẩm.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp và ngâm chua thực phẩm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Trộn hỗn hợp thực phẩm**  -GV minh hoạ các bước trộn hỗn hợp thực phẩm ở hình 5.4, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV gợi mở để HS nêu được khaí niệm phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm  -GV yêu cầu HS kể tên những món ăn được chế biến bằng phương pháp trộn hỗn hợp mà em đã từng ăn.  -Dựa vào hình 5.4 trong SGK, Gv giải thích từng công việc và dẫn dắt HS nhận biết quy trình chung để chế biến món trộn hộn hợp gồm 3 giai đoạn chính: sơ chế nguyên liệu, chế biến món ăn, trình bày món ăn. Gv giải thích giúp HS phân biệt giữa sơ chế và chế biến.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Ngâm chua thực phẩm**  -GV cho HS quan sát hình 5.5 và thực hiện yêu cầu SGK. Sau đó, GV dẫn dắt, gợi mở để HS nêu được các bước và các công việc trong quy trình ngâm chua thực phẩm  -GV đặt câu hỏi: Món ăn có thể thay đổi màu sắc và hương vị ngay không? Từ đó, GV dẫn dắt để HS hiểu được phương pháp ngâm chua thực phẩm cần một khoảng thời gian cần thiết để nguyên liệu lên men vi sinh vật.  -GV gợi mở để HS nêu được khái niệm về phương pháp ngâm chua thực phẩm.  -GV yêu cầu HS nêu thêm ví dụ về các món ngâm chua mà các em đã từng ăn.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **2. Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.**  **a. Trộn hỗn hợp thực phẩm**  - Là cách pha trộn các thực phẩm đã được sơ chế hoặc làm chín bằng các phương pháp khác, kết hợp với gia vị tạo thành món ăn có giá trị dinh dưỡng cao.  \* Quy trình thực hiện: SGK  **b.Ngâm chua thực phẩm**  Ngâm chua là phương pháp ngân thực phẩm vào hỗn hợp nước ngâm một thời gian để thực phẩm lên men vi sinh vật hoặc thấm hỗn hợp nước ngâm, tạo ra món ăn có vị chua đặc trưng. Các loại hỗn hợp nước ngâm thường được sử dụng là hỗn hợp nước muối, hỗn hợp giấm đường.  Quy trình: sgk |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.**

**a) Mục tiêu** : trình bày được một số phương pháp chế biến có sử dụng nhiệt

**b) Nội dung:** chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt

**c) Sản phẩm:** phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***   1. Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.   -GV cho HS quan sát ở hình 5.6, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV gợi mở để HS nêu được khái niệm về các phương pháp chế biến thực phẩm trong nước: luộc, nấu, kho  -GV giúp HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  b.Phương pháp chế biến thực phẩm trong chất béo  -GV cho HS quan sát ở hình 5.7, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV giúp HS phân tích hình ảnh để nêu được khái niệm về các phương pháp chế biến thực phẩm trong chất béo: rán, xào, rang.  -GV giúp HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  c.Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.  -GV cho HS quan sát ở hình 5.8, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV giúp HS phân tích hình ảnh để mô tả được các phương pháp: chưng, hấp, nướng.  -Gv gợi mở để HS phân biệt được phương pháp chưng và phương pháp hấp.  -Gv gợi mở giúp HS phát biểu được khái niệm các phương pháp hấp, chưng và nướng.  -GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.**  **a.Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.**  -Luộc là làm chín mềm thực phẩm trong môi trường nước với thời gian thích hợp. Thời gian luộc thực phẩm động vật thường lâu hơn luộc thực vật.  -Nấu là làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước, có nêm gia vị vừa ăn.Với món nấu thực phẩm thường chín mềm hơn luộc.  -Kho là làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà. Món kho thường sử dụng thực phẩm động vật   1. **Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.**   - Rán (chiên) là làm chín thực phầm với lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được rán chín, vàng đầu hai mặt.  - Xào là làm chín thực phầm với lượng chất béo vừa phải, đun với lửa to trong thời gian ngắn. Trong khi xào người ta nêm gia vị cho vừa ăn.  - Rang là làm chín thực phầm với lượng chất béo rất ít, đun với lửa vừa. Trong khi rang người ta nêm gia vị cho vừa ăn. Tuy nhiên, với một số loại hạt hoặc đậu, khi rang có thể không cần sử dụng chất béo.   1. **Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.**   - Hấp (đồ) và chưng là các phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước. Nước được đun sôi với lửa to để hơi nước bốc lên nhiều, làm chín thực phẩm.  - Nướng phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được nướng chín đều hai mặt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi 2,3,4,5 SGK

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đạ học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Kể tên các món ăn và gia đình em thường dùng và sắp xếp chúng vào từng nhóm phương pháp chế biến phù hợp.

Quan sát và trình bày cách chế biến một món ăn trong gia đình mà em thích nhất.Nội dung trình bày gồm nguyên liệu cần dùng, quy trình chế biến, hương vị của món ăn.

-GV giao bài tập cho HS làm ở nhà

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu cầu bài tập ở nhà

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH**

**TIẾT 2**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến

**2. Năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

-Nhận thức công nghệ: nhận biết được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.

-Sừ dụng công nghệ: lựa chọn và chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt

-Đánh giá công nghệ: đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống

2.2. Năng lực chung

-Năng lực tự chủ, tự học.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: B iết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**3. Phẩm chất**

-Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Giấy A4, phiếu học tập, bài tập, ảnh, powerpoint

**2.Chuẩn bị của học sinh:**

Đọc trước bài học trong SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về việc chế biến thực phẩm để tạo nên những món ăn thường ngày ở gia đình.

**b) Nội dung:** Thực phẩm đã được chế biến thành những món ăn như thế nào?

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trong cùng bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết thực phẩm trong hình đã được chế biến thành món ăn ngon như thế nào?

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS quan saát, trao đổi nhóm cặp bàn và nêu tên đúng loại thực phẩm.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3: Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt vào bài mới: thực phẩm phải được chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. Vậy có những phương pháp chế biến thực phẩm nào thì chúng ta vào bài học hôm nay.

Giáo viên nêu mục tiêu bài học…

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**

**a) Mục đích:** Giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.

**b) Nội dung:** các thực phẩm chưa chế biến và đã chế biến

**c) Sản phẩm:** vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV minh hoạ hình ảnh tác dụng của việc chế biến thực phẩm ở hình 5.3 SGK , yêu cầu HS so sánh đặc điểm của những thực phẩm chưa chế biến và được chế biến.  -GV giúp HS phân tích từng trường hợp để nhận biết được sự thay đổi vè tính chất, hương vị của thực phẩm sau khi chế biến trong mỗi trường hợp.  GV yêu cầu HS nêu thêm sự thay đổi sau khi chế biến của các thực phẩm khác.  GV giải thích về tác dụng của việc chế biến với thực phẩm  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức | 1.V**ai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**  Việc chế biến giúp thực phẩm trở nên dễ tiêu hoá, an toàn và thơm ngon hơn. Các phương pháp chế biến thực phẩm làm phong phú bữa ăn cho con người. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.**

**a) Mục tiêu** : giới thiệu khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp và ngâm chua thực phẩm.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp và ngâm chua thực phẩm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Trộn hỗn hợp thực phẩm**  -GV minh hoạ các bước trộn hỗn hợp thực phẩm ở hình 5.4, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV gợi mở để HS nêu được khaí niệm phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm  -GV yêu cầu HS kể tên những món ăn được chế biến bằng phương pháp trộn hỗn hợp mà em đã từng ăn.  -Dựa vào hình 5.4 trong SGK, Gv giải thích từng công việc và dẫn dắt HS nhận biết quy trình chung để chế biến món trộn hộn hợp gồm 3 giai đoạn chính: sơ chế nguyên liệu, chế biến món ăn, trình bày món ăn. Gv giải thích giúp HS phân biệt giữa sơ chế và chế biến.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Ngâm chua thực phẩm**  -GV cho HS quan sát hình 5.5 và thực hiện yêu cầu SGK. Sau đó, GV dẫn dắt, gợi mở để HS nêu được các bước và các công việc trong quy trình ngâm chua thực phẩm  -GV đặt câu hỏi: Món ăn có thể thay đổi màu sắc và hương vị ngay không? Từ đó, GV dẫn dắt để HS hiểu được phương pháp ngâm chua thực phẩm cần một khoảng thời gian cần thiết để nguyên liệu lên men vi sinh vật.  -GV gợi mở để HS nêu được khái niệm về phương pháp ngâm chua thực phẩm.  -GV yêu cầu HS nêu thêm ví dụ về các món ngâm chua mà các em đã từng ăn.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **2. Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.**  **a. Trộn hỗn hợp thực phẩm**  - Là cách pha trộn các thực phẩm đã được sơ chế hoặc làm chín bằng các phương pháp khác, kết hợp với gia vị tạo thành món ăn có giá trị dinh dưỡng cao.  \* Quy trình thực hiện: SGK  **b.Ngâm chua thực phẩm**  Ngâm chua là phương pháp ngân thực phẩm vào hỗn hợp nước ngâm một thời gian để thực phẩm lên men vi sinh vật hoặc thấm hỗn hợp nước ngâm, tạo ra món ăn có vị chua đặc trưng. Các loại hỗn hợp nước ngâm thường được sử dụng là hỗn hợp nước muối, hỗn hợp giấm đường.  Quy trình: sgk |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.**

**a) Mục tiêu** : trình bày được một số phương pháp chế biến có sử dụng nhiệt

**b) Nội dung:** chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt

**c) Sản phẩm:** phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***   1. Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.   -GV cho HS quan sát ở hình 5.6, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV gợi mở để HS nêu được khái niệm về các phương pháp chế biến thực phẩm trong nước: luộc, nấu, kho  -GV giúp HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  b.Phương pháp chế biến thực phẩm trong chất béo  -GV cho HS quan sát ở hình 5.7, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV giúp HS phân tích hình ảnh để nêu được khái niệm về các phương pháp chế biến thực phẩm trong chất béo: rán, xào, rang.  -GV giúp HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  c.Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.  -GV cho HS quan sát ở hình 5.8, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV giúp HS phân tích hình ảnh để mô tả được các phương pháp: chưng, hấp, nướng.  -Gv gợi mở để HS phân biệt được phương pháp chưng và phương pháp hấp.  -Gv gợi mở giúp HS phát biểu được khái niệm các phương pháp hấp, chưng và nướng.  -GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.**  **a.Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.**  -Luộc là làm chín mềm thực phẩm trong môi trường nước với thời gian thích hợp. Thời gian luộc thực phẩm động vật thường lâu hơn luộc thực vật.  -Nấu là làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước, có nêm gia vị vừa ăn.Với món nấu thực phẩm thường chín mềm hơn luộc.  -Kho là làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà. Món kho thường sử dụng thực phẩm động vật   1. **Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.**   - Rán (chiên) là làm chín thực phầm với lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được rán chín, vàng đầu hai mặt.  - Xào là làm chín thực phầm với lượng chất béo vừa phải, đun với lửa to trong thời gian ngắn. Trong khi xào người ta nêm gia vị cho vừa ăn.  - Rang là làm chín thực phầm với lượng chất béo rất ít, đun với lửa vừa. Trong khi rang người ta nêm gia vị cho vừa ăn. Tuy nhiên, với một số loại hạt hoặc đậu, khi rang có thể không cần sử dụng chất béo.   1. **Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.**   - Hấp (đồ) và chưng là các phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước. Nước được đun sôi với lửa to để hơi nước bốc lên nhiều, làm chín thực phẩm.  - Nướng phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được nướng chín đều hai mặt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi 2,3,4,5 SGK

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đạ học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Kể tên các món ăn và gia đình em thường dùng và sắp xếp chúng vào từng nhóm phương pháp chế biến phù hợp.

Quan sát và trình bày cách chế biến một món ăn trong gia đình mà em thích nhất.Nội dung trình bày gồm nguyên liệu cần dùng, quy trình chế biến, hương vị của món ăn.

-GV giao bài tập cho HS làm ở nhà

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu cầu bài tập ở nhà

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**BÀI 5:BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM**

**TRONG GIA ĐÌNH (TIẾT 3)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được các quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm

**2. Năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

-Nhận thức công nghệ: nhận biết được một số phương pháp chế biến thực phẩm hỗn hợp phổ biến.

-Sừ dụng công nghệ: lựa chọn và chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt

-Đánh giá công nghệ: đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống

2.2. Năng lực chung

-Năng lực tự chủ, tự học.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: B iết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**3. Phẩm chất**

-Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

-‌ ‌Có‌ ‌ý‌ ‌thức‌ ‌quan‌ ‌tâm‌ ‌đến‌ ‌công‌ ‌việc‌ ‌nội‌ ‌trợ‌ ‌và‌ ‌tham‌ ‌gia‌ ‌giúp‌ ‌đỡ‌ ‌cha‌ ‌mẹ‌ ‌anh‌ ‌chị‌ ‌em‌ ‌trong‌ ‌mọi‌ ‌công‌ ‌việc‌ ‌của‌ ‌gia‌ ‌đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Giấy A4, phiếu học tập, bài tập, ảnh, powerpoint

**2.Chuẩn bị của học sinh:**

Đọc trước bài học trong SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:** Khơi gợi nhắc lại phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm,

**b) Nội dung:** thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.

**c) Sản phẩm:** HS thực hành các món trộn hỗn hợp yêu cầu của món ăn trạng thái, mùi, màu sắc, vị.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trong cùng bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết cách chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và chọn các cách chế biến mòn ăn không sử dụng nhiệt.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3: Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt vào bài mới: thực phẩm phải được chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. *‌Thực‌ ‌phẩm‌ ‌hàng‌ ‌ngày‌ ‌sử‌ ‌dụng‌ ‌được‌ ‌chế‌ ‌biến‌ ‌bằng‌ ‌nhiều‌ ‌phương‌ ‌pháp:‌ pp‌ không‌ ‌sử‌ ‌dụng‌ ‌nhiệt.‌* gồm phương pháp trộn hỗn hợp và phương pháp ngâm chua. Trong đó, trộn hỗn hợp là phương pháp có thể thực hiện nhanh chóng và dễ dàng.

Giáo viên nêu mục tiêu bài học…

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Quy trình chung**

**a) Mục đích:** Giúp HS nhận biết quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp

thực phẩm

**b) Nội dung:** các bước trong quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm

**c) Sản phẩm:** quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  +GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  + GV nêu các loại hỗn hợp nước trộn phổ biến thường được sử dụng trong các món  trộn hỗn hợp  + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời:  Quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm,  Sơ chế các loại nguyên liệu » Pha hỗn hợp nước trộn và trộn nguyên liệu với nước  trộn » Trình bày món ăn.  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  -HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3.1. Quy trình chung**  1. Sơ chế nguyên liệu: làm sạch các loại nguyên liệu và cắt, thái phù hợp. Đối với nguyên liệu động vật phải làm chín trước khi cắt, thái.  2. Chế biến món ăn: pha hỗn hợp nước trộn. Sau đó trộn đều các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.  3. Trình bày món ăn: sắp xếp món ăn ra đĩa, trang trí đẹp mắt. |

**Hoạt động 2: Yêu cầu kĩ thuật:**

**a) Mục đích:** giúp HS nắm được yêu cầu kĩ thuật của món trộn hỗn hợp.

**b) Nội dung:** yêu cầu kĩ thuật của món ăn**.**

**c) Sản phẩm:** yêu cầu kĩ thuật của món ăn trạng thái, mũi, màu sắc, vị

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + GV yêu cầu HS nêu nhận định về màu sắc, mùi, vị của món trộn hỗn hợp đã từng ăn.  +GV dẫn dắt HS khái quát hoả yêu cầu chung của món trộn hỗn hợp.  + GV giảng giải yêu cầu kĩ thuật của món ăn.  +GV lưu ý HS. Muốn món ăn ngon và bổ dưỡng thì trong quá trình chế biến cần  chú ý giữ cho chất dinh dưỡng của thực phẩm không bị hao hụt và phải giữ vệ sinh an toàn  thực phẩm.  +Kết luận:Yêu cầu kĩ thuật của món ăn.  -Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát,  -Có mùi thơm đặc trưng của nguyên liệu  -Có màu sắc đặc trưng của từng loại nguyên liệu.  -Vị vừa ăn.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3.2. Yêu cầu kĩ thuật:**  - Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát.  - Có mùi thơm đặc trưng của các nguyên liệu.  - Có màu sắc đặc trưng của từng loại nguyên liệu.  - Vị vừa ăn. |

**Hoạt động 3: Các bước chế biến**:

**a) Mục đích:** Tồ chức cho HS thực hành chế biến món ăn bằng pp không sử dụng nhiệt.

**b) Nội dung:** các bước chế biến món ăn bằng phương pháp không sử dụng nhiệt

**c) Sản phẩm:** món ăn được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  +GV giới thiệu về món ăn sắp thực hiện (có thể tổ chức cho mỗi nhóm tự chọn món  ăn mà nhóm đã nghiên cứu cách thực hiện và chuẩn bị nguyên liệu)  +GV gợi mở để HS khai triển quy trình chung trộn hỗn hợp thực phẩm thành các  bước chế biến cho món ăn sắp thực hiện,  +GV thực hiện thao tác mẫu và hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình  +GV nêu mục tiêu của buổi thực hành. Mỗi nhóm HS chế biến được một món ăn  bằng phương pháp không sử dụng nhiệt theo đúng quy trình và đạt yêu cầu kĩ thuật  +GV nêu yêu cầu của buổi thực hành về trật tự, thời gian,  +GV nêu tiêu chí đánh giá: món ăn đạt yêu cầu kĩ thuật:  +GV yêu cầu HS triển khai các bước trong quy trình  **\* Các bước sơ chế nguyên liệu:**  Các nguyên liệu đã được sơ chế ở nhà (nếu có sử dụng nguyên liệu động vật thì  cần phải được làm chín). GV hướng dẫn HS tiếp tục sơ chế phần nguyên liệu còn lại. Ví  dụ: các loại rau củ được thái thành miếng vừa ăn, bóc vỏ trứng. Ngoài ra, GV có thể  hướng dẫn HS tỉa hoa từ rau, củ, quả để trang trí cho món ăn.  **\*Các bước chế biến món ăn**  • Pha hỗn hợp nước trộn hỗn hợp dầu giấm hoặc nước mắm chua ngọt, xốt dầu  trứng, sữa chua,..  • Cho các nguyên liệu đã sơ chế vào bát to và chuẩn bị trộn hỗn hợp. Lưu ý chỉ  trộn các nguyên liệu ngay trước khi ăn;  - Trộn các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.  **\* Các bước trình bày món ăn**  • Đặt các nguyên liệu vào đĩa và sắp xếp, bố trí sao cho đẹp mắt,  • Trang trí thêm cho món ăn bằng các nguyên liệu khác  + GV nên khuyến khích HS phát huy sự sáng tạo cá nhân để tự mình trang trí món ăn.  +GV theo dõi HS thực hành, thổn hẳn và điều chỉnh thao tác của HS Ngoài ra, GV  cân nhắc nhở HS trong quá trình thực hành phải lưu ý giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết  kiện nguyên liệu (giáo dục ý thức sống, bảo vệ cuộc sống an toàn, lành mạnh hưởng đến  sự phát triển bền vững).  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  Kết luận:  Quy trình chế biến món trộn hỗn hợp:  + Các bước sơ chế nguyên liệu  Bước 1: Nhặt rửa các nguyên liệu thực vật, làm chín nguyên liệu động vật (nếu có);  Bước 2: Cắt thái từng loại nguyên liệu.  Bước 3 Xử lí mùi hăng của nguyên liệu  + Các bước chế biến món ăn  Bước 4: Pha hỗn hợp nước trộn  Bước 5: Trên các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn  + Các bước trình bày món ăn  Bước 6: Dọn món ăn ra đĩa,  Bước 7:Trình bày món ăn kèm với nước chấm.  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3.3. Các bước chế biến**:  Quy trình chế biến món nộm  Ví dụ: Quy trình chế biến món nộm (gói) dưa chuột (dưa leo), cà rốt.  Bảng 5.1.Quy trình chế biến món nộm dưa chuột, cà rốt  - Nội dung: Các bước thực hiện:  \*Sơ chế nguyên liệu:  \* Chế biến món ăn:  \*Trình bày món ăn:  **Tiêu chí đánh giá kết quả thực hành:**  + Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Các bước thực hiện** | **Có** | **Không** | | 1 | Nhặt , rửa nguyên liệu |  |  | | 2 | Cắt, thái từng loại nguyên liệu |  |  | | 3 | Xử lý mùi hăng của nguyên liệu |  |  | | 4 | Pha hỗn hợp nước trộn |  |  | | 5 | Trộn các nguyên liệu với nước trộn |  |  | | 6 | Dọn món ăn ra dĩa |  |  | | 7 | Dọn kèm với nước chấm |  |  |   + Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:  • Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành;  • Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí: món ăn đạt các yêu cầu kĩ thuật |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV dẫn dắt HS giải bài tập ở phần Luyện tập trong SHS.

• Câu 1. GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SHS về những sản phẩm đã được xử lí bằng các phương pháp bảo quản khác nhau. Sau đó, GV dẫn dắt HS phân tích từng sản phẩm dựa vào các chi tiết trong hình và trải nghiệm thực tế (đã từng ăn) để xác định phương pháp bảo quản đã sử dụng.

Gợi ý đáp án "Lạp xưởng: sấy khô và hút chân không,

• Cá khô, ướp muối và sấy khô (hoặc phơi khô);

GV giải thích lí do phối hợp nhiều phương pháp bảo quản trên một sản phẩm nhằm mục đích gia tăng hiệu quả bảo quản và tạo ra các sản phẩm có khẩu vị phù hợp với người sử dụng GVkhuyến khích HS ghi nhận lại cách bảo quản các loại thực phẩm khác nhau thực phẩm đã chế biến thực phẩm chưa chế biến, thực phẩm động vật, thực phẩm

Câu 3 GV hướng dẫn HS mô tả công việc tìmg bước theo hình Từ đó, củng cố

hiểu biết của HS về quy trình chế biến món trộn dầu giảm

Câu 4. GV gợi ý để HS nhận định công việc nào cần thực hiện trước, công việc

Tháo phải thực luận sau Từ đó, HS sắp xếp các công việc ngan chua hanh theo thứ tự họp và Xác định các bước của quy trình chế biến thái hành ngàn giám

Câu 5 GV nêu tên những món ăn thông thường để HS xác định phương pháp chế biển Tuy theo thực tế. GV có thể nểu thêm tên những nhón ăn phổ biến ở địa phương

Cau 6 Quy trình chế biến món cơm rang trứng

• Sơ chế nguyên liệu nấu cơm, để nguội, trắng trứng, cắt trứng thành sợi nhỏ.

• Chế biến món ăn phi tỏi (hoặc hành) vàng thơm, cho cơm và trứng vào hang

chung với gia vị.

• Trình bày món ăn với cơm ra đĩa, bày thêm trung, hành lá, rau mùi lên mặt cơm.

• Cầu HS xây dựng quy trình thực hiện món rau muống luộc với các hình ảnh gợi

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Kể tên các món ăn và gia đình em thường dùng và sắp xếp chúng vào từng nhóm phương pháp chế biến phù hợp.

Quan sát và trình bày cách chế biến một món ăn trong gia đình mà em thích nhất.Nội dung trình bày gồm nguyên liệu cần dùng, quy trình chế biến, hương vị của món ăn.

-GV giao bài tập cho HS làm ở nhà

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu cầu bài tập ở nhà

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

**CHƯƠNG III: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG**

**BÀI 7: TRANG PHỤC (TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

•Trình bày được khái niệm của trang phục

• Kể tên được các vật dụng và loại trang phục thông dụng trong cuộc sống

• Trình bày được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống

• Mô tả được các loại trang phục phù hợp với hoàn cảnh và công việc

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

•Nhận biết được các vật dụng khác nhau trong trang phục

•Phân biệt được các loại trang phục khác nhau

• Hình thành ý tưởng thiết kế trang phục phù hợp với hoàn cảnh thực tế

•Đọc và phân biệt được một số thuật ngữ về kiểu trang phục, vật dụng đi kèm với trang phục

**b) Năng lực chung**

• Tự chủ và tự học:Chủ đông và tích cực học tập, vận dụng linh họa t kiến thức vào việc phân biệt và lựa chọn trang phục phù hợp với các tình huống thực tế

• Giao tiếp và hợp tác: Biết vận dụng linh hoạt, biết trình bày ý tưởng, thảo luận vấn đề của bài học. Thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

• Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về trang phục vào đời sống hàng ngày

•Trách nhiệm: có ý thức về việc bảo quản, giữ gìn và lựa chọn trang phục phù hợp với hoàn cảnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

•Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

•Đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh các loại trang phục khác nhau và các vật dụng đi kèm theo trang phục, tranh ảnh hoặc video clip về thời trang và các cách phối hợp trang phục tương ứng với hoàn cảnh thực tế

**2. Đối với học sinh:**

•Đọc trước bài học trong SHS

•Quan sát và tìm hiểu về các loại trang phục, vật dụng đi kèm với trang phục thông dụng

•Tìm hiểu về những vai trò của trang phục đối với đời sống con người

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích hứng thú tìm hiểu về trang phục, vai trò và các loại trang phục phổ biến hiện nay trong đời sống hàng ngày

**b. Nội dung:** Hình thành khái niệm ban đầu về trang phục cho học sinh. Giải thích câu nói:

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về trang phục và các loại trang phục của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình chiếu một số bức ảnh + video về các người mẫu mặc các loại trang phục và vật dụng khác nhau đi kèm với trang phục, và yêu cầu HS vận dụng kiến thức hiểu biết của mình để xác định tên của các vật dụng có trong đoạn video và hình ảnh*?

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.*

*Nhận xét các câu trả lời của nhau*

*- GV đặt vấn đề bằng cách nêu câu hỏi tình huống:* Tại sao nói: Người đẹp vì lụa? Trang phục giúp ích như thế nào cho con người?

Như chúng ta đã biết, cuộc sống ngày càng phát triển, yêu cầu về cái đẹp trong mắt con người lại càng được nâng cao hơn. Đẹp không chỉ thể hiện ở khuôn mặt, nụ cười, hàm răng, mái tóc, mà còn cả ở trong cách ăn mặc, trong trang phục thường ngày, và cả trong lối sống, cách ứng xử, cách giao tiếp, văn hóa. Vì vậy, với tầm quan trọng của trang phục hiện nay, để tìm hiểu kĩ hơn về nó chúng ta cùng đi đến bài 7: **Trang phục ( Tiết 1).**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trang phục và vai trò của trang phục**

**a. Mục tiêu:** Giới thiệu: Trang phục là gì? Và vai trò của trang phục đối với đời sống con người?

**b. Nội dung:**

- Một số bộ trang phục hoàn chỉnh về áo quần và các vật dụng đi kèm

- Một số bộ trang phục phù hợp với thời tiết (nóng/ lạnh), và trong một số hoàn cảnh khác nhau

**c. Sản phẩm học tập:** Khái niệm của trang phục và vai trò của trang phục đối với đời sống con người.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS xem Hình 7.1 hoặc video clip về các bộ trang phục hoàn chỉnh khác nhau ( từ 2-3 bộ)  - GV yêu cầu hs hoạt động nhóm nhỏ (2hs/ nhóm) trả lời câu hỏi:  *+ Em hãy kể tên những vật dụng trong các bộ trang phục người mẫu mặc và mang trên người?*  - GV tiếp tục đặt câu hỏi mở rộng kiến thức.  + *Em hãy kể thêm một số vật dụng thường xuyên được mang hay mặc trên người trong các hoàn cảnh khác nhau mà chưa được thể hiện trên hình ảnh trên?*  - GV nhận xét và đưa tới kết luận khẳng định, tất cả những vật dụng trên đều là trang phụcđưa ra kết luận về khái niệm trang phục hoàn chỉnh  - GV yêu cầu học sinh quan sát hình 7.2. Hoạt động nhóm 2hs – Trả lời câu hỏi.  +*Em hãy nêu một số nhận xét về hình ảnh 7.2. Tác dụng của các loại trang phục trên mỗi hình là gì?*  - GV bổ sung gợi ý thêm các vai trò khác của trang phục theo câu trả lời của học sinh  - GV cung cấp thêm nhiều hình ảnh dẫn chứng của các bộ trang phục bám sát vào những vai trò cụ thể để khai thác và dẫn dắt học sinh tiếp cận kiến thức( Trang phục đi mưa, trang phục chống bụi, trang phục ngày cưới, trang phục ngày Tết,...)  - Giáo viên kết luận tổng hợp vai trò của trang phục theo 2 nhóm: Bảo vệ và làm đẹp  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận nhóm.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS đại diện trình bày kết quả thảo luận nhóm  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  Yêu cầu các nhóm tự nhận xét nhau  + Hs bổ sung và tổng hợp câu trả lời  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn hóa kiến thức  + GV kết luận chốt kết thức  + GV ghi bảng  + Hs ghi chép bài vào vở | **1.Trang phục và vai trò của trang phục**  **Trang phục là gì?**  - Trang phục là các loại quần áo và một số vật dụng khác đi kèm như: mũ, giày, tất ( vớ), khăn choàng,... Trong đó quần áo là những vật dụng quan trọng nhất  - Trang phục thay đổi theo sự phát triển của xã hội, ngày càng đa dạng và phong phú về kiểu dáng, mẫu mã để phục vụ cho nhu cầu may mặc của con người  **Vai trò của trang phục**  -Bảo vệ cơ thể chống lại những tác hại của môi trường như: nắng nóng, mưa bão, tuyết lạnh, không khí ô nhiễm...  - Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động |

**Hoạt động 2: Các loại trang phục**

**a. Mục tiêu:** giúp HS biết được sự đa dạng và phong phú của các loại trang phục trong cuộc sống

**b. Nội dung:** các loại trang phục cho nhiều lứa tuổi, tình huống khác nhau

**c. Sản phẩm học tập:** Sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 7.3 và trả lời các câu hỏi trong SGK.  *+ Các trang phục trên đây được sử dụng trong hoàn cảnh nào?*  *+ Hãy kể tên các loại trang phục khác mà em biết?*  -GV trình chiếu một số mẫu trang phục khác nhau có sẵn, yêu cầu hs thảo luận nhóm (4-5hs/ nhóm) phân chia các loại trang phục theo những nhóm khác nhau.  - GV yêu cầu hs nhận xét về cách thức phân nhóm trang phục lẫn nhau.  - GV đưa kết luận: về mức độ đa dạng của trang phục. Yêu cầu hs tổng hợp và đúc kết thành kiến thức bài học  - GV yêu cầu các nhóm HS kể thêm một vài trang phục khác theo từng cách phân loại trang phục đã được học. ( Phiếu học tập 1)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm và làm phiếu học tập 1  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả, tổng hợp và báo cáo PHT 1  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung , tổng hợp kết thức  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức – Ghi bảng  - HS nộp PHT 1 và ghi chép bài học | **2. Các loại trang phục**  Trang phục rất đa dạng về kiểu dáng và chất liệu  Có 4 cách phân loại một số trang phục như sau:   * Theo thời tiết: trang phục mùa đông, trang phục mùa hè, trang phục mùa thu,.... * Theo công dụng: đồng phục, trang phục thường ngày, trang phục lễ hội, trang phục thể thao,... * Theo lứa tuổi: trang phục người lớn, trang phục trẻ em * Theo giới tính: trang phục nam, trang phục nữ. |

**Hoạt động 3: Lựa chọn trang phục theo vóc dáng**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn hs lựa chọn vải và kiểu may giúp che khuyết điểm về vóc dáng của người mặc

**b. Nội dung:** Ảnh hưởng của vải và kiểu may đến vóc dáng người mặc

**c. Sản phẩm học tập:** Cách lựa chọn vải và kiểu may ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nói lên tầm quan trọng của việc mặc trang phục phù hợp với vóc dáng  *Trang phục phù hợp sẽ làm nổi bật ưu điểm và che đi khuyết điểm của cơ thể*  *Em đã biết mình thuộc thể trạng vóc dáng như thế nào chưa?* GV hướng dẫn học sinh tự nhận xét vóc dáng của bản thân.  -Gv yêu cầu hs quan sát hình 7.4 và đưa ra một số nhận xét về vóc dáng người mặc khi sử dụng trang phục có cùng kiểu may nhưng khác nhau về màu sắc và hoa văn  - GV đưa thêm một số ví dụ về hình ảnh so sánh sự khác nhau về vóc dáng người mặc khi sử dụng trang phục có cùng kiểu may nhưng khác nhau về màu sắc và hoa văn ( Kẻ sọc ngang/ dọc và họa tiêt lớn/bé)  - GV cho hs nguyên cứu tiếp về ảnh hưởng của chất liệu vải trong trang phục đối với vóc dáng của người mặc bằng hình ảnh minh họa  - GV hướng dẫn hs đưa ra kết luận cụ thể ( Tham khảo ở bảng 7.1)  - GV yêu cầu hs quan sát hình 7.5 và trả lời câu hỏi trong SGK. Thảo luận và thực hiện theo nhóm ( 2hs/ nhóm)  *+ Em hãy nêu nhận xét về vóc dáng người mặc khi sử dụng trang phục có cùng màu sắc nhưng khác nhau về kiểu may?*  - GV tiến thành cho hs đối chiếu bằng một số hình ảnh minh họa khác phong phú so sánh các kiểu may khác nhau trong cùng 1 bộ trang phục ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc  - GV hướng dẫn học sinh thu nhận kiến thức  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung , tổng hợp kết thức  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức – Ghi bảng  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép | **3. Lựa chọn trang phục**  **3.1 Chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể**  Con người có rất nhiều vóc dáng khác nhau: Thon gọn, tròn, đầy, cao thấp,...  1/ Về màu sắc, chất liệu vải  Bảng 7.1: SGK tr 50  2/ Kiểu may  Bảng 7.2: SGK tr 51  Kết luận: Các màu sắc, hoa văn, chất liệu vải, kiểu may sẽ tạo cảm giác người mặc thon gọn cao lên, hoặc tròn đầy, thấp xuống |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Làm sáng tỏ, củng cố kiến thức, vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi 1 và 2 trang 56 SGK:

***Câu 1:*** *Em hãy chỉ ra vật dụng nào là trang phục trong những vật dụng dưới đây. Nêu vai trò của từng loại vật dụng đó ( Kèm hình ảnh SGK trang 56)*

- GV gợi ý cho hs phân tích từng hình ảnh, vật dụng đó có được mặc, đeo, đội, mang trên người không. Nếu là trang phục thì phải có 1 hoặc cả 2 vai trò của trang phục: Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người

***Câu 2:*** *Theo em, mỗi trang phục dưới đây ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc như thế nào ( Kèm hình ảnh SGK trang 56)*

*-*GV gợi ý cho học sinh phân tích theo từng đặc điểm của trang phục theo màu sắc, chất liệu, kiểu may đối với vóc dáng người mặc

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

***Câu 1:*** *Một số vật dụng này là trang phục*

*-Khăn quàng đỏ là trang phục trong bộ đồng phục của Đội Thiếu Niên Tiền Phong Hồ Chí Minh*

*-Balo là vật dụng mang theo người trong các bộ trang phục*

*-Cà Vạt là trang phục mang vẻ đẹp, sự chỉn chu, lịch sự và sang trọng làm đẹp cho con người trong một số hoạt động*

***Câu 2:*** *Ảnh hưởng của trang phục đến vóc dáng*

*-Hình a: Trang phục có màu sắc tươi sáng, nhiều hoa văn trên áo nên có thể làm vóc dáng người mặc trở nên tròn đầy hơn*

*-Hình b: Áo có họa tiết kẻ sọc dọc, chất liệu phẳng, đường nét dọc theo thân áo, kiểu may thẳng suôn sẽ làm cơ thể thon gọn hơn*

*-Hình c: Trang phục có màu tối, hoa văn nhỏ sẽ làm cơ thể thon gọn hơn*

*-Hình d: Trang phục màu sáng, áo có họa tiết kẻ sọc ngang, kiểu may rộng, ngang thân sẽ làm cơ thể tròn đầy hơn*

*Hình e:Kiểu may vừa sát cơ thể, chất liệu vải trơn sẽ làm cơ thể thon gọn hơn*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến trang phục vào thực tiễn

**b. Nội dung:** Câu hỏi 1,2 phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập 1 trong phần Vận dụng của SGK:

***Câu 1:*** *Hãy kể những vật dụng trong bộ đồng phục trên lớp và đồng phục thể dục của trường em*

- GV hướng dẫn HS liệt kê những vật dung có trong bộ trang phục một cách đầy đủ

***Câu 2***: *Mô tả bộ trang phục đi chơi phù hợp với vóc dáng của em*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện câu 1 trên lớp và hoàn thành câu 2 ở nhà và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại kiếnthức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả, tiêu chí đánh giá** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Hỏi đáp nhanh, tổng hợp ý kiến`  - Thực hiện thảo luận, phiếu học tập  - Bài tập mở rộng về nhà | -Kiến thức về trang phục và sự lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng | - Ý thức, khả năng thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến trong các câu hỏi  - Kết quả PHT  - Bài tập về nhà |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC:**

**Phiếu học tập 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phân loại trang phục** | **Loại trang phục** |
| 1.Theo thời tiết |  |
| 2.Theo công dụng |  |
| 3.Theo lứa tuổi |  |
| 4. The giới tính |  |

**Tờ nguồn phiếu học tập 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phân loại trang phục** | **Loại trang phục** |
| 1.Theo thời tiết | Trang phục mùa hè, mùa đông, mùa mưa, mùa thu,.... |
| 2.Theo công dụng | Trang phục lễ tết, trang phục thường ngày, trang phục thể thao, trang phục bảo hộ lao động, trang phục mặc lót,... |
| 3.Theo lứa tuổi | Trang phục người lớn tuổi, người trưởng thành, trẻ em... |
| 4. The giới tính | Trang phục nam, trang phục nữ, ... |

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

[**https://www.facebook.com/groups/thuvienstem**](https://www.facebook.com/groups/thuvienstem)

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày dạy:** | **Ngày soạn:** |

**Tiết: Lớp:**

**BÀI 7: TRANG PHỤC (Tiết 2)**

Thời gian thực hiện: ( tiết)

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.

- Lựa chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc;

- Lựa chọn phối hợp trang phục.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Có ý thức về nhiệm vụ học tập, kĩ năng lựa chọn trang phục vào đời sống hằng ngày;

- Có ý thức lựa chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục của bản thân và người thân trong gia đinh;

- Vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục vào cuộc sống hằng ngày;

- Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề về lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

\* Năng lực công nghệ:

- Nhận biết được cách lựa chọn trang phục

- Lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp, đúng cách;

- Đánh giá việc lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục của người mặc;

**3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về lựa chọn trang phục vào cuộc sống hàng ngày trong gia đình.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:**

* Hình 7.6; hình 7.7 và hình 7.8
* Máy tính, máy chiếu, bảng nhóm

**2. Học sinh:** Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút...

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 2**:

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Huy động kiến thức vốn có của học sinh về lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục của bản thân và người thân trong gia đình.

**b. Nội dung:** Lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục.

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- GV chọn 03 bộ trang phục học sinh đang mặc trong lớp học và yêu cầu HS nêu cách lựa chọn trang phục của mình?.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân huy động kiến thức vốn có của mình sau đó trả lời câu hỏi  - GV: Quan sát, hỗ trợ HS làm việc tích cực.  **\*** Dự kiến câu trả lời:Theo ý hiểu của HS .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS lần lượt trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, khen ngợi HS.  *- GV đặt vấn đề:* Các bạn học sinh trong lớp đến từ vùng nông thôn, thành thị, có thành phần dân tộc, văn hóa khác nhau….nhưng đều có những nhu cầu lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục. Để tìm hiểu kĩ hơn về cách lựa chọn trang phục phù hợp, chúng ta tìm hiểu **bài 7: Trang phục (tiết 2)** |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi**

1. Mục tiêu: Hướng dẫn HS cách chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.
2. Nội dung: Các kiểu trang phục cho từng lứa tuổi khác nhau.
3. Sản phẩm: Cách chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.
4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS HĐ cá nhân đọc TT và quan sát hình 7.6 TLH (Tr 50).  - GV y/c HS HĐ nhóm cặp đôi (6 phút) thực hiện trả lời các câu hỏi:  *Quan sát H 7.6 và nhận xét về màu sắc, kiểu dáng trang phục của mỗi lứa tuổi?*  - *Cho biết vì sao cần chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi?*  *- Theo em ta nên có các cách chọn vải, kiểu may như thế nào?*  - HS: lắng nghe câu hỏi  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong cặp.  - GV: Quan sát, hỗ trợ các cặp làm việc tích cực.  **\*** Dự kiến câu trả lời:  1. Cần chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi vì : mỗi lứa tuổi có nhu cầu , điều kiện sinh hoạt , làm việc , vui chơi và đặc điểm tính cách khác nhau, nên sự lựa chọn vải may mặc cũng khác nhau.  2. Nên lựa chọn những vật dụng đi kèm với quần áo có kiểu dáng, màu sắc phù hợp với nhiều bộ trang phục để tránh tốn kém, lãng phí.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Trang phục người lớn tuổi: màu sắc, hoa văn, kiểu may trang nhã, lịch sự.  + Trang phục trẻ em: chọn loại vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng, hoa văn sinh động, kiểu may rộng rãi.  + Trang phục thanh thiếu niên: thích hợp với nhiều loại vải, kiểu may, màu sắc và hoa văn. | **3.2. Chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi**  + Trẻ em: chọn loại vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng, hoa văn sinh động, kiểu may rộng rãi;  + Thanh thiếu niên: thích hợp với nhiều loại vâi, kiểu may, màu sắc và hoa văn;  + Người lớn tuổi: màu sắc, hoa văn, kiểu may trang nhã, lịch sự. |

**Hoạt động 2.2: Chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.**

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS cách lựa chọn trang phục phù hợp môi trường và tính chất công việc.

b. Nội dung: Các kiểu trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.

c. Sản phẩm: Cách chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS HĐ cá nhân đọc TT và quan sát hình 7.7 TLH (Tr 51).  - GV y/c HS HĐ nhóm 6 (8 phút) thực hiện trả lời các câu hỏi:  *Quan sát H7.7 và so sánh sự khác biệt về màu sắc, kiểu dáng trang phục của các bộ trang phục? Trang phục lao động có đặc điểm gì giúp việc lao động được thuận tiện, an toàn?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong lớn.  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ trước lớp.  **\*** Dự kiến câu trả lời:  **.** Đồng phục học sinh: kiểu dáng đon giản, rộng rãi, dễ cử động, chất liệu vải thấm hút mồ hôi, màu áo sàng, màu quàn hoặc váy sậm để dễ giữ sạch. Đối vói HS hung học cơ sở: áo có bâu, thắt khăn quàng đỏ (đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hô Chi Minh).  **.** Trang phục đi chơi: kiểu dáng đẹp, có thể cầu kì, chất liệu vải cao cấp, có thể dùng các chất liệu lụa, ren, voan mỏng,...; màu sắc tươi tắn, rực rỡ.  **.** Trang phục lao động: kiểu dáng đơn giản, rộng rãi nhưng đàm bảo gọn gàng để dễ hoạt động, màu sắc sậm hoặc màu tôi, chất liệu vải thâm hút mồ hòi. Tuỳ theo tính chất công việc, trang phục lao động có thể kèm theo nón bảo hộ, kính bảo hộ, giày bảo hộ,...  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày kết quả  + GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức | **3.2. Chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.**  - Trang phục nên được lựa chọn phù hợp với môi trường và tính chất công việc. Các trang phục nên có màu sắc, kiểu dáng, loại vải phù hợp cho mỗi tình huống: đi học, đi chơi, đi lao động, đi lễ hội, đi dự tiệc… |

**Hoạt động 2.3: Lựa chọn phối hợp trang phục.**

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS cách lựa chọn phối hợp trang phục.

b. Nội dung: Lựa chọn phối hợp trang phục.

c. Sản phẩm: Cách phối hợp trang phục.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS HĐ cá nhân đọc TT và quan sát hình 7.8 TLH (Tr 52).  - GV y/c HS HĐ nhóm cặp (8 phút) thực hiện trả lời các câu hỏi:  *Quan sát H7.8 và theo em có những cách phối hợp về màu sắc của trang phục?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong lớn.  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ trước lớp.  **\*** Dự kiến câu trả lời:  + H. a. d. Trang phục có màu sắc tương phản, đối nhau, hay kế cận nhau trên vòng màu;  + H b. Trang phục có các sắc độ khác nhau của cùng một màu;  + H c. Trang phục may bằng vải hoa với trang phục may bằng vải hoa có màu trung với một trong những màu chính của vải hoa;  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày kết quả  + GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  - Cá nhân HS tự ghi vào vở. | **3.2. Lựa chọn phối hợp trang phục.**  + Có thể phối hợp các trang phục có màu sắc tương phản, đối nhau, hay kế cận nhau trên vòng màu;  + Có thể phối hợp các trang phục có các sắc độ khác nhau của cùng một màu;  + Có thể phối hợp trang phục may bằng vải hoa phù hợp với trang phục may bằng vải trơn có màu trùng với một trong những màu chính của vải hoa;  + Cần phối hợp màu sắc của các vật dụng đi kèm hài hoà với màu sắc của áo quần. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:**  **Tổ:** | Họ và tên giáo viên  Nguyễn Đức Hoàng Dung |

**TÊN BÀI DẠY: Bài 8 THỜI TRANG**

Môn học Công nghệ lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết (tiết 1)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.

- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản than.

-Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bẩn than, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

**2. Năng lực:**

*2.1.Năng lực công nghệ :*

-Nhận biết về thời trang, tính chất cơ bản của thời trang, nhận biết các bước lựa chọn trang phục hợp lí.

-Sử dụng được các thuật ngữ để trình bày về thời trang , biểu diễn ý tưởng thiết kế trang phục bằng phác họa đơn giản.

-Sử dụng mẫu quần áo phối hợp thành bộ trang phục phù hợp theo yêu cầu.

-Đưa ra được nhận xét về tính thẩm mỹ của một bộ trang phục theo thời trang, lựa chon trang phục trên cơ sở đánh giá sự phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, môi trường hoạt động của người mặc.

-Bước đầu hình thành phong cách thời trang riêng mình, có ý tưởng thiết kế thời trang phù hợp.

*2.2. Năng lực chung:*

-Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng, về thời trang và lựa chọn trang phục thời trang trong các tình huống cụ thể.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống để đề xuất trang phục phù hợp thời trang, đặc điểm bản than và điều kiện kinh tế của gia đình.

**3. Phẩm chất:**

***a/Trách nhiệm:***

- Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình dành cho việc may mặc thông qua việc lựa chọn trang phụ phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

***b/ Chăm chỉ:***

-Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thời trang lựa chọn trang phục thời trang vào cuộc sống hang ngày.

***c/ Nhân ái:***

***-*** Tôn trọng sự khác biệt về phong cách cá nhân của những người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tìm hiểu mục tiêu bài.

-Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo.

-Chuẩn bị đồ dùng và phương tiện dạy học, hình ảnh phù hợp về trang phục

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước bài

-Sưu tập hình ảnh trang phục thời trang.

Dụng cụ và vật liệu cần thiết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên dụng cụ, vật liệu | Đơn vị | Số lượng |
| 1 | Giấy (A4) | Tờ | 1 |
| 2 | Bút chì | Cây | 1 |
| 3 | Gốm | Cục | 1 |
| 4 | Bút màu (hoặc màu nước) | Hộp | 1 |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Mở đầu (Khởi động tạo hứng thú)**

-Mục tiêu: thúc đẩy nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

-Nội dung: Thời trang khác trang phục như thế nào?

-Sản phẩm : Nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

-Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV chia lớp thành 4 đội để thi đua trò chơi nhỏ.

+ HS chuẩn bị phiếu học tập số 1

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ GV trình chiếu hình ảnh về các loại áo dài.





+ HS quan sát và ghi nhớ.

***\* Báo cáo kết quả:***

+ GV cho 4 đội nêu nhận xét về các loại áo dài và nêu sự khác nhau về trang phục và thời trang.

+ HS chủ động ghi đáp án.

***\*Đánh giá kết quả:***

GV nhận xét kết luận đội chiến thắng và dẫn vào bài mới.

**Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức.**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu thời trang và phong cách thời trang.**

- Mục tiêu: tìm hiểu khái niệm thời trang và phong cách thời trang.

- Nội dung:

+ Trình bày các loại trang phục theo thời trang ở nhiều thời kì.

+ Trang phục theo một số phong cách thời trang.

- Sản phẩm: Khái niệm thời trang , khái niệm phong cách thời trang.

- Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV cho HS thảo luận theo nhóm 2 bạn và làm việc cá nhân.  -HS chuẩn bị phiếu học tập.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  -GV yêu cầu HS quan sát H8.1 và trả lời câu hỏi SGK, giúp HS nhận biết thời trang áo dài ở mỗi thời kì là kiểu dáng áo dài phổ biến, được nhiều người mặc trong thời gian đó.  -HS quan sát, ghi nhớ  -GV yêu cầu HS quan sát H8.2 và trả lời câu hỏi SGK.  -HS quan sát, trả lời  -GV nêu thêm các trường hợp trang phục thay đổi theo thời trang qua các thời kì giúp HS nhận biết thời trang là sự thay đổi các yếu tố của trang phục.  -GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 2 bạn quan sát H8.3 và trả lời câu hỏi SGK.  -Nhóm HS quan sát và ghi lại kết quả.  ***\* Báo cáo kết quả:***  + GV gọi 1 vài nhóm HS trả lời.  + HS chủ động nêu đáp án đã thảo luận.  ***\*Đánh giá kết quả:***  HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau. GV kết luận. | Thời trang là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một khoảng thời gian nhất định. Thời trang thể hiện qua kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, họa tiết,..của trang phục. Thời trang có nhiều loại tùy theo nhu cầu mặc đẹp của con người. Phong cách thời trang là cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mỹ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng, độc đáo của mọi người. |

**Hoạt động 2.2:** **Tìm hiểu thời trang thể hiện tính cách của người mặc:**

- Mục tiêu: nhận biết đặc điểm chung của thời trang, bước đầu nhận ra phong cách thời trang cuẩ bản thân.

- Nội dung: trang phục theo các phong cách thời trang khác nhau.

- Sản phẩm: Đặc điểm chung của thời trang.

- Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV cho HS thảo luận theo nhóm 4 bạn .  -HS chuẩn bị phiếu học tập.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  -GV yêu cầu HS quan sát H8.4 và trả lời câu hỏi SGK  -Nhóm HS quan sát và ghi lại kết quả.  ***\* Báo cáo kết quả:***  + GV gọi 1 vài nhóm HS trả lời.  + HS chủ động nêu đáp án đã thảo luận.  ***\*Đánh giá kết quả:***  HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau. GV kết luận.  GV minh học thêm hình ảnh các phong cách thời trang khác nhau thể hiện qua trang phục. | Thời trang phản ánh tính cách của người mặc. Do vậy, mỗi người cần lựa chọn phong cách thời trang phù hợp với bản thân và biết cách ứng xử khéo léo. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

- Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức về thời trang vào tình huống thực tế, giúp học sinh nhận ra phong cách thời trang của bản thân.

- Nội dung: bài tập

- Sản phẩm: đáp án bài tập

- Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV cho học sinh quan sát hình ảnh và hoạt động cá nhân.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ Học sinh quan sát hình ảnh về thời trang và trang phục thời trang

***\* Báo cáo kết quả:***

Học sinh trình bày phương án của mình

***\*Đánh giá kết quả:***

+ GV gọi học sinh nhận xét, giáo viên đánh giá.

+ HS nghe nhận xét và rút kinh nhiệm.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

- Mục tiêu: giúp học sinh củng cố và vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn, xác định phong cách thời trang của bản thân.

- Nội dung: bài tập vận dụng sách bài tập.

- Sản phẩm: đáp án bài tập

- Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV yêu cầu học sinh làm bài tập về chọn trang phục.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS tìm hiểu cách chọn trang phục phù hợp với bản thân và thời điểm.

***\* Báo cáo kết quả:***

HS trình bày kết quả

***\*Đánh giá kết quả:***

+ HS nhận xét

+ GV đánh giá, kết luận.

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:**  **Tổ:** | Họ và tên giáo viên  Nguyễn Đức Hoàng Dung |

**TÊN BÀI DẠY: Bài 8 THỜI TRANG**

Môn học Công nghệ lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết (tiết 2)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.

- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản than.

-Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bẩn than, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

**2. Năng lực:**

*2.1.Năng lực công nghệ :*

-Nhận biết về thời trang, tính chất cơ bản của thời trang, nhận biết các bước lựa chọn trang phục hợp lí.

-Sử dụng được các thuật ngữ để trình bày về thời trang , biểu diễn ý tưởng thiết kế trang phục bằng phác họa đơn giản.

-Sử dụng mẫu quần áo phối hợp thành bộ trang phục phù hợp theo yêu cầu.

-Đưa ra được nhận xét về tính thẩm mỹ của một bộ trang phục theo thời trang, lựa chon trang phục trên cơ sở đánh giá sự phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, môi trường hoạt động của người mặc.

-Bước đầu hình thành phong cách thời trang riêng mình, có ý tưởng thiết kế thời trang phù hợp.

*2.2. Năng lực chung:*

-Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng, về thời trang và lựa chọn trang phục thời trang trong các tình huống cụ thể.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống để đề xuất trang phục phù hợp thời trang, đặc điểm bản than và điều kiện kinh tế của gia đình.

**3. Phẩm chất:**

***a/Trách nhiệm:***

- Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình dành cho việc may mặc thông qua việc lựa chọn trang phụ phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

***b/ Chăm chỉ:***

-Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thời trang lựa chọn trang phục thời trang vào cuộc sống hang ngày.

***c/ Nhân ái:***

***-*** Tôn trọng sự khác biệt về phong cách cá nhân của những người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tìm hiểu mục tiêu bài.

-Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo.

-Chuẩn bị đồ dùng và phương tiện dạy học, hình ảnh phù hợp về trang phục

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước bài

-Sưu tập hình ảnh trang phục thời trang.

Dụng cụ và vật liệu cần thiết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên dụng cụ, vật liệu | Đơn vị | Số lượng |
| 1 | Giấy (A4) | Tờ | 1 |
| 2 | Bút chì | Cây | 1 |
| 3 | Gốm | Cục | 1 |
| 4 | Bút màu (hoặc màu nước) | Hộp | 1 |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Mở đầu (Khởi động tạo hứng thú)**

-Mục tiêu: thúc đẩy nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

-Nội dung: Thời trang khác trang phục như thế nào?

-Sản phẩm : Nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

-Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV chia lớp thành 4 đội để thi đua trò chơi nhỏ.

+ HS chuẩn bị phiếu học tập số 1

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ GV trình chiếu hình ảnh về các loại trang phục bé gái theo các phong cách khác nhau.



D:\TB2T7Mzg9YTBKNjSZKbXXXJ8pXa_1628967311.jpg

D:\TB2T7Mzg9YTBKNjSZKbXXXJ8pXa_1628967311.jpg

+ HS quan sát và ghi nhớ.

***\* Báo cáo kết quả:***

+ GV cho 4 đội nêu nhận xét về các loại trang phục và nêu nhận xét.

+ HS chủ động ghi đáp án.

***\*Đánh giá kết quả:***

GV nhận xét kết luận đội chiến thắng và dẫn vào bài mới.

**Hoạt động 2 : Lựa chon trang phục phù hợp theo thời trang.**

**Hoạt động 2.1:** **Tìm hiểu một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời trang**

- Mục tiêu: ôn lại kiến thức về cách lựa chọn trang phục

- Nội dung:

+ Lựa chon loại trang phục phù hợp với lứa tuổi, với môi trường hoạt động.

+ Lựa chọn màu sắc của vải và kiểu may của trang phục phù hợp với với vóc dáng người mặc.

+ Lựa chọn chất vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

+ Lựa chọn thêm các vật dụng đi kèm phù hợp với áo quần đã chọn.

- Sản phẩm: cách lựa chọn trang phục phù hợp theo tình huống sử dụng cho trước.

- Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV cho HS làm việc cá nhân.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  -GV yêu cầu HS nhắc lại cách chọn trang phục đã học bài 7.  -HS nhắc lại  -GV giải thích lí do cần xác định xu hướng thời trang khi chọn trang phục.  -HS lắng nghe  -GV lưu ý học sinh chọn chất vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình và vóc dáng của người mặc.  ***\* Báo cáo kết quả:***  + HS chủ động nêu đáp án .  ***\*Đánh giá kết quả:***  HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau. GV kết luận. | Trang phục cần được lựa chọn phù hợp với xu hướng thời trang, đặc điểm vóc dáng, lứa tuổi và môi trường hoạt động. Bộ trang phục đẹp phải có màu sắc, hoa văn, kiểu may che được khuyết điểm về vóc dáng, giúp tôn vẻ đẹp của cơ thể. |

**Hoạt động 2.2:** **các bước lựa chọn trang phục theo thời trang**

- Mục tiêu: hướng dẫn quy trình và tổ chức thực hành lựa chọn trang phục.

- Nội dung: các bước thực hành quy trình lựa chọn trang phục.

- Sản phẩm: hình vẽ phác họa bộ trang phục được lựa chọn phù hợp với tình huống cho trước.

- Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV cho HS thảo luận theo nhóm 4 bạn .  -HS chuẩn bị phiếu học tập.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  -GV giới thiệu quy trình chọn trang phục với tình huống cho trước (ví dụ:đi tiệc, đi sinh nhật, đi du lịch…)  -GV nêu yêu cầu bộ trang phục:  +Phù hợp với xu hướng thời trang  +Phù hợp với vóc dáng  +Phù hợp với lứa tuổi  +Phù hợp với môi trường hoạt động  +Chất liệu vải phải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.  -GV theo dõi, hỗ trợ HS phác họa và vẽ chính thức mẫu trang phục.  - HS ghi lại kết quả.  ***\* Báo cáo kết quả:***  + HS nộp báo cáo  ***\*Đánh giá kết quả:***  HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau. GV kết luận. | Quy trình thực hành lựa chọn trang phục như sau:  Bước 1: Xác định đặc điểm vóc dáng  Bước 2: Xác định phong cách thời trang; chọn loại trang phục.  Bước 3: Chọn kiểu may  Bước 4: Chọn màu sắc, hoa văn  Bước 5: Chọn chất liệu vải  Bước 6: Chọn vật dụng đi kèm  Bước 7: Vẽ minh họa bộ trang phục đã chọn vào giấy A4 |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

- Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức về thời trang vào tình huống thực tế, giúp học sinh nhận ra phong cách thời trang của bản thân.

- Nội dung: bài tập

- Sản phẩm: đáp án bài tập

- Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV cho học sinh quan sát hình ảnh và hoạt động cá nhân.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ Học sinh quan sát hình ảnh về thời trang và trang phục thời trang

***\* Báo cáo kết quả:***

Học sinh trình bày phương án của mình

***\*Đánh giá kết quả:***

+ GV gọi học sinh nhận xét, giáo viên đánh giá.

+ HS nghe nhận xét và rút kinh nhiệm.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

- Mục tiêu: giúp học sinh củng cố và vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn, xác định phong cách thời trang của bản thân.

- Nội dung: bài tập vận dụng sách bài tập.

- Sản phẩm: đáp án bài tập

- Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV yêu cầu học sinh làm bài tập về chọn trang phục.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS tìm hiểu cách chọn trang phục phù hợp với bản thân và thời điểm.

***\* Báo cáo kết quả:***

HS trình bày kết quả

***\*Đánh giá kết quả:***

+ HS nhận xét

+ GV đánh giá, kết luận.

**Soạn ngày:**

**Ngày giảng:**

**BÀI 9: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**(5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện

- Vẽ được sơ đồ khối và nêu được nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện

- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng

2. Năng lực:

a, Năng lực công nghệ

*- Năng lực nhận thức công nghệ:* Nhận thức được cấu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình

*- Sử dụng công nghệ:* Sử dụng được các đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn tiết kiệm điện; vẽ được sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện

- *Giao tiếp công nghệ:* Thông qua bài học HS sử dụng được một số thuật ngữ về đồ dùng điện

b. Năng lực chung:

*- Năng lực tự chủ và tự học*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức đã học về các đồ dùng điện vào cuộc sống hàng ngày. Có ý thức bảo vệ an toàn điện trong cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU :**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tranh ảnh, mô hình hoặc mẫu vật về bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm(Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu).- Giấy A0, A4

- Phiếu học tập

**2. Đối với học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

*a. Mục tiêu:*Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học. Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS về các loại đồ dùng điện trong gia đình

Tổ chức tình huống học tập, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

*b. Nội dung:* Cấu tạo và hoạt động của một số đồ dùng điện thông dụng trong gia đình

*c. Sản phẩm:* Nhu cầu tìm hiểu cấu tạo và hoạt động của một số đồ dùng điện

*d. Tổ chức thực hiện:*

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

Yêu cầu một số hs trong lớp trả lời câu hỏi

? Kể tên các đồ dùng điện đang được sử dụng trong gia đình em ?

Gv trình chiếu hình ảnh các đồ dùng điện phổ biến trong gia đình như bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm

? Nêu cấu tạo của bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm

? Nêu cách hoạt động của bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh trả lời*

*- Giáo viên quan sát*

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học*

Đồ dùng điện là đồ dùng không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt của chúng ta hiện nay. Từ bóng đèn, nồi cơm điện, bàn là, bình đun nước nóng, máy say thực phẩm…..Vậy chúng có cấu tạo và nguyên lý làm việc như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu một số đồ dùng điện trong gia đình**

Nội dung 1.1 Tìm hiểu bàn là

a. Mục tiêu:Mô tả cấu tạo chung và đọc được thông số kĩ thuật của bàn là, giới thiệu một số loại bàn là thông dụng

b. Nội dung: Tên gọi chức năng các bộ phận chính của bàn là

c. Sản phẩm:Bản ghi chép về tên gọi chức năng các bộ phận chính của bàn là

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| \**Chuyển giao nhiệm vụ*  GV treo 1 tờ giấy A0 trên đó kẻ bảng có 3 cột tương ứng với mỗi cột là cấu tạo và chức năng của bàn là  GV chia lớp làm các nhóm, phát giấy A4 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm (thời gian 3 phút) quan sát hình ảnh 9.1 và mẫu vật, em và các bạn trong nhóm hãy thảo luận ghép tên và chức năng vào các bộ phận chính của bàn là cho phù hợp vào mỗi tờ giấy A4.  HS nhận nhóm và nhận giấy A4.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  GV yêu cầu đại diện từng nhóm lên bảng dán tên từng bộ phận cấu tạo và chức năng tương ứng với mỗi cột.  Đại diện nhóm lên dán phương án trả lời của nhóm mình lên giấy A0  \* *Báo cáo thảo luận*  Đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần dự kiến sản phẩm  \**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs đọc thông tin bảng 9.1. Gv giới thiệu hs về thông số kĩ thuật một số bàn là thông dụng như bàn là du lịch, bàn là khô, bàn là hơi nước  Gv cho hs quan sát 1 chiếc bàn là du lịch trên vỏ ghi 220V – 250W. Em hãy đọc các thông số kĩ thuật ghi trên bàn là. Sau đó đưa ra tình huống: Bạn An nói “bàn là có điện áp định mức là 220V, công suất định mức là 250W”; bạn Dung nói “bàn là có điện áp định mức là 250V, công suất định mức là 220W”. Theo em bạn nào nói đúng về thông số kĩ thuật của bàn là? Tại sao?  Gv yêu cầu nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên vào giấy A4.  - HS quan sát tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Gv chia bảng thành 2 phần tương ứng với vị trí câu trả lời đồng ý với ý kiến bạn An và bạn Dung. Kết thúc thời gian 2 phút, các nhóm HS dán ý kiến của mình lên bảng  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **1. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  1.1. Bàn là (bàn ủi)  - Vỏ bàn là: Bảo vệ các bộ phận bên trong bàn là  - Dây đốt nóng: Tạo sức nóng dưới tác dụng của dòng điện  - Bộ điều chỉnh nhiệt độ: đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với từng loại vải  - Thông số kĩ thuật của bàn là :  + Công suất định mức  + Điện áp định mức |

Nội dung 1.2 Tìm hiểu nguyên lí làm việc của bàn là

a. Mục tiêu:Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc của bàn là

b. Nội dung: sơ đồ khối mô tả được nguyên lí làm việc của bàn là

c. Sản phẩm:Bản ghi chép về nguyên lí làm việc của bàn là

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| \**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs quan sát hình ảnh sau    Bộ  Bàn là nóng lên  Dây đốt nóng  Cấp điện cho bàn là  Bộ điều  chỉnh  nhiệt  độ  Sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của bàn là  ? mô tả nguyên lí làm việc của bàn là  ? Tại sao bàn là luôn giữ được độ nóng theo nhiệt độ đã đặt trước  ? Em hãy vẽ lại sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của bàn là  GV yêu cầu hs hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 4 phút và trả lời câu hỏi trên  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian 4 phút  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | b. Nguyên lí làm việc  Khi cấp điện áp cho bàn là và xoay bộ điều chỉnh nhiệt độ đến vị trí thích hợp với loại vải cần là, lúc naỳ dòng điện truyền qua dây đốt nóng làm bàn là nóng lên. Bàn là sẽ tự động ngắt và đóng dòng điện truyền qua dây đốt nóng để giữ nhiệt độ luôn ổn đinh ở giá trị nhiệt độ đã đặt trước |

Nội dung 1.3. Tìm hiểu sử dụng bàn là

a. Mục tiêu:Sử dụng được bàn là đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng

b. Nội dung: Ý nghĩa của các kí hiệu trên bộ điều chỉnh nhiệt độ và quy trình sử dụng bàn là

c. Sản phẩm:Bản ghi chép về quy trình sử dụng bàn là

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
|  |  |

**Tuần Ngày soạn:**

**Tiết Ngày dạy:**

**BÀI 9: SỬ DỤNG CÁC ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (tiết 3)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

- Trình bày được cấu tạo và thông số kỹ thuật của đèn LED

- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và lưu ý khi sử dụng đèn LED

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung:

*- Năng lực tự chủ và tự học*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm

b, Năng lực công nghệ

*- Năng lực nhận thức công nghệ*: Lựa đèn LED phù hợp với nhu cầu sử dụng; Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Chủ động nêu ý kiến và lắng nghe ý kiến của bạn trong quá trình làm việc nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học đã học về các đồ dùng điện trong cuộc sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức đã học vào việc lựa chọn, sử dụng đèn của gia đình

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

- Tranh ảnh, mô hình hoặc mẫu vật về đèn LED, (Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu).- Giấy A0, A4

- Phiếu học tập

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1**  **Hãy đánh dấu X vào lựa chọn phù hợp khi sử dụng đèn LED**   |  |  | | --- | --- | | * 1. Chọn sử dụng  những loại đèn tạo ánh sáng có nhiều màu sắc. |  | | * 2. Sử dụng đèn ngay khi thấy đèn có vết nứt |  | | 3. Không đặt đèn trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời hoặc những nơi có nhiệt độ cao, ẩm ướt. |  | | * 4. Khi sử dụng Đèn LED chiếu sáng có thể nhìn trực tiếp vào đèn. ... |  | | 5. Không đặt đèn gần những chất dể gây cháy nổ. |  | | 6. Vệ sinh đèn bằng vải khô, sạch |  | |

**2. Học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| 1. **HOẠT ĐỘNG : XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ** 2. *Mục tiêu*: Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học.   Tổ chức tình huống học tập, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.  *b. Nội dung:* HS nghe và trả lời một số câu hỏi  *c. Sản phẩm:* Vận dụng kiến thức để thực hiện hoạt động nhóm trả lời câu hỏi  *d. Tiến trình hoạt động*:  *\*Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV yêu cầu: Hãy vận dụng những kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân về các loại đèn điện chiếu sáng để trả lời câu hỏi sau:  1. Hãy kể tên một số loại đèn điện chiếu sáng ở gia đình sử dụng?  2. Theo em loại đèn nào tiết kiệm điện năng nhiều nhất?  3. Kể tên một số loại đèn LED theo hình dáng mà em biết?  - HS tiếp nhận  - Hs thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi.  *\*Thực hiện nhiệm vụ:*  HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.  - Giáo viên  - Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của HS  *\*Báo cáo kết quả:*Hs trình bày miệng  *\*Kết luận, nhận định:*  - Hs nhận xét, bổ sung  GV đánh giá cho điểm.  ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đèn chiếu sáng ngày nay có rất nhiều loại, chúng ta cần lựa chọn loại đèn phù hợp với nhu cầu sử dụng và tiết kiệm điện năng nhiều nhất. Vậy đèn LED có cấu tạo như thế nào? Hoạt động ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài |

**2. HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1 Hoạt động 1: Cấu tạo và thông số kỹ thuật**

*a) Mục tiêu:*Nhận dạng được các bộ phận cấu tạo nên đèn LED và đọc được các thông số kỹ thuật cơ bản ghi trên vỏ đèn. Nhận biết được các loại đèn LED thông qua hình dáng bên ngoài.

*b) Nội dung:*HS quan sát hình ảnh SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

*c) Sản phẩm:*Trình bày trên bảng nhóm

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ*  GV: Giới thiệu hình 9.4 SGK cho học sinh.  GV yêu cầu: Quan sát Hình 9.4- SGK em và các bạn trong nhóm hãy thảo luận cá nhân sau đó tổng hợp ý kiến vào bảng nhóm.  Trả lời các câu hỏi sau:  Kể tên các bộ phận của đèn LED và nêu chức năng của chúng? Liệt kê một số thông số kỹ thuật cơ bản ghi trên đèn.  - Hs tiếp nhận  *\*Thực hiện nhiệm vụ:*  - HS suy nghĩ thảo luận trả lời câu hỏi  - GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn  - Dự kiến trả lời:  - Cấu tạo: ->  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm đánh giá kết quả chéo với nhau.  *\* Kết luận, nhận định:*  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV: chốt kiến thức, ghi bảng. | **1.2. Đèn Led (Light Emitting Diode)**  **a. Cấu tạo:**  - Vỏ đèn: bảo vệ bảng mạch LED, bộ nguồn và cách điện, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.  - Bộ nguồn: Biến đổi điện áp nguồn điện cho phù hợp với điện áp sử dụng của đèn LED.  - Bảng mạch LED: phát ra ánh sáng khi cấp điện. |

**2. 2 Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên lý làm việc của đèn LED**

*a) Mục tiêu:*Trình bày được nguyên lý làm việc của đèn LED.

*b) Nội dung:*HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

*c) Sản phẩm:*Câu trả lời cá nhân.

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV yêu cầu HS đọc nội dung SGK và trả lời các câu hỏi để hoàn thiện nguyên lý hoạt động.  - Liệt kê các sơ đồ khối mô tả nguyên lý hoạt động của đèn LED?  - Dựa vào sơ đồ khối trình bày nguyên lý hoạt động?  - HS tiếp nhận  *\*Thực hiện nhiệm vụ*  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân tự do đề xuất  - Dự kiến trả lời:  - Nguyên lý hoạt động:🡪  *\* Báo cáo, thảo luận*  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến  *\* Kết luận, nhận định*  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Chốt nội dung kiến thức và ghi bảng. | 1. **Nguyên lý hoạt động**   Khi cấp điện cho đèn LED, bộ nguồn trong đèn sẽ biến đổi nguồn điện cung cấp phù hợp với điện áp sử dụng của đèn và truyền dòng điện đến bảng mạch LED, làm đèn phát sáng. |

**2.3 Hoạt động 3. Tìm hiểu một số lưu ý khi sử dụng đèn LED**

*a) Mục tiêu:**Trình bày được một số lưu ý cần thiết khi sử dụng đèn LED*

*b) Nội dung:*HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV theo nhóm.

*c) Sản phẩm:*Phiếu học tập số 1

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ*  - HS đọc nội dung SGK và hoàn thành phiếu học tập số 1  - HS tiếp nhận  *\*Thực hiện nhiệm vụ*  - Từng cá nhân nêu ý kiến sau đó tổng hợp ý kiến cá nhân để hoàn thành nội dung theo yêu cầu trong phiếu học tập.  - Dự kiến sản phẩm: Lựa chọn đúng 3, 5, 6  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - Trao đổi kết quả thảo luận giữa các nhóm, đánh giá nhau.  *\* Kết luận, nhận định:*  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | 1. **Lưu ý khi sử dụng đèn LED**   - Không đặt đèn trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời hoặc những nơi có nhiệt độ cao, ẩm ướt.  - Không đặt đèn gần những chất dể gây cháy nổ.  - Vệ sinh đèn bằng vải khô, sạch. |

**3. HOẠT ĐỘNG: LUYỆN TẬP**

*a) Mục tiêu:*Nắm vững kiến thức để vẽ được sơ đồ khối mô tả hoạt động của đèn LED.

*b) Nội dung:*GV yêu cầu Hs sắp xếp các khối theo đúng nguyên lý hoạt động của LED với các khối đã chuẩn bị trước.

*c) Sản phẩm:*HS sơ đồ khối trên bảng

*d) Tổ chức thực hiện:*

*\* Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV yêu cầu Hs hoàn thiện sơ đồ khối theo đúng trình tự hoạt động của đèn LED.

- Hs tiếp nhận

*\*Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

- GV theo dõi

- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

*\* Báo cáo, thảo luận:*

Hs trả lời nhanh

*\* Kết luận, nhận định:*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả và nêu lại nguyên lý hoạt động của đèn LED.

**4. HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG**

*a. Mục tiêu*: Thông qua hoạt động, giúp HS phát triển năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác: HS dựa vào kinh nghiệm bản thân nêu được cách lựa chọn, sử dụng đèn LED phù hợp nhất tại gia đình.

*b. Nội dung:* Tìm hiểu cách lựa chọn, sử dụng đèn LED an toàn và hiệu quả.

*c. Sản phẩm*: Câu trả lời của HS

*d. Tiến trình hoạt động*:

*\* Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Chia sẻ cách sử dụng đèn LED đúng cách.

- Yêu cầu hs về nhà tìm hiểu thêm cách lựa chọn đèn LED phù hợp với nhu cầu sử dụng của mỗi gia đình.

*\*Thực hiện nhiệm vụ:*HS tìm hiểu theo cá nhân, về nhà thực hiện

\**Báo cáo, thảo luận:*Tổ chức báo cáo nhanh trên lớp (trong tiết học tiếp theo)

*\*Kết luận, nhận định:* GV chốt lại, bổ sung các nội dung phù hợp về cách lựa chọn, sử dụng đèn LED(nếu HS chưa phát hiện, tìm hiểu được)

\* Về nhà tìm hiểu trước nội dung: Máy xay thực phẩm.

**Tuần Ngày soạn:**

**Tiết Ngày dạy:**

**BÀI 9: SỬ DỤNG CÁC ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (tiết 4)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm

- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của máy xay thực phẩm

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung:

*- Năng lực tự chủ và tự học*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm

b, Năng lực công nghệ

*- Năng lực nhận thức công nghệ*: Sử dụng máy xay thực phẩm đúng cách, tiết kiệm và an toàn; Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Chủ động nêu ý kiến và lắng nghe ý kiến của bạn trong quá trình làm việc nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học đã học về các đồ dùng điện trong cuộc sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức đã học vào việc sử dụng máy xay thực phẩm của gia đình

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

- Tranh ảnh, mô hình hoặc mẫu vật về đèn LED, máy xay thực phẩm(Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu).- Giấy A0, A4

- Phiếu học tập

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phiếu học tập số 1  Quan sát hình ảnh hãy cho biết tên và chức năng của các bộ phận chính của máy xay thực phẩm   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Hình ảnh minh họa | Tên các bộ phận | Chức năng chính | | Chân trời sáng tạo] Giải công nghệ 6 bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia  đình - Tech12h |  |  | | Chân trời sáng tạo] Giải công nghệ 6 bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia  đình - Tech12h |  |  | | Chân trời sáng tạo] Giải công nghệ 6 bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia  đình - Tech12h |  |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phiếu học tập số 2  Mô tả các bước thực hiện trong quy trình sử dụng máy xay thực phẩm được minh họa bởi những hình ảnh dưới đây   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Hình ảnh minh họa | Mô tả | | 1 | Kinh nghiệm rửa rau củ quả thực phẩm sạch và an toàn - Blog Đặc Sản Việt  Nam - Tinh Hoa Đất Mẹ |  | | 2 | Lẩu cá cờ chua cay ăn hoài không ngán | Macrame Lá |  | | 3 | Có nên để trẻ dùng máy xay sinh tố? |  | | 4 | Những sai lầm thường gặp khi sử dụng máy xay sinh tố |  | | 5 | Cách bố trí ổ cắm điện trong nhà đảm bảo an toàn |  | | Máy xay sinh tố Sunhouse SHD5111 – A2ZMART |  | | 6 | Máy làm sữa hạt đa năng Mishio MK160 - Đỏ - Shop VnExpress |  | | 7 | Vệ sinh máy xay sinh tố thường |  | |

**2. Học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG**   *a. Mục tiêu*: Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết về vai trò của máy xay thực phẩm đối với cuộc sống  *b. Nội dung:* HS quan sát hình ảnh và trả lời một số câu hỏi  *c. Sản phẩm:*Vận dụng kiến thức để thực hiện hoạt động nhóm trả lời câu hỏi  *d. Tiến trình hoạt động*:  *\*Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV yêu cầu: Hãy quan sát hình ảnh nói về việc làm nhuyễn thực phẩm bằng tay và bằng máy, dựa vào hiểu biết của bản thân về chế biến thực phẩm em hãy trả lời câu hỏi sau:   |  |  | | --- | --- | | Thớt Inox 304 cao cấp 2 mặt băm chặt được kích thước 39 * 28 * 1.12cm -  Tặng Kèm Dụng Cụ Mài Dao - Thớt nhà bếp Hãng OEM | BepAB.com | Máy Xay Thịt Bằng Điện Tiện Dụng Cho Nhà Bếp | Shopee Việt Nam |   1. Em hãy liệt kê những phương pháp có thể dùng để làm nhuyễn thực phẩm?  2. Theo em thì phương pháp nào được sử dụng nhiều nhất hiện nay? Vì sao?  - HS tiếp nhận  - Hs thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.  *\*Thực hiện nhiệm vụ:*  HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.  - Giáo viên  - Dự kiến sản phẩm:  1. Có 2 phương pháp: làm nhuyễn bằng tay, xay bằng máy  2. Phương pháp xay bằng máy được sử dụng nhiều hiện nay vì tiết kiệm thời gian, đảm bảo an toàn thực phẩm, hạn chế vi khuẩn xâm nhập,...  *\*Báo cáo kết quả:*Hs trình bày miệng  *\*Kết luận, nhận định:*  -Hs nhận xét, bổ sung  GV đánh giá cho điểm.  ->Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Nhu cầu xay thực phẩm của con người ngày càng nhiều. Bởi lẽ có rất nhiều sản phẩm cần nhờ đến sự can thiệp của máy xay để có được một chất lượng tốt nhất. Máy xay thực phẩm cũng nhờ vậy mà được sử dụng nhiều hơn với nhiều những kiểu dáng và mẫu mã khác nhau. Chúng cũng có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hiện nay….. |

1. **HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2. 1 Hoạt động: Tìm hiểu về cấu tạo và thông số kĩ thuật của máy xay thực phẩm.**

*a) Mục tiêu:*Mô tả được cấu tạo chung của máy xay thực phẩm và các thông số kỹ thuật của một số loại máy xay thực phẩm phổ biến. Liệt kê được một số loại máy xay thực phẩm thông dụng.

*b) Nội dung:*HS tìm hiểu tên gọi và chức năng các bộ phận của máy xay thực phẩm

*c) Sản phẩm: Phiếu* học tập 1

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| \**Chuyển giao nhiệm vụ*  Quan sát Hình 9.6, em hãy cho biết tên và chức năng các bộ phán chính của  máy xay thực phám tương ứng với mô lá nào sau đây. - Tech12hGv chiếu hình ảnh sau, yêu cầu hs quan sát  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trên giấy và hoàn thành phiếu học tập số 1 trên giấy A0 trong thời gian 4 phút với nội dung như sau: Quan sát hình 9.6, em hãy cho biết tên và chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm tương ứng với mô tả trong SGK?  - GV giải thích chức năng của từng bộ phận của máy xay thực phẩm.  - Gv yêu cầu hs đọc thông tin bảng 9.4. Gv giới thiệu hs về thông số kĩ thuật một số máy xay thực phẩm thông dụng như máy xay với các dung tích khác nhau như 1,5l; 0,8l; 1l; 0,5l,....  Gv cho hs quan sát 1 chiếc máy xay trên vỏ ghi 220V – 400W. HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu của GV: Hãy đọc và cho biết ý nghĩa của các thông số kĩ thuật ghi trên máy xay thực phẩm.  HS tiếp nhận và làm việc theo nhóm  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  - HS quan sát hình ảnh và tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  - GV yêu cầu đại diện từng nhóm lên bảng trình bày nội dung thảo luận của nhóm  \* *Báo cáo thảo luận*  Đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận hình thành nội dun bài học | **1.3 Máy xay thực phẩm**  **a. Cấu tạo và thông số kỹ thuật**  - Máy xay thực phẩm có cấu tạo gồm 3 bộ phận chính:  + Cối xay (bên trong có lưỡi dao được nối với trục động cơ trong thân máy): để cắt nhỏ thực phẩm khi động cơ hoạt động.  + Thân máy: bao gồm một động cơ đặt bên trong. Động cơ sẽ hoạt động khi có dòng điện truyền qua để làm quay lưỡi dao trong cối.  + Bộ phận điều khiển: gồm các nút (phím) để tắt, mở máy và thay đổi tốc độ quay của lưỡi dao.  - Thông số kĩ thuật của bàn là :  + Công suất định mức  + Điện áp định mức |

**2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm**

*a. Mục tiêu:*Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm

*b. Nội dung:*  Tìm hiểu sơ đồ khối mô tả được nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm

*c. Sản phẩm:*Bản ghi chép về nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| \**Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập*  Gv yêu cầu mỗi nhóm chuẩn bị 4 phiếu như sau:  Phiếu 1: Cấp điện cho máy xay  Phiếu 2: LưỡI dao trong cối quay để xay thực phẩm  Phiếu 4: Lựa chọn tôc độ xay  Phiếu 3: Điện truyền vào động cơ máy xay  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và dán vào bảng con (thời gian 2 phút) để sắp xếp các phiếu ghi các bước làm việc của máy xay theo thứ tự hợp lí.  - Từ các phiếu đã sắp xếp hoàn chỉnh em hãy trình bày nguyên lí làm việc hoàn chỉnh của máy xay thực phẩm? ( Thảo luận nhóm đôi 2 phút).  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ học tập*  - HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  + Sắp xếp thứ tự các phiếu.  + Trình bày nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm.  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian thảo luận Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và hình thành nội dung bài | b. Nguyên lí làm việc  Khi cấp điện cho máy xay thực phẩm và lựa chọn tốc độ quay phù hợp bằng các nút ở bộ phận điều khiển, động cơ sẽ hoạt động làm quay lưỡi dao trong cối xay để cắt nhỏ thực phẩm. |

**2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu sử dụng máy xay thực phẩm**

*a. Mục tiêu:*Hướng dẫn HS cách sử dụng máy xay thực phẩm đúng cách, đảm bảo an toàn và hiệu quả

*b. Nội dung:* Quy trình sử dụng máy xay thực phẩm

*c. Sản phẩm:*Bản ghi chép về quy trình sử dụng máy xay thực phẩm

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| \**Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập*  Gv chia lớp thành 4 nhóm  Yêu cầu hs quan sát hình ảnh minh họa và mô tả từng bước trong quy trình sử dụng máy xay thực phẩm để hoàn thành yêu cầu phiếu học tập số 2.  GV yêu cầu các nhóm trao đổi phiếu học tập số 4 với nhau để nhận xét, đánh giá. HS hoàn thành trong thời gian 5 phút.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  Các nhóm nhận và thảo luận để hoàn thành phiếu học tập số 4  HS đổi phiếu cho nhau để nhận xát, đánh giá.  *\* Báo cáo, thảo luận*  GV yêu cầu đại diện nhóm nhận xét bài của bạn.  Nhóm khác nhận xét, bổ sung bài của bạn.  *\* Kết luận và nhận định*  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.  - GV nhấn mạnh những yêu cầu cần đạt ở mỗi bước khi sử dụng máy xay thực phẩm  - GV lưu ý an toàn lao động và hướng dẫn HS cách vệ sinh máy sau khi sử dụng.  GV chốt lại kiến thức và hình thành nội dung bài | ***c. Sử dụng máy xay thực phẩm***  *\* Các bước sử dụng máy xay thực phẩm:*  Bước 1: Sơ chế các loại thực phẩm  Bước 2: Cắt nhỏ thực phẩm  Bước 3: Lắp cối xay vào thân máy  Bước 4: Cho nguyên liệu cần xay vào cối và đậy nắp  Bước 5: Cắm điện và chế độ xay phù hợp  Bước 6: Sau khi xay xong, tắt máy và lấy thực phẩm ra khỏi cối xay  Bước 7: Vệ sinh và bảo quản máy xay thực phẩm sau khi sử dụng xong |

**3. HOẠT ĐỘNG: LUYỆN TẬP**

*a) Mục tiêu:*Giúp HS vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí hoạt động của máy xay thực phẩm

*b) Nội dung:*HS hoàn thành bài tập trong phần luyện tập

*c) Sản phẩm:*Đáp án trả lời câu hỏi của HS

*d) Tổ chức thực hiện:*

*\* Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV yêu cầu Hs trả lời câu hỏi phần luyện tập

+ Em hãy vẽ lại sơ đồ khối và mô tả nguyên kí làm việc của máy xay thực phẩm

- Hs tiếp nhận

*\*Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

- GV theo dõi

- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

*\* Báo cáo, thảo luận:*

Hs trả lời nhanh

*\* Kết luận, nhận định:*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

**4. HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG**

*a. Mục tiêu*: HS vận dụng kiến thức đã học để sử dụng máy xay thực phẩm đạt hiệu quả

*b. Nội dung:* HS nêu cách bảo quản máy xay thực phẩm tại gia đình

*c. Sản phẩm*: Đáp án trả lời của HS

*d. Tiến trình hoạt động*:

*\* Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV yêu cầu Hs trả lời câu hỏi:

+ Hãy nêu cách bảo quản máy xay thực phẩm tại gia đình em?

- Hs tiếp nhận

*\*Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

- GV theo dõi

- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

**\****Báo cáo, thảo luận:* Hs trả lời nhanh

*\*Kết luận, nhận định:*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

\* Về nhà tìm hiểu trước phần 2. Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện

**Soạn ngày:**

**Ngày giảng:**

**CHƯƠNG 4: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**BÀI 9: SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**( Tiết 5 )**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện.

- Vẽ được sơ đồ khối và nêu được nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện.

- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng.

-Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với gia đình.

**2. Năng lực:**

***2.1. Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên.

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***2.2. Năng lực công nghệ***

*- Năng lực nhận thức công nghệ:* Nhận thức được cấu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình.

- *Giao tiếp công nghệ:* Thông qua bài học HS sử dụng được một số thuật ngữ về đồ dùng điện.

*- Sử dụng công nghệ:* Sử dụng được các đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn tiết kiệm điện; vẽ được sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức đã học về các đồ dùng điện vào cuộc sống hàng ngày. Có ý thức bảo vệ an toàn điện trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU :**

**1. Giáo viên:**

- Tranh ảnh, mô hình hoặc mẫu vật về bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm... (Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu) với các thông số công suất khác nhau.- Sưu tầm 1 số đèn sợi đốt có công suất khác nhau để minh họa cho việc tiêu thụ điện với CS khác nhau.

**2. Học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập...

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU**

*a. Mục tiêu:* **-**Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học. Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS về các loại đồ dùng điện trong gia đình ...

- Lưa chọn và sử dụng được các đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, an toàn và phù hợp với điều kiện của gia đình...

-Tổ chức tình huống học tập, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu kiến thức mới.

*b. Nội dung:*  hoạt động của một số đồ dùng điện thông dụng trong gia đình, các thông số kỹ thuật trên các TBĐ...

*c. Sản phẩm:* Lựa chọn các TBĐ, đồ dùng điện qua các thông số kỹ thuật: Công suất tiêu thụ định mức...

*d. Tổ chức thực hiện: cả lớp*

***\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

-Gv trình chiếu hình ảnh hoặc sưu tầm các đồ dùng điện phổ biến trong gia đình như bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm... với các thông số kỹ thuật như Công suất định mức khác nhau cho HS quan sát trực quan

🡪Yêu cầu một số hs trong lớp trả lời câu hỏi:

+ Công suất trên các TBĐ có ý nghĩa gì?

+Công suất có ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng điện, tiết kiệm điện...

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

-HS thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV.

-GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

\* **Báo cáo, thảo luận**

-GV giảng giải cho HS nắm bắt được kiến thức mới về thông số kỹ thuật là Công suất định mức ghi trên các TBĐ.

-GV hướng dẫn cho HS biết cách tính toán được lượng điện năng tiêu thụ của các TBĐ

\* **Kết luận, nhận định**

-HS tiếp thu kiến thức mới, biết cách lựa chọn các TBĐ với các thông số kỵ thuật ghi trên các TBĐ để sử dụng cho an toàn, tiết kiệm ...

-GV chốt lại kiến thức mới sẽ được áp dụng trong thực tế cuộc sống...

**2. HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Hoạt động 1: Sử dụng được 1 số đồ dùng điện đúng cách an toàn và tiết kiệm điện**

a. Mục tiêu:HS biết lựa chọn được các thiết bị điện sử dụng cho an toàn, tiết kiệm điện năng

b. Nội dung: Sử dụng được các thiết bị điện với công suất phù hợp trong sinh hoạt

c. Sản phẩm: HS biết cách tính toán điện năng tiêu thụ và lựa chọn các TBĐ sử dụng trong gia đình qua thông số kỹ thuật công suất định mức ghi trên các TBĐ

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| **\**Chuyển giao nhiệm vụ***  -Gv chiếu hình ảnh các TBĐ,hoặc các vật thật với các thông số kỹ thuật có Công suất định mức khác nhau cho các em hs quan sát .  -Gv thực hiện thí nghiệm nhanh cho HS trực quan sát khi sử dụng 2 bóng đèn sợi đốt có công suất khác nhau để minh họa cho việc tiêu thụ điện năng .  🡪lựa chọn TBĐ sử dụng có công suất phù hợp, tiết kiệm điện năng  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  HS quan sát hình ảnh, mẫu vật, thí nghiệm của GV  🡪 tiếp thu kiến thức mới  **\* *Báo cáo thảo luận***  -HS tiếp thu kiến thức mới và biết cách tính toán lượng điện năng tiêu của tất cả các TBĐ trong sinh hoạt ở gia đình và lựa chọn các TBĐ sử dụng cho phù hợp  **\* *Kết luận, nhận định***  GV nhận xét sự tiếp thu kiến thức mới của hs qua cách tính toán điện năng tiêu thụ của các TBĐ và cách so sánh phân biệt được các TBĐ giống nhau nhưng công suất khác nhau( xem hình 2 nồi cơm điện/SGK/trang 72)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần dự kiến sản phẩm | **2.Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện**  Từ công thức tổng quát:  A= P x t  A: Điện năng tiêu thụ ( kWh)  P: Công suất định mức( W )  t : thời gian ( h )  Với 1kW= 1000W  VD: Một máy điều hòa nhiệt độ có công suất định mức là 750W (0,75kW), có thời gian hoạt động trung bình là 10 giờ(h) mỗi ngày. Vậy điện năng tiêu thụ định mức của máy trong 1 ngày là :  A= P.t = 0,75 x 10= 7,5 kWh  -Nếu giả sử giá tiền điện năng là 1856đ/1kWh, thì số tiền phải trả tối đa trong 1 ngày sử dụng là : 0,75kWh x 1856đ/kWh = 13920đ  **( \* LƯU Ý: Nếu tính trong 1 tháng thì ta chọn là 30 ngày)**  🡺 Để tiết kiệm điện, ta cần lựa chọn đồ dùng điện có công suất và các tính năng phù hợp với mục đích, nhu cầu sử dụng của gia đình. Đồ dùng điện nào có công suất định mức càng nhỏ thì tiêu thụ điện năng càng ít. |

**2.2. Hoạt động 2: Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng điện phù hợp với gia đình trong sinh hoạt**

a. Mục tiêu:Nhận biết và phân biệt được các hình ảnh, thông số kĩ thuật an toàn tiết kiệm năng lượng và phù hợp trong sinh hoạt gia đình

b. Nội dung: quan sát các thông số kĩ thuật, nhãn dán tiết kiệm năng lượng điện trên các TBĐ

c. Sản phẩm:- Lựa chọn đúng các TBĐ sử dụng cho phủ hợp, tiết kiệm và an toàn...

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| **\**Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập***  -GV trình chiếu về hình ảnh hoặc nhản dán tiết kiệm năng lượng điện trên các TBĐ va hướng dẫn, giảng giải cho HS    ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  *.*HS tiếp thu kiến thức mới theo hướng dẫn của GV.  **\* *Báo cáo thảo luận***  HS nhận biết và lựa chọn được các TBĐ có nhản dán tiết kiệm năng lượng  **\* *Kết luận, nhận định***  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | -TBĐ nào có nhản dán tiết kiệm năng lượng càng nhiều sao thì tiết kiệm năng lượng càng cao |

**2.3 Hoạt động 3: Luyện tập**

a. Mục tiêu:HS hiểu rõ công thức tính điện năng tiêu thụ A= P x t

b. Nội dung: HS áp dụng công thức để tính điện năng tiêu thụ của các TBĐ trong gia đình( trong 1 ngày)

c. Sản phẩm:HS làm phần luyện tập 2-SGK/trang 72, 73

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| **\**Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập***  Gv cho hs làm luyện tập phần 2-SGK/ trang 72, 73  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  HS hoàn thành phần luyện tập.  GV quan sat theo dõi các bạn và hướng dẫn lại nếu cần  ***\* Báo cáo, thảo luận***  GV yêu cầu 1HS nêu bài của bạn.  HS nhận xét bài của bạn.  ***\* Kết luận và nhận định***  GV nhận xét phần trình bày HS.  GV chốt lại kiến thức như phần sản phẩm cần đạt | ***HS làm luyện tập phần 2-SGK/trang 72, 73*** |

**2.4 Hoạt động 3: Vận dụng**

a. Mục tiêu:HS hiểu rõ công thức tính điện năng tiêu thụ A= P x t

b. Nội dung: HS áp dụng công thức để tính điện năng tiêu thụ của các TBĐ trong gia đình trong 1 tháng (30 ngày)

c. Sản phẩm:HS làm phần Vận dụng 2, 3-SGK/trang 73

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Sản phẩm cần đạt*** |
| **\**Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập***  Gv cho hs làm phần Vận dụng 2, 3-SGK/ trang 73  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  HS hoàn thành phần luyện tập.  GV quan sat theo dõi các bạn và hướng dẫn lại nếu cần  ***\* Báo cáo, thảo luận***  GV yêu cầu 1HS nêu bài của bạn.  HS nhận xét bài của bạn.  ***\* Kết luận và nhận định***  GV nhận xét phần trình bày HS.  GV chốt lại kiến thức như phần sản phẩm cần đạt | ***HS làm phần Vận dụng 2, 3-SGK / trang 73*** |

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**Bài 10: AN TOÀN ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

Môn học Công nghệ lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 1)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Kể được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.

- Trinh bày được một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

**2. Năng lực:**

*2.1.Năng lực công nghệ :*

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được các nguyên nhân gây tai nạn điện và những biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

- Sử dụng công nghệ: sử dụng được các biện pháp an toàn điện vào các tình huống ở gia đỉnh.

- Đánh giá công nghệ: đánh giá được mức độ an toàn của các đô dùng, thiết bị điện.

*2.2. Năng lực chung:*

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; vận dụng một cách hnh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về an toàn điện để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới.

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt vói các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất:**

***a/*** ***Nhân ái:***

- có ý thức quan tâm đến an toàn của các thành viên trong gia đình.

***b/ Chăm chỉ:***

-Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thời trang lựa chọn trang phục thời trang vào cuộc sống hằng ngày.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tìm hiểu mục tiêu bài.

-Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo.

-Chuẩn bị đồ dùng và phương tiện dạy học, hình ảnh phù hợp với bài học về an toàn điện.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước bài

-Sưu tập hình ảnh về hệ thống điện trong nhà.

Dụng cụ và vật liệu cần thiết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên dụng cụ, vật liệu | Đơn vị | Số lượng |
| 1 | Giấy (A4) | Tờ | 1 |
| 2 | Bút chì | Cây | 1 |
| 3 | Gôm | Cục | 1 |
| 4 | Bút đỏ | Cây | 1 |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

-Mục tiêu: khơi gợi nhu cầu tim hiểu của HS về các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đinh.

-Nội dung: Clip về hậu quả khi sử dụng điện không an toàn.

-Sản phẩm: nhu cầu tìm hiểu các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đình.

-Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV chia lớp thành nhóm đôi.

+ HS quan sát clip, lắng nghe và trả lời.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ GV giới thiệu các hình ảnh hoặc đoạn video clip về tai nạn điện.

+ GV đặt câu hòi về cách phòng tránh điện giật vá hoả hoạn do điện gây ra.

+ GV giới thiệu mục tiêu bài.

**Hoạt động 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Nguyên nhân gây ra tai nạn điện**

-Mục tiêu: khơi gợi nhu cầu tim hiểu của HS về các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đinh.

-Nội dung: hậu quả khi sử dụng điện không an toàn.

-Sản phẩm: nhu cầu tìm hiểu các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đình.

-Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV chia lớp thành 4 đội để thi đua trò chơi nhỏ.

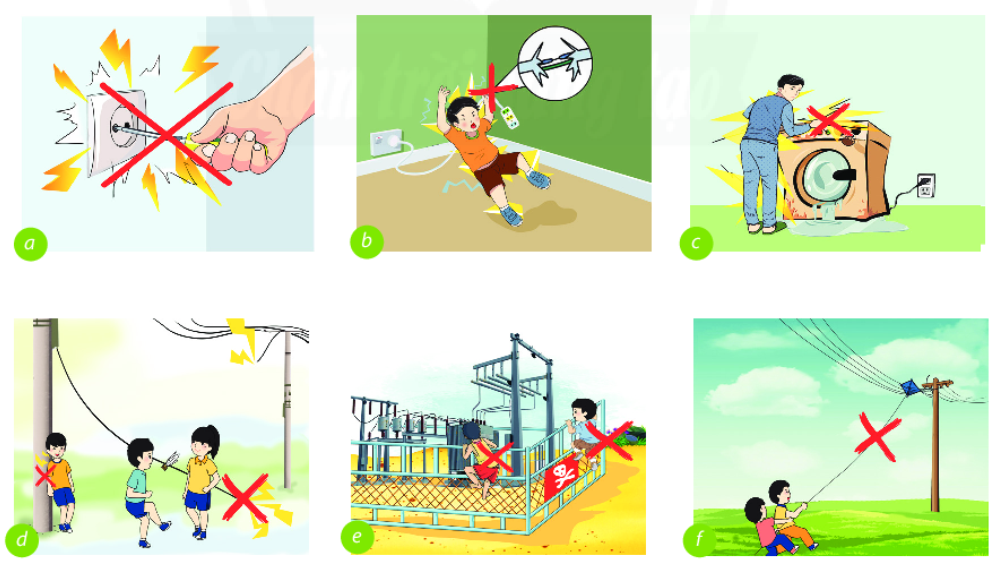
+ HS chuẩn bị phiếu học tập số 1

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ GV trình chiếu hình ảnh về các tai nạn điện và các nội dung liên quan, học sinh nối các nội dung và hình ảnh cho phù hợp để được đáp án đúng.

Nội dung:

1. Đến gần vị trí dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.
2. Thả diều ở nơi có đường dây điện đi qua.
3. Chạm ta trực tiếp vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở cách điện.
4. Vi phạm hành lang an toàn trạm điện.
5. Dùng vật liệu kim loại chạm vào nguồn điện.
6. Chạm vào đồ dùng bị rò điện qua lớp vỏ kim loại bên ngoài.



+ HS quan sát và ghi kết quả vào phiếu học tập.

***\* Báo cáo kết quả:***

+ GV cho 4 đội trình bày đáp án và nêu nhận xét về các trường hợp trên.

+ Các nhóm nhận xét.

***\*Đánh giá kết quả:***

GV nhận xét kết luận đội chiến thắng và dẫn vào bài mới.

**Hoạt động 2.2:** **Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện**

- Mục tiêu: giới thiệu các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

- Nội dung:

+ Cách phòng tránh tai nạn điện khi sử dụng đồ dùmg điện trong gia đỉnh;

+ Một số biện pháp xử lí đồ dùmg điện kém an toàn trong gia đinh;

+ Một số biện pháp phòng tránh tai nạn điện khi hoạt động hay vui chơi ngoài trời.

- Sản phẩm: các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

- Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV cho HS thảo luận theo nhóm 4 bạn.  + GV giới thiệu hình anh minh hoạ về các biện pháp an toàn khi sử dụng điện ở Hình 10.2 trong SHS  + GV yêu cầu HS ghép các chú thích với hình anh cho phù hợp.  + GV gợi mở, giúp HS phân tích hình ảnh và giải thích từng trường hợp.  + GV yêu cầu HS nhắc lại các thông tin từ hình ảnh minh hoạ để đúc kết thành kiến thức bài học.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  -Nhóm HS thảo luận và ghi lại kết quả.  ***\* Báo cáo kết quả:***  + GV gọi 1 vài nhóm HS trả lời.  + HS chủ động nêu đáp án đã thảo luận.  ***\*Đánh giá kết quả:***  HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau. GV kết luận.  GV minh họa thêm các biện pháp an toàn khi sử dụng điện. | Một số biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng điện:  + Lắp đặt chỗ lấy điện ngoài tầm với của trẻ em hoặc che chắn ổ lấy điện khi chưa sử dụng;  + Thường xuyên kiểm tra dây điện, đồ dùng điện trong gia đinh để phát hiện hư hỏng cách điện, rò điện và khắc phục;  + Sử dụng đồ dùng điện theo đứng hướng dẫn của nhà sản xuất;  + Không đến gần nơi có biển báo nguy hiềm về tai nạn điện;  + Tránh xa khu vực dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

- Mục tiêu: giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về sử dựng điện an toàn.

- Nội dung: bài tập 1 trong SGK trang 80.

- Sản phẩm: đáp án bài tập.

- Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  + GV cho học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  + Học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\* Báo cáo kết quả:***  Học sinh trình bày đáp án của mình.  ***\*Đánh giá kết quả:***  + GV gọi học sinh nhận xét, giáo viên đánh giá.  + HS nghe nhận xét và rút kinh nhiệm. | ***Các nguyên nhân xảy ra tai nạn điện:***   1. Đến gần vị trí dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. 2. Thả diều ở nơi có đường dây điện đi qua. 3. Chạm ta trực tiếp vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở cách điện. 4. Vi phạm hành lang an toàn trạm điện. 5. Dùng vật liệu kim loại chạm vào nguồn điện. 6. Chạm vào đồ dùng bị rò điện qua lớp vỏ kim loại bên ngoài. |

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

- Mục tiêu: giúp học sinh củng cố và vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn.

- Nội dung: bài tập 2 vận dụng SGK trang 80.

- Sản phẩm: đáp án bài tập

- Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  + GV cho học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  + Học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\* Báo cáo kết quả:***  Học sinh trình bày đáp án của mình.  ***\*Đánh giá kết quả:***  + GV gọi học sinh nhận xét, giáo viên đánh giá.  + HS nghe nhận xét và rút kinh nhiệm. | Các biện pháp an toàn khi sử dụng điện:  + Lắp đặt chỗ lấy điện ngoài tầm với của trẻ em hoặc che chắn ổ lấy điện khi chưa sử dụng;  + Thường xuyên kiểm tra dây điện, đồ dùng điện trong gia đinh để phát hiện hư hỏng cách điện, rò điện và khắc phục;  + Sử dụng đồ dùng điện theo đứng hướng dẫn của nhà sản xuất;  + Không đến gần nơi có biển báo nguy hiềm về tai nạn điện;  + Tránh xa khu vực dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự cố gắng, tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự trách nhiệm, năng động, tinh thần đồng đội trong tham gia hoạt động nhóm.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BẰNG THANG ĐO

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Mức 6 |
| Nối đúng  1 đáp án. | Nối đúng  2 đáp án. | Nối đúng  3 đáp án. | Nối đúng  4 đáp án. | Nối đúng  5 đáp án. | Nối đúng  6 đáp án. |

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BẰNG THANG ĐO

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Mức 1*** | ***Mức 2*** | ***Mức 3*** | ***Mức 4*** | ***Mức 5*** |
| Đúng 1 ý | Đúng 2 ý | Đúng 3 ý | Đúng 4 ý | Đúng 5 ý hoặc nhiều hơn. |

Bài 10 : AN TOÀN ĐIỆN

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

* Kể được một số nguyên nhân gây tai nạn điện;
* Trinh bày được một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

1. Phẩm chất và năng lực chung

* Nhân ái: có ý thức quan tâm đến an toàn của các thành viên trong gia đình;
* Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập và việc vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về an toàn điện vào đòi sống hằng ngày;
* Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; vận dụng một cách hnh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về an toàn điện để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới;
* Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt vói các thành viên trong nhóm.

1. Năng lực công nghệ

* Nhận thức công nghệ: nhận thức được các nguyên nhân gây tai nạn điện và những biện pháp an toàn khi sử dụng điện;
* Sử dụng công nghệ: sử dụng được các biện pháp an toàn điện vào các tình huống ở gia đỉnh;
* Đánh giá công nghệ: đánh giá được mức độ an toàn của các đô dùng, thiết bị điện.

B. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

* Tìm hiểu mục tiêu bài;
* Chuần bị tài hệu giảng dạy: SHS là tài hệu tham khảo chính;
* Chuần bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Tranh anh hoặc video chp ngắn về các tình huống gặp tai nạn điện;

+ Tranh ảnh về các biện pháp an toàn điện.

1. Chuẩn bị của học sinh

* Đọc trước bài học trong SHS;
* Tìm hiểu nhiệm vụ học tập và những yên cầu chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn của GV.

c. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

* Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
* Sử dụng phương pháp dạy học thực hành kĩ thuật kết hợp cùng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu: khơi gợi nhu cầu tim hiểu của HS về các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đinh.
* Nội dung: hậu quả khi sử dụng điện không an toàn: điện giật, hoả hoạn.
* Sản phẩm: nhu cầu tìm hiểu các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đình.
* Gợi ý hoạt động dạy học: sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV giới thiệu các hình ảnh hoặc đoạn video clip về tai nạn điện.

+ GV đặt câu hòi về cách phòng tránh điện giật vá hoả hoạn do điện gây ra.

+ GV giới thiệu mục tiêu bài.

1. HÌNH THÀNH KIÊN THỨC
2. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện

* Mục tiêu: giúp HS nhận biết nguyên nhân gây tai nạn điện.
* Nội dung: các trường hợp xảy ra tai nạn điện.
* Sản phẩm: nguyên nhân gây ra tai nạn điện.
* Gợi ý hoạt động dạy học: sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV minh hoạ hình ảnh về các trường hợp xảy ra tai nạn điện ở Hình 10.1 trong SHS.

+ GV yêu cầu HS ghép các chú thích với hình ảnh cho phù hợp.

+ GV gợi mở, giup HS phân tích và giải thích từng trưởng hợp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại các thông tin từ hình anh minh hoạ để đúc kết thành kiến thức bài học.

* Kết luận: Tai nạn điện xảy ra do chạm trực tiếp vào vật mang điện hoặc vi phạm khoảng cách an toàn đối với lưới điện cao áp và hạm biến áp.

1. Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện

* Mục tiêu: giới thiệu các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.
* Nội dung:

+ Cách phòng tránh tai nạn điện khi sử dụng đồ dùmg điện trong gia đỉnh;

+ Một số biện pháp xử lí đồ dùmg điện kém an toàn trong gia đinh;

+ Một số biện pháp phòng tránh tai nạn điện khi hoạt động hay vui chơi ngoài trời.

* Sản phẩm, các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.
* Gợi ý hoạt động dạy học: sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV giới thiệu hình anh minh hoạ về các biện pháp an toàn khi sử dụng điện ở Hình 10.2 trong SHS.

+ GV yêu cầu HS ghép các chú thích với hình anh cho phù hợp.

+ GV gợi mở, giúp HS phân tích hình ảnh và giải thích từng trường hợp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại các thông tin từ hình ảnh minh hoạ để đúc kết thành kiến thức bài học.

* Kết luận:

Một số biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng điện:

+ Lắp đặt chỗ lấy điện ngoài tầm với của trẻ em hoặc che chắn ổ lấy điện khi chưa sử dụng;

+ Thường xuyên kiểm tra dây điện, đồ dùng điện trong gia đinh để phát hiện hư hỏng cách điện, rò điện và khắc phục;

+ Sử dụng đồ dùng điện theo đứng hướng dẫn của nhà sản xuất;

+ Không đến gần nơi có biển báo nguy hiềm về tai nạn điện;

+ Tránh xa khu vực dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.

1. LUYỆN TẬP

* Mục tiêu: giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về sử dựng điện an toàn.
* Nội dung: các bai tập ỡ phàn Luyện tập trong SHS.
* Sân phàm: đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.
* Gợi ý hoạt động dạy học: sử dụng hình thức học tập theo nhóm.

+ GV yêu cầu các nhóm HS làm các bài tập ở phần Luyện tập trong SHS.

1. VẬN DỤNG

* Mục tiêu: giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học vào thực tiễn.
* Nội dung: các bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập vê nhà trong SBT.
* Sán phàm: đáp án bái tạp phần Vận dụng và bái tập về nhà.
* Gợi ý hoạt động dạy học: hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

+ GV hướng dẫn đễ HS làm bài tập ở phần Vận dụng trong SHS.

+ GV giao bài tập cho HS làm ở nhà.

1. KẾT LUẬN CHUNG

* Mục tiêu: tổng kết kiến thức cốt lõi của bài học.
* Nội dung: nguyên nhân xảy ra tai nạn điện và biện pháp an toàn khi sử dụng điện.
* Sản phẩm: nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
* Gợi ý hoạt động dạy học: hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dưng ở phân Ghi nhớ trong SHS:

* Nguyên nhân gây tai nạn điện;
* Các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Khởi động: Chứng ta cần sử dụng điện như thế nào để đảm bảo an toàn?

E.TỔNG KẾT-ĐÁNH GIÁ

* Nhận xét quá trinh học tập của HS trong lớp;

Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: THCS LỮ GIA** | Họ và tên giáo viên: |
| **Tổ: ……………………………………….** | ………………………………………….. |

**TÊN CHỦ ĐỀ: ……………………….**

**TÊN BÀI DẠY: DỰ ÁN TIẾT KIỆM TRONG SỬ DỤNG ĐIỆN**

Môn Công nghệ; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: **2** tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức, kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học về đồ dùng điện và lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện để đánh giá các loại đồ dùng điện tiết kiệm điện năng;

- Đề xuất được phương án sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực hợp tác nhóm trong việc cùng xây dựng phương án sử dụng đồ dùng tiết kiệm điện năng;

- Hình thành ý thức tiết kiệm điện trong sử dụng đồ dùng điện tại gia đình.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **2. Về năng lực**  ***2.1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | Nhận biết các yêu cầu khi đề xuất đồ dùng điện đáp ứng yêu cầu tiết kiệm điện năng | [a2.1] |
|  | … |
| *Giao tiếp công nghệ* | Biểu diễn được ý tưởng lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện | [b2.1] |
|  | … |
| *Sử dụng công nghệ* | Đọc được các tài liệu thể hiện thông số kỹ thuật của sản phẩm điện gia dụng | [c2.1] |
|  | … |
| *Đánh giá công nghệ* | Nhận xét, đánh giá công suất tiêu thụ của các đồ dùng điện | [d2.2] |
|  | … |
| *Thiết kế kĩ thuật* | Xây dựng được phương án sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm điện năng | [e2.2] |
|  | … |
| ***2.1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Năng lực Tự chủ và tự học* | Chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng về lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện năng theo chủ đề của dự án | [TCTH.1] |
| *Năng lực Giao tiếp và hợp tác* | Biết trình bày ý tưởng cho việc đề xuất các đồ dùng tiết kiệm điện; thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm; | [GTHT1.3] |
| *Năng lực Giải quyết vấn đề và sáng tạo* | Phân tích được tình huống đã cho để đề xuất các đồ dùng tiết kiệm điện; lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và thực hiện kế hoạch | [GQST.2] |
| **3. Về phẩm chất** | | |
| *Phẩm chất Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập và việc vận dụng kiến thức, kỹ năng về đồ dùng điện để thực hiện dự án | [CC1.3] |
| *Phẩm chất Trách nhiệm* | Có trách nhiệm với gia đình, có ý thức tiết kiệm chi phí cho việc sử dụng điện của gia đình | [TN2.1] |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Khởi động** | - Bảng  - | - SGK  - |
| **Hoạt động 2. Khám phá** | - Bảng nhóm  - | -  - |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - máy chiếu  - | - sưu tầm hình ảnh  - tài liệu liên quan  - |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - máy chiếu  - | - bảng trình bày kết quả  - |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **Hoạt động 1. GIỚI THIỆU DỰ ÁN**  (… phút) | Giới thiệu dự án, nhiệm vụ dự án |  | Vấn đáp |  |
| **Hoạt động 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**  (… phút) | Hướng dẫn HS lạp kế hoạch thực hiện dự án | Xây dựng kế hoạch | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 2.1. Phân nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký**  (… phút) |  | Thực hiện biểu mẫu báo cáo | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 2.2. Thảo luận nhóm lập kế hoạch thực hiện**  (… phút) |  | - Nghiên cứu các loại đồ dùng điện theo yêu cầu của dự án  - Lập kế hoạch thời gian, mốc thời gian cho từng công việc  Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm  - Liệt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 3. THỰC HIỆN DỰ ÁN**  (… phút) | Hướng dẫn HS thực hiện dự án | HS thảo luận hoàn thành dự án | Hoạt động nhóm | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 4. BÁO CÁO DỰ ÁN**  (… phút) | Cho các nhóm HS báo cáo kết quả dự án, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá | - Báo cáo đề xuất loại đồ dùng điện thế hệ mới và số tiền tiết kiệm được nếu sử dụng các đồ dùng điện này (Bảng 3) | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá trình bày nhóm |

**B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Đồ dùng** | **Nội dung** |
|  | | | | |
| phút | **Hoạt động 1. GIỚI THIỆU DỰ ÁN**  \* Giáo viên đặt tình huống :  Điện năng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Nhu cầu điện năng ngày càng tăng và không đồng đều theo thời gian, đòi hỏi người dùng điện phải biết sử dụng hợp lí điện năng.  Hơn nữa điện năng rất có ích cho cuộc sống, nhờ có điện mà cuộc sống của chúng ta trở nên văn minh hiện đại. Ngày nay, điện đã trở thành một phần của cuộc sống hàng ngày. Ngoài tác dụng to lớn của điện năng đối với công cuộc hiện đại hóa đất nước nếu chúng ta sử dụng điện năng không thích hợp dễ dẫn tới xây dựng nhiều các nhà máy điện tràn lan tác động tiêu cực tới môi trường.  Vậy, chúng ta cần phải làm gì để sử dụng điện một cách tiết kiệm cô và các em cùng tìm hiểu bài học hôm nay. | - HS đọc thông tin trong SGK | - Gắn bìa tên chủ đề | Lựa chọn chủ đề : Tiết kiệm trong sử dụng điện |
| Phút | **Hoạt động 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**  **Hoạt động 2.1. Phân nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký**  Hỏi: Với chủ đề tiết kiệm điện năng theo các em, chúng ta cần tìm hiểu những nội dung gì?  - Ghi kết quả trả lời của HS  - Gọi HS nhận xét về các ý kiến đã nêu.  - Tổ chức cho HS phát triển mạng ý tưởng.  - Thảo luận với HS để lược bớt các ý kiến trùng nhau và hình thành các nhiệm vụ của dự án. | - HS trả lời  - HS nhận xét, trả lời  - Trao đổi theo cặp, ghi nội dung vào bảng nhóm và gắn lên bảng  - Cùng GV chọn lọc những nội dung để thực hiện dự án. | - Bảng nhóm | Xây dựng các nội dung dự án |
| phút | - Phân nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký  - Cho HS nêu các nhiệm vụ cần thực hiện của dự án.  - GV phân nhóm và phân công nhiệm vụ:  + Nhiệm vụ 1: Nhóm 1  + Nhiệm vụ 2: Nhóm 2  + Nhiệm vụ 3 : Nhóm 3  + Nhiệm vụ 4: Nhóm 4  - Hướng dẫn các nhóm phân công nhiệm vụ trong nhóm và lập kế hoạch.  - Theo dõi, giúp đỡ  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận.  - Theo dõi và nhận xét, bổ sung  - Hướng dẫn thực hiện một số kĩ năng (giao tiếp, tìm kiếm trên mạng internet, trình bày trên giấy Ao , sưu tầm tranh ảnh ..) | Các nhiệm vụ của dự án:  1. Tìm hiểu các lợi ích của việc tiết kiệm điện năng  2. So sánh các loại đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thế hệ mới  3. Các biện pháp tiết kiệm điện năng  4. Tóm tắt nội dung trọng tâm của dự án bằng sơ đồ tư duy  - Ngồi theo nhóm  - Lắng nghe và cùng tham gia  - Thảo luận, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhóm  - Các nhóm trưởng lần lượt báo cáo kế hoạch của nhóm.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Cùng tham gia hỏi và trả lời. | - máy chiếu  - Bảng phân công nhiệm vụ nhóm | Lập kế hoạch thực hiện dự án |
|  | **Hoạt động 2.2. Thảo luận nhóm lập kế hoạch thực hiện**  - Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ các nhóm (xây dựng câu hỏi, thu thập thông tin) | - Thực hiện theo kế hoạch:  + Nhóm 1:  \*sưu tập hình ảnh và tư liệu về ô nhiễm môi trường do hoạt động của các nhà máy điện.  \*xây dựng hệ thống câu hỏi : *? Em hãy cho biết vì sao cần phải sử dụng tiết kiệm điện năng?*  *. Việc sử dụng tiết kiệm điện năng có một số lợi ích dưới đây:*  *+ Giảm chi tiêu cho gia đình.*  *+ Các dụng cụ và thiết bị điện được sử dụng lâu bền hơn.*  *+ Giảm bớt các sự cố gây tổn hại.*  *+ Dành phần điện năng tiết kiệm cho sản xuất.*  *+ Giảm việc gây ô nhiễm môi trường.*  *+ Bảo vệ và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên.*  *? giải thích vì sao sử dụng tiết kiệm điện năng lại giảm việc gây ô nhiễm môi trường và bảo vệ nguồn tài nguyên*  *? Phần điện năng được tiết kiệm còn có thể sử dụng để làm gì đối với lợi ích quốc gia?*  + Nhóm 2:  *- Liệt kê tối thiểu 5 đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng, điền vào Bảng 1*  *- Dựa vào tên các đồ dùng điện trong Bảng 1, HS tìm các đồ dùng điện thế hệ mới có chức năng gần giống với đồ dùng điện đang sử dụng nhưng có công suất tiêu thụ nhỏ hơn và điền vào Bảng 2*  *- Tính toán mức chênh lệch công suất giữa đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thế hệ mới là bao nhiêu W và điền vào Bảng 3*  *- Mỗi loại đồ dùng điện được sử dụng bao nhiêu giờ mỗi tháng (Giả sử tháng có 30 ngày)?*  *Giả sử giá tiền của một số điện là 1 856 đồng. Nếu thay thế đồ dùng điện đang sử dụng (Bảng 1) bằng đồ dùng điện thế hệ mới (Bảng 2) thì mỗi tháng (30 ngày) gia đình em sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền điện?*  *HS điền kết quả vào Bảng 3*  + Nhóm 3:  *?Cần phải lựa chọn, sử dụng các dụng cụ hay thiết bị điện có công suất như thế nào?*  *? Có nên cho bộ phận hẹn giờ làm việc khi sử dụng các dụng cụ hay thiết bị điện hay không? Vì sao?*  *? học sinh cần phải sử dụng tiết kiệm điện năng như thế nào ở gia đình và ở nhà trường, lớp học?*  *+* Nhóm 4: Tóm tắt nội dung trọng tâm của dự án bằng sơ đồ tư duy  - Các em chọn đúng cụm từ “tiết kiệm điện” làm trung tâm.  - Các em vẽ được 2 nhánh cấp 1 là: lợi ích tiết kiệm điện, các biện pháp tiết kiệm điện  - Từ nhánh cấp 1 là lợi ích tiết kiệm điện vẽ tiếp các nhánh cấp 2 là: Giảm chi tiêu, giảm các sự cố, giảm việc gây ô nhiễm môi trường…., tương tự với nhánh cấp 3, 4…  - Từ nhánh cấp 1 là các biện pháp tiết kiệm điện vẽ tiếp các nhánh cấp 2 là: lựa chọn đồ dùng điện, cài đặt hẹn giờ cho đồ dùng điện…., tương tự với nhánh cấp 3, 4… | -Mạng Internet, các bài báo.  - Hình ảnh  - Câu hỏi | Lập kế hoạch thực hiện dự án |
|  | **Hoạt động 3. THỰC HIỆN DỰ ÁN**  Theo dõi, giúp đỡ (xử lý thông tin, cách trình bày sản phẩm của các nhóm) | - Từng nhóm phân tích kết quả thu thập được và trao đổi về cách trình bày sản phẩm.  - Xây dựng báo cáo/sản phẩm của nhóm. | Giấy, bút, giấy màu, máy tính | Tổng hợp thông tin và hoàn thành báo cáo của nhóm |
| phút | **Hoạt động 4. BÁO CÁO DỰ ÁN**  - Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả và phản hồi.  - Nhận xét, bổ sung  - Tổ chức cho HS thực hiện  - Kết luận, tuyên dương nhóm, cá nhân | - Các nhóm báo cáo kết quả:  + Nhóm 1: Trình bày sản phẩm  + Nhóm 2: Trình bày sản phẩm  + Nhóm 3: Trình bày sản phẩm  + Nhóm 4: Trình bày sản phẩm  - Các nhóm tham gia phản hồi về phần trình bày của nhóm bạn.  - Cùng tham gia và đưa ra các hoạt động tiếp nối của dự án:  + Tuyên truyền mọi người về việc tiết kiệm điện năng, bảo vệ môi trường | - Bản trình bày kết quả của các nhóm, hình ảnh  - Máy chiếu  Máy vi tính, | Báo cáo kết quả    Nhìn lại quá trình thực hiện dự án |

**C. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

1.Các nhóm hoàn thành bài tập về nhà theo phiếu được giao

2. Trả lời câu hỏi bài ôn tập chương 4 trang 82 SGK

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**BẢNG 1. Các đồ dùng điện đang sử dụng trong gia đình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Tên đồ dùng điện trong gia đình** | **Công suất tiêu thụ** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |
| **5** |  |  |

**BẢNG 2. Đồ dùng điện thế hệ mới thay thế đồ dùng điện đang sử dụng trong gia đình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Tên đồ dùng điện mới thay thế cho đồ dùng điện đang sử dụng** | **Công suất tiêu thụ** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |
| **5** |  |  |

**BẢNG 3. Bảng so sánh mức chênh lệch công suất tiêu thụ giữa đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thế hệ mới**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đồ dùng điện đang sử dụng** | | **Tên đồ dùng điện thế hệ mới** | | **Chênh lệch công suât tiêu thụ (W)** | **Số tiền tiết kiệm được mỗi tháng** |
| **Tên đồ dùng điện** | **Công suất tiêu thụ (W)** | **Tên đồ dùng điện** | **Công suất tiêu thụ (W)** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |

**CÂU HỎI GỢI Ý- NHÓM 1**

\*sưu tập hình ảnh và tư liệu về ô nhiễm môi trường do hoạt động của các nhà máy điện.

*? Em hãy cho biết vì sao cần phải sử dụng tiết kiệm điện năng?*

*? giải thích vì sao sử dụng tiết kiệm điện năng lại giảm việc gây ô nhiễm môi trường và bảo vệ nguồn tài nguyên*

*? Phần điện năng được tiết kiệm còn có thể sử dụng để làm gì đối với lợi ích quốc gia?*

**CÂU HỎI GỢI Ý- NHÓM 2**

*- Liệt kê tối thiểu 5 đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng, điền vào Bảng 1*

*- Dựa vào tên các đồ dùng điện trong Bảng 1, HS tìm các đồ dùng điện thế hệ mới có chức năng gần giống với đồ dùng điện đang sử dụng nhưng có công suất tiêu thụ nhỏ hơn và điền vào Bảng 2*

*- Tính toán mức chênh lệch công suất giữa đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thế hệ mới là bao nhiêu W và điền vào Bảng 3*

*- Mỗi loại đồ dùng điện được sử dụng bao nhiêu giờ mỗi tháng (Giả sử tháng có 30 ngày)?*

*Giả sử giá tiền của một số điện là 1 856 đồng. Nếu thay thế đồ dùng điện đang sử dụng (Bảng 1) bằng đồ dùng điện thế hệ mới (Bảng 2) thì mỗi tháng (30 ngày) gia đình em sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền điện?*

*HS điền kết quả vào Bảng 3*

**CÂU HỎI GỢI Ý- NHÓM 3**

*?Cần phải lựa chọn, sử dụng các dụng cụ hay thiết bị điện có công suất như thế nào?*

*? Có nên cho bộ phận hẹn giờ làm việc khi sử dụng các dụng cụ hay thiết bị điện hay không? Vì sao?*

*? học sinh cần phải sử dụng tiết kiệm điện năng như thế nào ở gia đình và ở nhà trường, lớp học?*

**CÂU HỎI GỢI Ý- NHÓM 4**

*Tóm tắt nội dung trọng tâm của dự án bằng sơ đồ tư duy*

*- Các em chọn đúng cụm từ “tiết kiệm điện” làm trung tâm.*

*- Các em vẽ được 2 nhánh cấp 1 là: lợi ích tiết kiệm điện, các biện pháp tiết kiệm điện*

*- Từ nhánh cấp 1 là lợi ích tiết kiệm điện vẽ tiếp các nhánh cấp 2 là: Giảm chi tiêu, giảm các sự cố, giảm việc gây ô nhiễm môi trường…., tương tự với nhánh cấp 3, 4…*

*- Từ nhánh cấp 1 là các biện pháp tiết kiệm điện vẽ tiếp các nhánh cấp 2 là: lựa chọn đồ dùng điện, cài đặt hẹn giờ cho đồ dùng điện…., tương tự với nhánh cấp 3, 4…*

**BÀI TẬP VỀ NHÀ**

Câu 1/ Một bạn hay quên tắt điện khi rời khỏi nhà. Em hãy nghĩ cách giúp bạn này để tránh lãng phí điện và đảm bảo an toàn điện?

CÂU 2 /SOẠN BÀI KHÁC ĐƠN GIẢN HƠN. KHÔNG CẦN DÙNG CÔNG THỨC ĐỂ TÍNH

Câu 2/ Bài toán:

Một gia đình trước đây sử dụng các loại đồ dùng điện như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên đồ dùng điện** | **Công suất** | **Số lượng** |
| Đèn sợi đốt | 60 | 3 |
| Quạt điện | 45 | 2 |

Sau đó, gia đình này đã thay thế bằng các đồ dùng thế hệ mới như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên đồ dùng điện** | **Công suất** | **Số lượng** |
| Đèn led tuýp 1.2m | 20 | 3 |
| Quạt điện inverter | 30 | 2 |

Em hãy cho biết mỗi tháng gia đình trên đã tiết kiệm được bao nhiêu tiền, biết giá tiền mỗi số điện là 1856 đồng, mỗi đồ dùng sử dụng 240 giờ /tháng?

BÀI LÀM

…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………..………………………………………

**V. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên nhóm ………………………………………………………… | | | | | | | |
|  | **Tiêu chí** | **Tốt**  **(8-10 điểm)** | **Khá**  **(6-8 điểm)** | **Trung bình (4-6 điểm)** | **Cần điều chỉnh (0-4 điểm)** | **Điểm** |  |
|  | Trao đổi, lắng nghe | Tất cả các  thành viên  trong nhóm đều chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người khác và đưa ra ý kiến cá nhân. | Hầu hết các thành viên  trong nhóm đều chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người khác và đưa ra ý kiến cá nhân. | Các thành viên trong nhóm chưa chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người  khác, thỉnh thoảng đưa ra ý kiến cá nhân. | Các thành viên trong nhóm chưa chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người khác, hầu như không đưa ra ý kiến cá nhân. |  |  |
|  | Hợp tác | Tất cả các thành viên đều tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung | Hầu hết các thành viên đều tôn trọng ý kiến những  thành viên khác và hợp tác đƣa ra ý kiến chung | Đa phần các thành viên đều đưa ra ý kiến cá nhân nhưng rất khó khăn đưa ra ý kiến chúng. | Chỉ một vài người đưa ra ý kiến cá nhân và xây dựng. |  |  |
|  | Phân chia công việc | Công việc  được phân chia đều, dựa theo năng lực phù hợp. | Công việc được phân chia tương đối hợp lí. | Cá nhân có nhiệm vụ nhưng chưa phù hợp năng lực. | Công việc chỉ được tập trung cho một vài cá nhân, |  |  |
|  | Sắp xếp thời gian | Lựa chọn được thời gian phù hợp để làm việc và đều hoàn thành nhiệm vụ từng buổi. | Lựa chọn được thời gian phù hợp để làm việc nhưng  chưa hoàn thành nhiệm vụ từng buổi. | Sắp xếp được thời gian làm việc nhóm nhưng để lãng phí. | Không sắp xếp được thời gian làm việc nhóm. |  |  |
|  | Tổng điểm | | | | |  |  |

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRÌNH BÀY NHÓM**

Tên nhóm đánh giá:…………………………………………………………

Tên nhóm được đánh giá:……………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | ***Tốt***  ***(8-10 điểm)*** | ***Khá***  ***(6-8 điểm)*** | ***Trung bình (4-6 điểm)*** | ***Cần điều chỉnh (0-4 điểm)*** | ***Điểm*** |
| Nội dung | Trình bày đầy đủ yêu cầu của bài trình bày, ngắn gọn, tự phân tích được ưu nhược điểm của hệ thống. | Trình bày đầy đủ yêu cầu của bài trình bày, ngắn gọn, súc tích. | Trình bày đầy đủ yêu cầu của bài trình bày (xem ở bản mô tả dự án) | Trình bày được yêu cầu của bài trình bày nhưng còn sơ sài(xem ở bản mô tả dự án) |  |
| Ngôn ngữ | Diễn đạt lưu loát, giọng điệu lôi cuốn người  nghe. | Diễn đạt trôi chảy, giọng điệu thu hút sự chú ý  của người nghe. | Diễn đạt chưa trôi chảy, chưa thu hút được người gnhe. | Giọng đều đều, không mạch lạc. |  |
| Phong cách trình bày | Bao quát khán giả, phối hợp nhịp nhàng giữa ngôn ngữ nói và  ngôn ngữ cơ thể. | Bao quát khán giả, có sử dụng ngôn ngữ cơ thể. | Bao quát được khán giả nhưng chưa phối hợp ngôn ngữ cơ thể. | Bao quát khán giả chưa tốt, ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp. |  |
| Tranh luận,  trao đổi | Chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến phản biện, góp ý và đưa ra ý kiến của nhóm. | Lắng nghe các ý kiến phản biện, góp ý. | Đôi khi không lắng nghe các ý kiến phản biện, góp ý. | Chưa chú ý lắng nghe các ý kiến phản biện, góp ý. |  |
| Tổng điểm | | | | |  |

**DỰ ÁN 2:Món Ăn Cho Bữa Cơm Gia Đình**

**- EM LÀM KỸ SƯ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM-**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về dinh dưỡng hợp lí, chế biến và bảo quản thực phẩm để thiết kế món ăn bữa cơm gia đình hợp lí.

- Lập thực đơn bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và chế biến được một món ăn không sử dụng nhiệt.

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc thiết kế một thực đơn dinh dưỡng hợp lí cho bữa ăn hàng ngày và chế biến một món ăn không sử dụng nhiệt.

**2. Kĩ năng**

- Lập kế hoạch, chọn món ăn phù hợp cho thực đơn, trình bày ý tưởng

- Giao tiếp hợp tác, phân công công việc

**3. Thái độ**

- Có thói quen học tập và làm việc theo quy trình.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

**4. Năng lực, phẩm chất**

- **Năng lực chung**: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực chuyên biệt**: Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể, năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

- **Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ; Có trách nhiệm bản thân và cộng đồng.

**II. PHƯƠNG PHÁP-KĨ THUẬT**

**1. Phương pháp**

PP dạy học Gợi mở - vấn đáp, PP thuyết trình, PP hoạt động nhóm, PP công tác độc lập

**2. Kĩ thuật dạy học**

Kĩ thật dự án

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Một số mẫu thực đơn

- Dự kiến phân chia học sinh trong lớp thành các nhóm.

- Máy chiếu

**2. Học sinh**

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, giấy A2, vở ghi, bút, thước…

- Bài thuyết minh về món ăn bữa cơm gia đình.

- Nguyên liệu thực phẩm cần thiết để chế biến món ăn.

- Các dụng cụ để chế biến món ăn.

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

- Ổn định lớp.

- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh **(**đồ dùng học tập của học sinh).

**2. Tổ chức các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họat động của giáo viên** | | **Họat động của học sinh** | | **Nội dung** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)**  **Mục tiêu:** Thông qua câu hỏi tình huống học sinh nắm lại kiến thức về bữa ăn dinh dưỡng hợp lí  **Nội dung:** Phân tích một số thực đơn  **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh | | | | |
| **Tổ chức thực hiện:**  Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  + Cho học sinh tham gia thảo luận nhóm  + Giáo viên đưa ra hình ảnh một số thực đơn của bữa ăn hàng ngày, yêu cầu học sinh phân tích các thực đơn đã cho có đầy đủ các nhóm thực phẩm chính theo tỉ lệ thích hợp hay chưa và cho biết thực đơn nào là hợp lí nhất  [http://tbn3.google.com/images?q=tbn:IVL3xWom4TJcgM:http://i84.photobucket.com/albums/k39/DHBA_2006/food%2520decoration/raucuqualuoc.jpg](http://images.google.com.vn/imgres?imgurl=http://i84.photobucket.com/albums/k39/DHBA_2006/food%20decoration/raucuqualuoc.jpg&imgrefurl=http://www.webtretho.com/forum/showthread.php?t=47461&page=17&usg=__hjNodDtx_JyYN9hUgt5bibwCCoc=&h=643&w=800&sz=303&hl=vi&start=3&um=1&tbnid=IVL3xWom4TJcgM:&tbnh=115&tbnw=143&prev=/images?q=rau+lu%E1%BB%99c&hl=vi&um=1) Cơm Rau thập cẩm luộc Canh rau má+ tôm khô  Bữa ăn 1  Cơm Vịt kho gừng Cá rô kho tộ Canh khổ qua + sườn  Bữa ăn 2  Cơm Canh mướp+ mồng tơi+ cua Tôm rang Rau củ luộc    Bữa ăn 3  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút  Bước 3 Báo cáo thảo luận: Giáo viên gọi một vài nhóm nhanh nhất trình bày, các nhóm khác nhận xét bổ sung  Bước 4 Kết luận nhận định: Giáo viên nhận xét và tuyên dương. Giáo viên nêu vấn đề dinh dưỡng hợp lí trong bữa ăn sẽ giúp cho mỗi chúng ta có sức khỏe tốt. Tuy nhiên hiện nay ở các thành phố lớn do nhịp sống hối hả, bận rộn, một bộ phận người dân ít chú trọng đến dinh dưỡng bữa ăn hàng ngày dẫn đến tình trạng thiếu hụt hoặc thừa các chất, ảnh hưởng đến sức khỏe. Thế nên để có được những bữa ăn hợp lí cần tham khảo thêm ý kiến của bác sĩ dinh dưỡng hoặc các các chuyên gia dinh dưỡng  Vậy tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện dự án để trải nghiệm làm một kỹ sư công nghệ thực phẩm của mọi nhà. | | | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1: Giới thiệu dự án**  **Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án  **Nội dung:** Chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **Sản phẩm:** Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **Tổ chức thực hiện** | | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - Giáo viên giới thiệu: Bữa ăn hàng ngày với đủ các nhóm dinh dưỡng hợp lí, theo tỉ lệ thích hợp và đa dạng thực phẩm sẽ giúp cho mỗi chúng ta có đầy đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết, đảm bảo sức khỏe cho mọi người, giúp làm việc có hiệu quả. Bác sĩ dinh dưỡng, chuyên gia dinh dưỡng, kỹ sư công nghệ hiện nay là một nghề khá phổ biến. Họ sẽ giúp tư vấn cho chúng ta về vấn đề dinh dưỡng hợp lí, từ đó chúng ta sẽ tổ chức được cho bản thân và gia đình những bữa ăn dinh dưỡng hợp lí nhằm đảm sức khỏe, từ đó giúp ta học tập, làm việc có hiệu quả hơn.  Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau trải nghiệm làm kỹ sư công nghiệp thực phẩm, sẽ cùng nhau thiết kế thực đơn cho bữa ăn hàng ngày đầy đủ dinh dưỡng, năng lượng; đồng thời trình bày cách thực hiện 1 món ăn đơn giản mà vẫn đảm bảo giàu dinh dưỡng, với một khoảng thời gian ngắn.  - Giáo viên nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án:  a- Món ăn bữa cơm gia đình:  + Thực đơn có đủ 4 nhóm dinh dưỡng và theo tỉ lệ thích hợp.  + Thực đơn phải có đủ các món ăn chính theo cơ cấu bữa ăn (món mặn; món mặn; món rau,củ,quả xào hoặc luộc) và một món phụ (món trộn)  + Thực đơn đa dạng thực phẩm, không trùng thực phẩm, cách chế biến.  b-Giới thiệu cách thực hiện một món ăn giàu dinh dưỡng, dễ thực hiện (trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp).  Để thực hiện dự án lớp sẽ được chia thành 4 nhóm (6 nhóm)  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: học sinh tập hợp theo nhóm thảo luận 2 phút chọn nhóm trưởng, thư ký  Bước 3 Báo cáo thảo luận: Các nhóm công bố nhóm trưởng và thư ký.  Bước 4 Kết luận nhận định: Giáo viên chốt lại danh sách nhóm | | Sáu nhóm có đủ nhóm trưởng, thư ký. | | |
| **Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**  **Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh lập kế hoạch thực hiện dự án  **Nội dung:** Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.  **Sản phẩm:** Kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án.  **Tổ chức thực hiện** | | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - Giáo viên hướng dẫn các nhóm tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện dự án  - Các công việc cần làm:  + Liệt kê các món canh, món mặn , món rau củ xào hoặc luộc và món phụ ( món trộn ).  + Lập thực đơn theo yêu cầu.  + Soạn bài thuyết minh về thực đơn giới thiệu.  + Lập kế hoạch thời gian, mốc thời gian cho từng công việc.  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm  + Liệt kê các dụng cụ vật liệu cần thiết: bao tay, khăn lau, thực phẩm cần thiết, dĩa, thau, đũa, muỗng......  Bước 2 :Thực hiện nhiệm vụ: học sinh thảo luận nhóm  Bước 3: báo cáo thảo luận: các nhóm công bố kế hoạch của nhóm  Bước 4: kết luận nhận định  Giáo viên kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm. | | Kế hoạch của các nhóm | | |
| **Hoạt động 3: Thực hiện dự án**  **Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh thực hiện dự án  **Nội dung:** Các công việc phải thực hiện để thực hiện hoàn chỉnh thực đơn bữa ăn hàng ngày và thực hiện một món ăn không sử dụng nhiệt.  **Sản phẩm:** Bảng thực đơn bữa cơm gia đình trên giấy A2, 1 sản phẩm (món ăn đã được chế biến áp dụng phương pháp không sử dụng nhiệt).  **Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đề ra.  - GV kiểm tra việc chuẩn bị dụng cụ, vật liệu của học sinh để thực hiện dự án.  - GV gợi ý:  - Bữa cơm gia đình thường có mấy món, đó là những món nào?  - Bữa cơm hợp lý phải đảm bảo yếu tố nào?  - Cần chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ nào cho món ăn mà nhóm sẽ trình bày?  -Để chế biến món ăn chúng ta cần thực hiện các bước nào?    Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.  Bước 3 Báo cáo thảo luận:  - Cá nhân đưa ra các món ăn đã liệt kê, nhóm thảo luận chọn món ăn phù hợp cho bữa cơm gia đình và đảm bảo tính hợp lý.  - Nêu tên món ăn mà nhóm sẽ chế biến và trình bày quy trình thực hiện món ăn .( phần thực hiện chế biến món ăn GV có thể cho học sinh thực hiện ở tiết thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt,nên ở tiết này HS trình chiếu các bước thực hiện trên powerpoit.)  Bước 4 Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá . | | - Thực đơn bữa cơm gia đình :  3 món: canh ; mặn; rau,củ xào hoặc luộc và một món ăn phụ (trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp).  - Bữa cơm phải đầy đủ dinh dưỡng và năng lượng thích hợp.  +Liệt kê các món ăn bữa cơm gia đình:          + Quy trình thực hiện một món ăn không sử dụng nhiệt(trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp) | | |
| **C. HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO DỰ ÁN**  **Mục tiêu:** Đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập  **Nội dung:** Các món ăn bữa cơm gia đình và quy trình chế biến một món ăn không sử dụng nhiệt.  **Sản phẩm:** Bảng thiết kế bữa cơm gia đình và bài powerpoit trình chiếu của các nhóm.  **Tổ chức thực hiện** | | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Giáo viên đề cử một bạn dẫn chương trình.  - Người dẫn chương trình lần lượt mời đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  Các nhóm trình bày sản phẩm em của nhóm theo các bước:  + Thực đơn có đủ 4 nhóm dinh dưỡng và theo tỉ lệ thích hợp.  + Thực đơn phải có đủ các món ăn chính theo cơ cấu bữa ăn ( món mặn; món mặn; món rau,củ,quả xào hoặc luộc) và một món phụ (món trộn)  + Thực đơn đa dạng thực phẩm, không trùng lắp thực phẩm, cách chế biến.  + Giới thiệu cách thực hiện một món ăn giàu dinh dưỡng, dễ thực hiện ( trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp)  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.  Bước 3 Báo cáo thảo luận  Các nhóm tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện ,rút kinh nghiệm  Bước 4 Kết luận nhận định:  Giáo viên nhận xét đánh giá quá trình thực hiện dự án và sản phẩm của mỗi nhóm theo tiêu chí đã đề ra ban đầu. | | - Bảng các món ăn bữa cơm gia đình của mỗi nhóm:    - Quy trình thực hiện món ăn:  +Sơ Chế thực phẩm.  +Chế biến thực phẩm.  +Trình bày món ăn.  -Phiếu đánh giá của nhóm cho từng thành viên. | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG(3’)**  **Mục tiêu:** Tìm tòi và mở rộng kiến thức, khái quát lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học  **Phương pháp dạy học:** Giao nhiệm vụ  **Định hướng phát triển năng lực:** tự chủ-tự học, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, giải quyết vấn đề. | | | | |
| Em hãy tìm hiểu qua người thân: Bà, Mẹ…,qua các kênh thông tin: sách báo,internet, facebook…tự lập thực đơn cho bữa cơm gia đình mình trong một tuần ; thực đơn đảm bảo hợp lý, đa dạng thực phẩm; thay đổi phương pháp chế biến… | | | | |

**IV KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

Bảng đánh giá thực hiện dự án của nhóm

Tên nhóm:

Có 4 mức đánh giá, điểm được làm tròn đến 0,5:  
- Mức 1: Từ 8,0 đến 10,0 điểm  
- Mức 2: Từ 6,5 đến 7,5 điểm  
- Mức 3: Từ 5,0 đến 6,0 điểm  
- Mức 4: Dưới 5 điểm – Không đạt

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức đô 4 |
| Nội dung  (2điểm) | Nội dung đảm bảo  tính chính xác kiến  thức bộ môn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày đầy đủ, rõ ràng các bước và có sự sáng tạo.  - Có các bí quyết riên riêng trong chế biến món ăn. | Nội dung đảm bảo  tính chính xác kiến thức bộ môn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày đầy đủ, rõ ràng các bước. | Nội dung đảm bảo tính chính xác kiến thức bộ môn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày đầy đủ.  Tuy nhiên, các bước thực hiện chưa được rõ ràng, hình ảnh minh họa các bước ít hoặc chưa phù hợp. | Nội dung có những  chỗ chưa đảm bảo tính chính xác kiến thức bộ môn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày một  cách sơ sài, không rõ ràng các bước, không có hình ảnh minh họa |
| Hình thức  (2điểm) | Thời gian nộp dự án  đúng tiến độ.  - Cấu trúc bài báo cáo được trình bày rõ ràng,đầy đủ .  -Hình ảnh ,âm thanh trong bài cáo rõ ràng,đẹp , phù hợp.  Cách thức trình bày sáng tạo, có điểm nhấn. | Thời gian nộp dự án  đúng tiến bộ.  -Cấu trúc bài báo cáo được trình bày rõ ràng,đầy đủ .  -Hình ảnh, âm thanh trong bài báo cáo phù hợp.  - Font chữ, màu sắc,  hiệu ứng đôi chỗ chưa hài hòa. | Thời gian nộp dự án bị chậm chưa quá 1 tuần.  - Cấu trúc bài báo cáo được trình bày chưa rõ ràng.  - Hình ảnh, âm thanh trong bài báo cáo chưa rõ, chưa phù hợp.  - Font chữ, màu sắc,hiệu ứng phần lớn chưa đạt. | Thời gian nộp dự án  bị chậm 1 tuần.  - Cấu trúc bài báo cáo không đầy đủ.  - Hình ảnh, âm thanhtrong bài báo cáo phần lớn chưa phù hợp.  - Hình thức trình bày bài báo cáo chưa đạt. |
| Phong cách báo cáo  (1điểm) | -Chủ động, tự tin, giọng nói to, rõ ràng.  -Làm chủ được thời gian, không gian báo cáo. | Chủ động, tự tin.  - rõ ràng  nhưng hơi bé.  - Làm chủ được thời  gian báo cáo nhưng  chưa làm chủ được không gian báo cáo. | Chủ động nhưng còn rụt rè, giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng.  - Chưa làm chủ được thời gian, không gian báo cáo. | - Ít sự chủ động còn rụt rè, giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng.  - Không làm chủ được thời gian và không gian báo cáo |
| Quy Trình Thực hiện  (2,5điểm) | Trình bày được thực đơn đã lên, giới thiệuđược món ăn lựa chọn  để thực hành.  - Chuẩn bị đầy đủ được  dụng cụ, nguyên liệuđể thực hiện được món  ăn.  -Đảm bảo được điều kiện vệ sinh an toàn  thực phẩm trong quá trình chế biến.  Thực hiện các bước trong quy trình chế  biến món ăn một cách khoa học  - Khu vực nấu ăn và đồ dùng được vệ sinh sạch sẽ sau khi chế biến. | - Trình bày được  thực đơn đã lên,giới thiệu được món ăn lựa chọn để thực hành.  - Chuẩn bị đầy đủ  được dụng cụ,  nguyên liệu để thực  hiện được món ăn.  - Đảm bảo được  điều kiện vệ sinh an  toàn thực phẩm  Thực hiện các  bước trong quy  trình chế biến món  ăn chưa khoa học.  - Khu vực nấu ăn và  đồ dùng được vệ  sinh chưa sạch sẽ sau khi chế biến | - Trình bày được thực đơn đã lên, giới thiệu được món ăn lựa chọn  để thực hành.  - Chuẩn bị chưa đầy đủ dụng cụ, nguyên liệu để thực hiện được món ăn.  - Đảm bảo được điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá chế biến.  Thực hiện các bước trong quy trình chế  biến món ăn chưa khoa học.  - Khu vực nấu ăn và đồ dùng được vệ sinh chưa sạch sẽ sau chế biến. | Trình bày được  thực đơn đã lên,  giới thiệu được  món ăn lựa chọn để  thực hành.  - Chuẩn bị nguyên  liệu, đồ dùng thiếu  nhiều thứ.  - Đ.iều kiện vệ sinh  an toàn thực phẩm  chưa được đảm bảo.  Không thực hiện  theo các bước trong  quy trình chế biến  món ăn.  - Không vệ sinh  khu vực nấu ăn và  đồ dùng sau khi |
| Chất lượng món ăn  (1,5điểm) | Món ăn được trình  bày đẹp mắt, sáng tạo.  - Món ăn có màu sắc hài hòa, mùi vị thơm, ngon, hấp dẫn.  - Trình bày được thành phần dinh dưỡng có trong món ăn. | Món ăn được trình  bày đẹp mắt.  - Món ăn có màu  sắc hài hòa, mùi thơm hấp dẫn nhưng vị hơi mặn hoặc hơi nhạt.  - Trình bày được  thành phần dinh  dưỡng có trong món ăn. | Món ăn được trình bày đẹp mắt.  - Món ăn có vị hơi  mặn hoặc hơi nhạt,màu sắc chưa được hàihòa, mùi thơi chưa hấp dẫn.  - Trình bày được một phần thành phần dinh dưỡng có trong món ăn. | Món ăn được  trình bày sơ sài.  - Màu sắc, mùi vị  của món ăn không  đạt yêu cầu.  - Không trình bày  được thành phần  dinh dưỡng của  món ăn. |
| Trả lời câu hỏi chất vấn  (1điểm) | Trả lời câu hỏi chính xác kiến thức bộ môn,tự tin, rõ ràng, có sự minh họa. | Trả lời câu hỏi chính  xác kiến thức bộ môn | Trả lời câu hỏi đúng một phần kiến thức bộ môn, chưa tự tin. | Không trả lời được  câu hỏi. |

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

[**https://www.facebook.com/groups/thuvienstem**](https://www.facebook.com/groups/thuvienstem)

**TÊN BÀI DẠY: DỰ ÁN 3**

**EM LÀM NHÀ THIẾT KẾ THỜI TRANG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Công nghệ ; lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về trang phục và thời trang để hình thành ý tưởng thiết kế một bộ trang phục theo chủ đề cho trước.

- Vẽ phác thảo bộ trang phục đã thiết kế.

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc thiết kế và vẽ phác thảo bộ trang phục.

**2. Về năng lực:**

**Năng lực chung** : Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

**Năng lực chuyên biệt** :

- Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể, năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

- Lập kế hoạch, vẽ thiết kế, trình bày ý tưởng

- Giao tiếp hợp tác, phân công công việc

**3. Về phẩm chất:**

**-** Có thói quen học tập và làm việc theo quy trình.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

- Tự lập, tự tin, tự chủ; Có trách nhiệm bản thân và cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Một số bản vẽ thiết kế thời trang

- Mẫu gập thân người thiếu niên nam và nữ

- Máy chiếu, tập chí thời trang

**2. Học sinh:**

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước…

- Đọc và tìm hiểu trước bài, sưu tầm tài liệu, tranh ảnh liên quan.

- giấy, màu chì hoặc màu nước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5’)**  **Mục tiêu:** Thông qua trò chơi học sinh tò mò về nghề thiết kế thời trang  **Nội dung:** Tìm hiểu một số nhà thiết kế thời trang  **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh | | |
| **Tổ chức thực hiện:**  Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  + Cho học sinh tham gia trò chơi “Họ là ai”  + Giáo viên đưa ra hình ảnh một số nhà thiết kế kế thời trang nổi tiếng trong nước, yêu cầu học sinh nêu tên những nhà thiết kế này  Đỗ Mạnh Cường  Năm 2008, anh được một tờ tạp chí bình chọn là một trong 15 nhân vật và sự kiện của năm. Anh đã từng tham gia rất nhiều show thời trang trong nước và quốc tế Elle show 2010, Đẹp Fashion show... Ngoài ra anh còn đảm nhận vai trò ban giám khảo trong cuộc thi người mẫu Vietnam Next Top Model.  Nguyễn Công Trí  Công Trí là kiểu nhà thiết kế luôn tìm tòi nhiều hướng đi mới trong trang phục thời trang cũng như các bộ ảnh thời trang  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: học sinh thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút  Bước 3 báo cáo thảo luận: giáo viên gọi một số học sinh trả lời học sinh khác nhận xét bổ sung  Bước 4 kết luận nhận định  Giáo viên nhận xét và tuyên dương. Giáo viên đặt câu hỏi các em có biết những người này làm công việc gì?  Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện dự án để trải nghiệm là một nhà thiết kế thời trang | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1: Giới thiệu dự án**  **Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án  **Nội dung:** Chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **Sản phẩm:** mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **Tổ chức thực hiện** | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - Giáo viên giới thiệu: thiết kế thời trang hiện nay là một ngành rất hot, nước ta có rất nhiều nhà thiết kế thời trang thành công trong và cả ngoài nước như là nhà thiết kế Đỗ Mạnh Cường, Nguyễn Công Trí.... Họ không chỉ tạo nên những bộ trang phục đẹp mà còn còn làm cho thời trang Việt Nam có chỗ đứng trên thế giới.  Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau trải nghiệm là những nhà thiết kế qua dự án vẽ thiết kế đồng phục học sinh  - Giáo viên nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án:  +Thứ nhất kiểu dáng phù hợp với xu hướng thời trang về đồng phục học sinh  + Thứ hai kiểu may thoải mái tiện dụng  + Thứ ba màu sắc và hoa văn nếu có phù hợp cho các hoạt động học tập tại trường  + Thứ tư loại vải thấm hút mồ hôi dễ giặt mau khô thứ năm các vật dụng đi kèm mũ giày tất phải đồng bộ với quần áo  Để thực hiện dự án lớp sẽ được chia thành 4 nhóm  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: học sinh tập hợp theo nhóm thảo luận 2 phút chọn nhóm trưởng, thư ký  Bước 3 Báo cáo thảo luận: Các nhóm công bố nhóm trưởng và thư ký  Bước 4 Kết luận nhận định  Giáo viên chốt lại danh sách nhóm | Bốn nhóm có đủ tổ trưởng, thư ký |
| **Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**  **Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh lập kế hoạch thực hiện dự án  **Nội dung:** Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm  **Sản phẩm:** Kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án  **Tổ chức thực hiện** | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - Giáo viên hướng dẫn các nhóm tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện dự án  - Các công việc cần làm:  + Nghiên cứu xác định xu hướng đồng phục học sinh Trung học cơ sở, thảo luận để thống nhất bộ kiểu dáng màu sắc trang phục mà nhóm lựa chọn vẽ phác thảo bộ trang phục trên giấy.  + Soạn bài thuyết minh ý tưởng thiết kế đồng phục  + Lập kế hoạch thời gian, mốc thời gian cho từng công việc.  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm  + Liệt kê các dụng cụ vật liệu cần thiết: giấy màu, vẽ rập thân người  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: học sinh thảo luận nhóm  Bước 3 báo cáo thảo luận: Các nhóm công bố kế hoạch của nhóm  Bước 4 kết luận nhận định  Giáo viên kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm | kế hoạch của các nhóm |
| **Hoạt động 3: Thực hiện dự án**  **Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh thực hiện dự án  **Nội dung:** Các công việc phải thực hiện để thiết kế hoàn chỉnh bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở  **Sản phẩm:** hình vẽ hai bộ đồng phục nam và nữ trên giấy  **Tổ chức thực hiện** | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - Giáo viên cung cấp các thông tin cần thiết, mẫu rập thân người để hỗ trợ học sinh thực hiện dự án  Mẫu rập  - Giáo viên hướng dẫn học sinh kiểm tra vật liệu, dụng cụ cần thiết để thực hiện dự án  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm  - Giáo viên đặt câu hỏi gợi mở  (1) Đồng phục học sinh Trung học Cơ sở thường có đặc điểm thế nào?  (2) Loại vải nào phù hợp để may đồng phục học sinh?  (3) Kiểu may và màu sắc của trang phục như thế nào để phù hợp với các hoạt động học tập và sinh hoạt tại trường?  (4) Bộ đồng phục có họa tiết trang trí ra sao để tạo điểm nhấn và đạt yêu cầu thẩm mỹ?  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: học sinh thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  Bước 3 Báo cáo thảo luận: Cá nhân trả lời, các bạn còn lại nhận xét, bổ sung  Bước 4 Kết luận nhận định  Giáo viên nhận xét, đánh giá | Câu trả lời của học sinh  (1) Màu sắc đặc trưng, có logo riêng, thiết kế phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự năng động  (2) Loại vải thường thoáng mát thấm hút mồ hôi tốt như vải cotton, katê....  (3) Kiểu may đơn giản  Màu sắc phù hợp với đặc điểm địa phương  (4) Họa tiết tinh tế mà không cầu kỳ |
| **HOẠT ĐỘNG 3: BÁO CÁO DỰ ÁN**  **Mục tiêu:** Đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập  **Nội dung:** Bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở đã được thiết kế  **Sản phẩm:** Bản vẽ phác thảo và nội dung thuyết minh giới thiệu bộ trang phục của mỗi nhóm học sinh  **Tổ chức thực hiện** | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên mời 1 bạn làm người dẫn chương trình  - Người dẫn chương trình mình đều động các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm của nhóm mình  Các nhóm trình bày sản phẩm em của nhóm theo các bước  - Ý tưởng thiết kế theo xu hướng thời trang  - Ý tưởng chọn kiểu dáng bộ trang phục  - Ý tưởng chọn màu sắc và hoa văn bộ trang phục  - Ý tưởng chọn vật dụng đi kèm nếu có  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm báo cáo  Bước 3 Báo cáo thảo luận  Các nhóm tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện rút kinh nghiệm  Bước 4 Kết luận nhận định  Giáo viên nhận xét đánh giá quá trình thực hiện dự án và sản phẩm của mỗi nhóm theo tiêu chí đã đề ra ban đầu | Sản phẩm của các nhóm |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (2’)**  **Mục tiêu:** Tìm tòi và mở rộng kiến thức, khái quát lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học  **Phương pháp dạy học:** Giao nhiệm vụ  **Định hướng phát triển năng lực:** tự chủ-tự học, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, giải quyết vấn đề | | |
| Em hãy trao đổi với người thân, bạn bè hoặc qua ti vi, internet, sách báo cho biết những người dân sông ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long có những kiểu thời trang nào được ứng dụng nhiều nhất trong cuộc sống | | |

**IV KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

Bảng theo dõi thực hiện dự án của nhóm

Tên nhóm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TIÊU CHÍ | MỨC ĐỘ | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| Tham gia thảo luận, đưa ý kiến | Không có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm nhưng không đầy đủ thành viên hoặc không có biên bản thảo luận nhóm. | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm với đầy đủ thành viên, có biên bản thảo luận nhóm nhưng ghi chép sơ sài. | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm với đầy đủ thành viên và ghi chép chi tiết biên bản thảo luận nhóm. |
| Có thành viên không quan tâm tham gia thảo luận với các bạn nhưng không nhận được sự nhắc nhở của nhóm | Các thành viên đều tham gia thảo luận, góp ý kiến nhưng chưa có sự đồng đều giữa các thành viên | Các thành viên đều hăng hái, tích cực tham gia thảo luận và đưa ra ý kiến cá nhân | Các thành viên đều hăng hái, tích cực tham gia thảo luận, có sự tranh luận sôi nổi và đưa ra ý kiến sáng tạo, hiệu quả có thể sử dụng |
| Thái độ hợp tác, cộng tác nhóm | Không có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm. | Có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm. | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân. | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân, đồng thời giúp cho các bạn hợp tác tốt với nhau |
| Kế hoạch làm việc | Không có kế hoạch | Kế hoạch sơ sài, không thực tế | Có kế hoạch chi tiết, rõ ràng nhưng không thực tế | Kế hoạch chi tiết rõ ràng, thực tế, sáng tạo, khả năng ứng dụng cao |
| Năng lực làm việc | Không thực hiện các công việc được giao hoặc thực hiện không đạt yêu cầu | Tích cực thực hiện các công việc được giao, đạt yêu cầu | Thực hiện các công việc được giao một cách sáng tạo, đạt hiệu quả cao | Thực hiện các công việc được giao một cách sáng tạo, hiệu quả. Xung phong thực hiện những công việc khó. |
| Thời gian hoàn thành công việc | Thường xuyên không hoàn thành công việc đúng hạn | Hoàn thành các công việc không giao đúng thời hạn quy định | Hoàn thành các công việc được giao sớm so với thời hạn quy định | Hoàn thành các công việc được giao sớm, giúp đỡ các bạn khác trong nhóm hoàn thành công việc đúng hạn |

Phiếu đánh giá sản phẩm

Tên nhóm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TIÊU CHÍ | | ĐIỂM |
| Bài báo cáo | Giới thiệu nhóm ấn tượng. | 8 |
| Nêu được mục đích của buổi báo cáo. | 8 |
| Trình bày rõ ràng, dễ hiểu quy trình làm sản phẩm. | 8 |
| Đánh giá được ưu, nhược điểm của sản phẩm. | 8 |
| Hình thức đẹp, hợp lý, bố cục rõ ràng. | 8 |
| Sản phẩm | Đặt tên phù hợp, ấn tượng cho sản phẩm. | 8 |
| Chất lượng sản phẩm. | 8 |
| Mức độ sáng tạo thể hiện trong sản phẩm. | 8 |
| Sản phẩm thiết thực, có tác động tích cực tới sức khỏe con người và môi trường. | 8 |
| Chi phí tạo thành sản phẩm phù hợp. | 8 |
| Sắm vai hoạt động | Trình bày mạch lạc, thuyết phục trong thời gian quy định; phù hợp với sự phân vai hoạt động. | 10 |
| Thu hút được sự chú ý của mọi người. | 10 |
|  | Tổng điểm | 100 |

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

[**https://www.facebook.com/groups/thuvienstem**](https://www.facebook.com/groups/thuvienstem)